

[Type text]

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TÊN ĐỀ TÀI

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN TSCĐ VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP
NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BCTC NÓI CHUNG VÀ
QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ NÓI RIÊNG ĐỐI VỚI
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT (APS)**

Chủ nhiệm đề tài: Phạm Thị Thu Hà

HẢI PHÒNG, 2013

[Type text]

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

TÊN ĐỀ TÀI

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN TSCĐ VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP
NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BCTC NÓI CHUNG VÀ
QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ NÓI RIÊNG ĐỐI VỚI
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT (APS)

CHUYÊN NGÀNH: Kế Toán Kiểm Toán

Chủ nhiệm đề tài: Phạm Thị Thu Hà

Các thành viên:

HẢI PHÒNG, 2013

LỜI MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài:

[Type text]

Cùng với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế thế giới, kinh tế nước ta - một nền kinh tế nhỏ - đang có nhiều biến chuyển to lớn. Từ nền kinh tế quan liêu bao cấp, trì trệ bị bao vây cấm vận, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, đến hôm nay, sau những năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hình thành, nền kinh tế có những bước tiến vững vàng, tạo đà cho thế kỷ phát triển mới của đất nước. Theo sự phát triển đó, các thông tin kế toán cũng ngày càng được mở rộng, đa dạng, phức tạp và chứa đựng không ít rủi ro. Để cho hoạt động kinh tế có hiệu quả, yêu cầu đặt ra là thông tin kế toán phải trung thực, hợp lý. Muốn vậy các thông tin này phải được thẩm định qua hoạt động kiểm toán. Và kiểm toán ra đời và phát triển như một nhu cầu tất yếu, khách quan. Hoạt động kiểm toán không chỉ tạo niềm tin cho những người quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp mà còn góp phần hướng dẫn nghiệp vụ và củng cố nề nếp hoạt động tài chính kế toán, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị được kiểm toán.

Ở nước ta, hoạt động kiểm toán nói chung và hoạt động kiểm toán độc lập nói riêng tuy mới ra đời, nhưng đã và đang khẳng định vai trò của mình. Sự phát triển nhanh chóng của các công ty kiểm toán độc lập trong những năm qua ở Việt Nam đã chứng minh sự cần thiết của hoạt động kiểm toán. Kiểm toán đã trở thành một hoạt động chuyên sâu, một khoa học chuyên ngành, là trọng tài đo lường uy tín hoạt động của các doanh nghiệp. Một trong những loại hình dịch vụ chủ yếu mà các công ty kiểm toán độc lập cung cấp cho khách hàng là kiểm toán báo cáo tài chính. Thông qua hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC nói riêng, các thông tin kế toán trở nên minh bạch, tạo sự tin tưởng trong kinh doanh cũng như tạo ra một môi trường kinh doanh tin cậy, lành mạnh và có hiệu quả. Báo cáo tài chính phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung trên mọi khía cạnh của quá trình kinh doanh. Một tập hợp các thông tin có được từ việc xử lý các giao dịch cuối cùng sẽ được phản ánh thành các bộ phận, các khoản mục trên Báo cáo tài chính. Vì vậy, để đạt được mục đích kiểm

[Type text]

toán toàn diện Báo cáo tài chính, kiểm toán viên cần phải xem xét, kiểm tra riêng biệt các bộ phận của chúng.

Tài sản cố định (TSCĐ) và khấu hao tài sản cố định là một bộ phận không thể thiếu đối với bất cứ doanh nghiệp nào và đồng thời là một bộ phận quan trọng của BCTC, chiếm giá trị lớn trong tổng tài sản của doanh nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó khoản mục này cũng chứa đựng nhiều rủi ro kiểm toán. Mỗi sai sót đối với khoản mục này có thể gây ra những ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC của doanh nghiệp. Vì vậy mà việc đưa ra kết luận kiểm toán về TSCĐ có ảnh hưởng lớn đến kết luận kiểm toán BCTC.

Nhận thức được tính cấp thiết, sự quan trọng của TSCĐ trong mỗi DN và công việc kiểm toán TSCĐ đối với các công ty kiểm toán nên em đã lựa chọn đề tài:

Thực trạng công tác kiểm toán TSCĐ và một số biện pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC nói chung và quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng đối với công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS)

Mục tiêu của đề tài

- Hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC nói chung và quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng đối với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS).

Tính độc đáo của đề tài

Mặc dù đây là đề tài đã và đang được nghiên cứu nhiều, tuy nhiên:

- Đây là một đề tài mới và đầu tiên tại Trường ĐHDL Hải Phòng.

[Type text]

- Và cũng là đề tài đầu tiên tại Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát về hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ trong kiểm toán BCTC.

Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

- Trên thế giới: Kiểm toán là một lĩnh vực đã và đang được nghiên cứu rất nhiều trên thế giới vì lợi ích và thông tin mà nó mang lại cho nền kinh tế.

Trong nước: Kiểm toán cũng là một trong các lĩnh vực mới được tiến hành nghiên cứu và mong muốn mang lại hiệu quả cho nền kinh tế đang trên đường hội nhập nền kinh tế thế giới ở nước ta.

Đối tượng nghiên cứu

Công tác kiểm toán Báo cáo tài chính khoản mục TSCĐ do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn kế toán An Phát (APS) thực hiện tại công ty Haivina Kim Liên.

Phạm vi nghiên cứu

Khoản mục Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Haivina Kim Liên.

Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích
- Phương pháp tổng hợp
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp chuyên gia

Kết cấu của đề tài : gồm 3 chương

Chương 1: Lý luận chung về kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán BCTC

[Type text]

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn kế toán An Phát (APS) thực hiện.

Chương 3: Biện pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC nói chung và quy trình kiểm toán TSCĐ nói riêng đối với công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS).

Em hoàn thành được đề tài này là nhờ sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn: Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô giáo trong khoa, cùng ban giám đốc, các anh chị phòng NV3 trong công ty kiểm toán An Phát. Qua đây em muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến cô giáo Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô trong khoa cùng toàn thể công ty kiểm toán An Phát. Do năng lực bản thân còn hạn chế cũng như kinh nghiệm còn ít nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót, mong thầy cô quan tâm, góp ý để em hoàn thiện đề tài này.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

[Type text]

Viết tắt	Đầy đủ	Viết tắt	Đầy đủ
BCĐPS	Bảng cân đối phát sinh	DN	Doanh nghiệp
BCKT	Báo cáo kiểm toán	HĐQT	Hội đồng quản trị
BCTC	Báo cáo tài chính	HTK	Hàng tồn kho
BGD	Ban giám đốc	KH	Khách hàng
CĐKT	(Bảng) Cân đối kế toán	KSCL	Kiểm soát chất lượng
CMKT	Chuẩn mực kế toán	KSNB	Kiểm soát nội bộ
CMKiT	Chuẩn mực kiểm toán	KTV	Kiểm toán viên
LĐ	Lao động	TSCĐ	Tài sản cố định
TQL	Thư quản lý	XDCB	Xây dựng cơ bản
TK	Tài khoản		

CÁC KÍ HIỆU KIỂM TOÁN QUY ƯỚC:

[Type text]

Ký hiệu	Ý nghĩa
√	Kí hiệu này điền trong ô vuông □ để thể hiện có tài liệu lưu trong hồ sơ kiểm toán hoặc thể hiện dữ kiện nêu ra là đúng
×	Kí hiệu này điền trong ô vuông □ để thể hiện không có tài liệu lưu trong hồ sơ kiểm toán hoặc thể hiện dữ kiện nêu ra là sai
N/A	Không áp dụng / None applicapble
BS	Khớp với số liệu trên Bảng cân đối kế toán / Agreed to balance sheet: ký hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên BCĐKT
PL	Khớp với số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh / Agreed to profit and loss statement: kí hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên BCKQKD
PY	Khớp với số liệu trên BCKT năm trước / Agreed to previous year's report: kí hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên BCTC đã kiểm toán năm trước
TB	Khớp với số liệu trên Bảng cân đối phát sinh / Agreed to trial balance: kí hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên BCĐPS
LS	Khớp với số liệu trên bảng số liệu tổng hợp / Agreed to leadsheet:

[Type text]

	kí hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên Bảng số liệu tổng hợp
GL	Khớp với số liệu trên sổ cái / Agreed to general ledger: ký hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên sổ cái tài khoản
SL	Khớp với số liệu trên sổ chi tiết / Agreed to sub- ledger: kí hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên sổ chi tiết tài khoản
AC	Khớp với số liệu trên thư xác nhận / Agreed to audit confirmation: kí hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên thư xác nhận do KTV gửi

Lưu ý: Tất cả các ký hiệu tham chiếu cần được ghi bằng mực đỏ và ghi nhỏ, gọn bên cạnh số liệu.

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1 Tổng quan về kiểm toán Báo cáo tài chính khoản mục TSCĐ

1.1.1 Khái niệm kiểm toán Báo cáo tài chính

Hiện nay, khái niệm “ Kiểm toán báo cáo tài chính” vẫn có nhiều cách dùng và cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, theo cách hiểu chung nhất thì kiểm toán báo cáo tài chính được hiểu như sau:

Kiểm toán báo cáo tài chính là hoạt động của các kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán về các báo cáo tài chính được kiểm toán nhằm kiểm tra và báo cáo về mức độ trung thực của báo cáo tài chính được kiểm toán với các tiêu chuẩn, chuẩn mực đã được thiết lập. (Trích giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính – Nhà xuất bản tài chính năm 2011)

1.1.2 Đối tượng của kiểm toán báo cáo tài chính và cách tiếp cận

1.1.2.1 Đối tượng của kiểm toán báo cáo tài chính

Trong kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng kiểm toán là các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính: gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này chứa đựng những thông tin tài chính phản ánh kết quả, các mặt hoạt động của doanh nghiệp bằng các chỉ tiêu giá trị, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình và kết quả lưu chuyển tiền tệ và các thông tin cần thiết khác để nhà quản lý, chính phủ, các ngân hàng, nhà đầu tư, cho người bán, người mua sử dụng báo cáo tài chính có thể phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình và kết quả kinh doanh của đơn vị.

1.1.2.2 Các cách tiếp cận

[Type text]

Báo cáo tài chính được kiểm toán bằng việc chia báo cáo tài chính thành các bộ phận. Có hai phương pháp tiếp cận kiểm toán báo cáo tài chính là phương pháp trực tiếp và phương pháp chu kỳ.

Phương pháp trực tiếp (kiểm toán theo khoản mục) tiếp cận báo cáo tài chính theo các chỉ tiêu hoặc nhóm chỉ tiêu như tiền, hàng tồn kho tài sản cố định v.v. Theo phương pháp này nội dung kiểm toán và đối tượng thông tin trực tiếp của kiểm toán là như nhau nên dễ xác định. Tuy nhiên, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính không hoàn toàn độc lập với nhau nên việc triển khai kiểm toán theo phương hướng này thường không đạt hiệu quả cao.

Phương pháp tiếp cận kiểm toán theo chu kỳ, theo phương pháp này, những chỉ tiêu có liên quan đến cùng một loại nghiệp vụ được nghiên cứu trong mối quan hệ với nhau. Các nghiệp vụ, các chỉ tiêu có thể khái quát thành các chu kỳ sau:

- Chu kỳ mua hàng và thanh toán.
- Chu kỳ bán hàng và thu tiền.
- Chu kỳ nhân sự và tiền lương.
- Chu kỳ hàng tồn kho chi phí và giá thành.
- Chu kỳ huy động vốn và hoàn trả.
- Kiểm toán tiền.

Kiểm toán nghiệp vụ cho phép xác định hoặc thu hẹp phạm vi kiểm toán cơ bản đối với các số dư hoặc số tiền trên báo cáo tài chính.

Dù tiếp cận theo phương pháp trực tiếp hay phương pháp chu kỳ, cuối cùng kiểm toán viên vẫn phải đưa ra ý kiến nhận xét tổng quát, toàn bộ về báo cáo tài chính được kiểm toán. Nhưng do các nghiệp vụ ảnh hưởng và kết nối số dư trong mỗi chu kỳ, giữa các chu kỳ lại có mối liên hệ chặt chẽ hơn với nhau nên kiểm toán theo chu kỳ sẽ khoa học hơn và tiết kiệm chi phí hơn so với phương pháp tiếp cận trực tiếp.

[Type text]

Đối với TSCĐ, Kiểm toán viên tiến hành kiểm toán theo khoản mục

1.1.3 Kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.3.1 Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (Chuẩn mực 03, 04 – Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001), một nguồn lực của doanh nghiệp được coi là TSCĐ phải có đủ 4 tiêu chuẩn sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- Nguyên giá tài sản cố định phải được xác định một cách đáng tin cậy
- Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm
- Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Đặc điểm cơ bản nhất của TSCĐ là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh. Khi tham gia vào quá trình sản xuất – kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của nó được dịch chuyển từng phần vào chi phí kinh doanh. Khác với đối tượng lao động, tài sản cố định giữ nguyên hình thái ban đầu cho đến lúc hư hỏng.

Đối với tài sản cố định, giá trị tài sản cố định vô hình và việc phân biệt tài sản thuê tài chính với tài sản thuê hoạt động thường khó xác định.

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng, doanh nghiệp phải sử dụng hợp lý công suất để phát triển sản xuất, phải tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ.

1.1.3.2 Phân loại TSCĐ

a. TSCĐ hữu hình: Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau... nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ, cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo những đặc trưng nhất định như phân theo quyền sở hữu, phân theo nguồn hình thành, phân theo hình thái biểu hiện, phân theo

[Type text]

hình thái biểu hiện kết hợp tính chất đầu tư, ... Mỗi một cách phân loại có tác dụng khác nhau đối với công tác hạch toán và quản lý TSCĐ.

Trong các cách phân loại trên thì cách phân loại theo hình thái biểu hiện kết hợp tính chất đầu tư là cách phân loại được sử dụng phổ biến hiện nay trong công tác hạch toán và quản lý TSCĐ ở các doanh nghiệp. Theo cách phân loại này, TSCĐ trong doanh nghiệp được chia thành:

- Tài sản cố định hữu hình: là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình.

Theo điều 3 Thông tư 203/2009/TT – BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính quy định tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình phải có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên (bắt đầu áp dụng cho năm tài chính 2010).

- Tài sản cố định vô hình: là những tài sản cố định không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

- Tài sản cố định thuê tài chính: là TSCĐ mà doanh nghiệp đi thuê dài hạn và được bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tiền thu về từ cho thuê đủ cho người cho thuê trang trải được chi phí của tài sản cộng với khoản lợi nhuận từ đầu đó.

Theo chế độ hiện hành, TSCĐ thuê tài chính chỉ bao gồm những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính, ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng. Mọi hợp đồng thuê TSCĐ nếu không thỏa mãn các quy định trên được coi là TSCĐ thuê hoạt động (Thông tư 203/2009/TT-BTC)

[Type text]

Hoặc căn cứ vào mục đích sử dụng của TSCĐ, doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản cố định theo các chỉ tiêu sau:

Đối với TSCĐ hữu hình, doanh nghiệp phân loại như sau:

Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ụ triền đê.

Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây chuyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

Loại 6: Các loại TSCĐ khác: là toàn bộ các TSCĐ khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

[Type text]

b. TSCĐ vô hình: quyền sử dụng đất, quyền phát hành, bằng sáng chế phát minh, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sản phẩm, kết quả của cuộc biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng là những tài sản cố định do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng trong doanh nghiệp. Các TSCĐ này cũng được phân loại theo quy định tại điểm 1 nêu trên.

TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ là những tài sản cố định doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất giữ hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp, doanh nghiệp tự phân loại chi tiết hơn các tài sản cố định của doanh nghiệp trong từng nhóm cho phù hợp.

1.1.3.3 Công tác quản lý TSCĐ

Tài sản cố định là cơ sở vật chất chủ yếu, giúp cho doanh nghiệp đạt được các mục tiêu về hoạt động và tài chính trong quá trình sản xuất kinh doanh. Nhiệm vụ đặt ra đối với mỗi doanh nghiệp là phải tăng cường công tác quản lý TSCĐ nhằm đạt hiệu quả cao. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu nhưng giá trị của nó giảm dần sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh. Vì vậy, trong công tác quản lý TSCĐ, các doanh nghiệp cần theo dõi cả về mặt hiện vật và mặt giá trị của TSCĐ.

- Quản lý về mặt hiện vật:

[Type text]

Do đặc điểm TSCĐ có thời gian sử dụng lâu dài nên việc tổ chức quản lý và bảo quản TSCĐ về mặt hiện vật có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc quản lý phải được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng đối với các TSCĐ. TSCĐ phải luôn được đảm bảo đầy đủ về số lượng, tránh được những hỏng hóc, mất mát và có thể phát huy hết công suất hiện có trong quá trình sử dụng, khi TSCĐ bị hư hỏng phải phát hiện kịp thời được ngay và có những biện pháp khắc phục và sửa chữa một cách kịp thời. Muốn vậy, các đơn vị phải xây dựng được các nội quy quản lý và sử dụng TSCĐ một cách khoa học; phải xây dựng được các kế hoạch sử dụng, khấu hao và sửa chữa TSCĐ một cách phù hợp với thực tế sử dụng tài sản; phải xây dựng được các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến việc sử dụng tài sản.

- Quản lý về mặt giá trị

Việc xác nhận và ghi sổ đối với TSCĐ về giá trị có ảnh hưởng quan trọng đến các báo cáo tài chính, đến các thông tin liên quan đến các tài sản này. Về mặt giá trị, TSCĐ phải được quản lý chặt chẽ về nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Trong quá trình quản lý, đòi hỏi đơn vị phải dõi theo chặt chẽ tình hình tăng, giảm giá trị TSCĐ khi sửa chữa, nâng cấp, tháo dỡ các chi tiết bộ phận, cải tiến, đánh giá lại TSCĐ...

- Nguyên tắc xác định nguyên giá TSCĐ:

Đối với TSCĐ hữu hình:

- TSCĐ hữu hình tăng do mua mới

	Chi phí trước khi	Các khoản giảm
NG TSCĐ (Mua vào) =	Giá mua sử dụng (vận chuyển, lắp đặt, chạy thử) + ghi trên hóa đơn	trừ (chiết khấu mua hàng, giảm giá hàng bán)

- TSCĐ hữu hình tăng do xây dựng cơ bản bàn giao

[Type text]

NG TSCĐ Giá quyết toán công Chi phí trước khi
(trước khi = trình xây dựng cơ bản + sử dụng
sử dụng) bàn giao

- TSCĐ hữu hình được cấp phát viện trợ, biếu tặng

Nguyên giá Giá trị của đơn vị cấp Các chi phí trước
TSCĐ = phát, viện trợ, biếu tặng + khi sử dụng

- TSCĐ hữu hình tăng do nhận góp vốn liên doanh

Nguyên giá Các chi phí trước
TSCĐ = Giá vốn góp + khi sử dụng

Đối với TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Đối với TSCĐ vô hình:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi

[Type text]

phí vận chuyển bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi

- Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính. Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất:

+ Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ: là toàn

[Type text]

bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Theo TT203/2009/TT_BTC nguyên giá TSCĐ trong doanh nghiệp chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại các giá trị TSCĐ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc do thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, hoặc do dùng tài sản để đầu tư ra nước ngoài.

- Đầu tư nâng cấp TSCĐ

- Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của một TSCĐ hữu hình.

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải thiết lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo các quy định hiện hành.

- Giá trị hao mòn TSCĐ

Khi tham gia vào quá trình sản xuất, giá trị của TSCĐ bị hao mòn dần. Để đảm bảo tái đầu tư và mục đích thu hồi vốn, bộ phận kế toán có nhiệm vụ phải tính và phân bổ giá trị hao mòn vào chi phí sản xuất trong kỳ kế toán tương ứng. Đây thực chất là việc tính và trích khấu hao TSCĐ. Mức khấu hao tính vào chi phí sản xuất trong kỳ phụ thuộc vào phương pháp khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp áp dụng.

- Phương pháp trích khấu hao:

[Type text]

Tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao, trừ những TSCĐ sau đây:

- TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh. TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất.

- TSCĐ khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê tài chính).

- TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

- TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).

- TSCĐ là nhà và đất ở trong trường hợp mua lại nhà và đất ở đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất lâu dài thì giá trị quyền sử dụng đất không phải tính khấu hao.

- TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất.

TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được (nếu có), doanh nghiệp dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp, thì phần chênh lệch thiếu doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cho thuê TSCĐ hoạt động phải trích khấu hao đối với TSCĐ cho thuê.

[Type text]

Doanh nghiệp thuê TSCĐ theo hình thức thuê tài chính (gọi tắt là TSCĐ thuê tài chính) phải trích khấu hao TSCĐ đi thuê như TSCĐ thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, doanh nghiệp thuê TSCĐ thuê tài chính cam kết không mua tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính, thì doanh nghiệp đi thuê được trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính theo thời hạn thuê trong hợp đồng.

Trường hợp đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để góp vốn, điều chuyển khi chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì các TSCĐ này phải được các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định giá trị nhưng không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản đó. Thời điểm trích khấu hao đối với những tài sản này là thời điểm doanh nghiệp chính thức nhận bàn giao đưa tài sản vào sử dụng và thời gian trích khấu hao từ 3 đến 5 năm. Thời gian cụ thể do doanh nghiệp quyết định nhưng phải đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.

Theo thông tư số 203/2009/TT_BTC thì doanh nghiệp có thể tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo 3 phương pháp khấu hao chủ yếu:

- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng: Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm; thiết bị và phương tiện vận tải; dụng cụ quản lý; súc vật, vườn cây lâu năm. Khi thực hiện trích khấu hao nhanh, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Trường hợp doanh nghiệp trích

[Type text]

khấu hao nhanh vượt 2 lần mức quy định tại khung thời gian sử dụng tài sản cố định, thì phần trích vượt mức khấu hao nhanh (quá 2 lần) không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần: Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh. TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau: Là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng); Là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm: Tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng thời các điều kiện sau: Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm; Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định; Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

- Tùy thuộc vào mục đích sử dụng từng loại TSCĐ dùng vào hoạt động SXKD mà doanh nghiệp thực hiện trích khấu hao theo phương pháp thích hợp.

Mọi TSCĐ của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD của từng doanh nghiệp đều phải trích khấu hao và được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Nếu doanh nghiệp trích khấu hao cho từng tháng thì lấy số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Việc trích hoặc thôi khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.

[Type text]

Khi có sự thay đổi nguyên giá hoặc về thời gian sử dụng của TSCĐ thì doanh nghiệp sẽ xác định lại mức khấu hao trung bình cho hàng năm.

Doanh nghiệp cũng không được tính và trích khấu hao cho các TSCĐ đã khấu hao hết và đang chờ quyết định thanh lý, nhượng bán, những TSCĐ dùng vào hoạt động phúc lợi, hoạt động sự nghiệp.

- Giá trị còn lại:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

1.1.3.4 Tổ chức công tác kế toán TSCĐ

- Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong hạch toán TSCĐ bao gồm:

- Hợp đồng mua bán TSCĐ
- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho của người bán
- Biên bản bàn giao TSCĐ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản nghiệm thu khối lượng sửa chữa lớn hoàn thành
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Biên bản kiểm kê TSCĐ
- Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng mua tài sản
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Để theo dõi kịp thời và đầy đủ các thông tin về TSCĐ, các doanh nghiệp thường sử dụng hệ thống chứng từ sổ sách như:

- Thẻ TSCĐ
- Sổ chi tiết TSCĐ theo từng bộ phận sử dụng và theo loại TSCĐ theo dõi
- Sổ cái các TK 211, 212, 213, 214

• Hệ thống chứng từ sử dụng: theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, trong hạch toán TSCĐ, TSCĐ được phân thành các nhóm tài khoản như sau:

[Type text]

TK 211: “ Tài sản cố định hữu hình”

2111: Nhà cửa, vật kiến trúc

2112: Máy móc thiết bị

2113: Phương tiện vận tải, truyền dẫn

2114: Thiết bị, dụng cụ quản lý

2115: Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm

2118: Tài sản cố định khác

TK 212: “ Tài sản cố định thuê tài chính”

TK 213: “ Tài sản cố định vô hình”

2131: Quyền sử dụng đất

2132: Quyền phát hành

2133: Bản quyền, bằng sáng chế

2134: Nhãn hiệu hàng hóa

2135: Phần mềm máy vi tính

2136: Giấy phép và giấy phép nhượng quyền

2138: Tài sản cố định vô hình khác

TK 214: “ Hao mòn TSCĐ”

2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

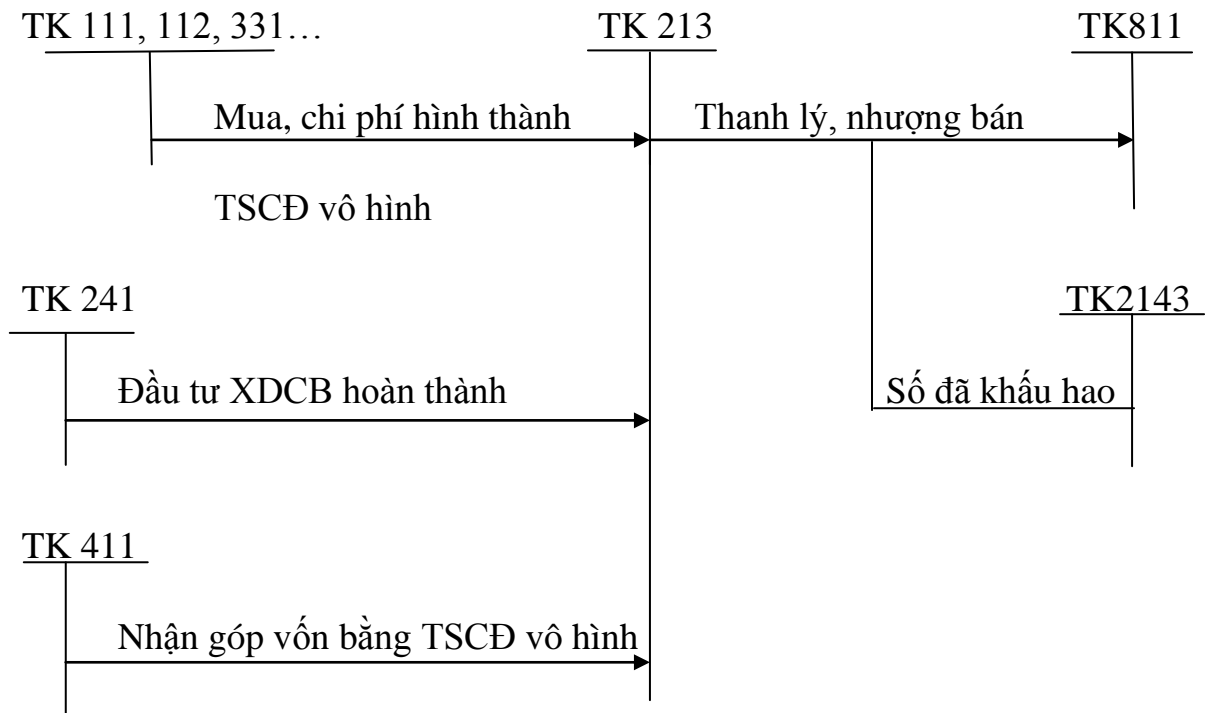
2142: Hao mòn TSCĐ đi thuê tài chính

2143: Hao mòn TSCĐ vô hình

- Hạch toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ

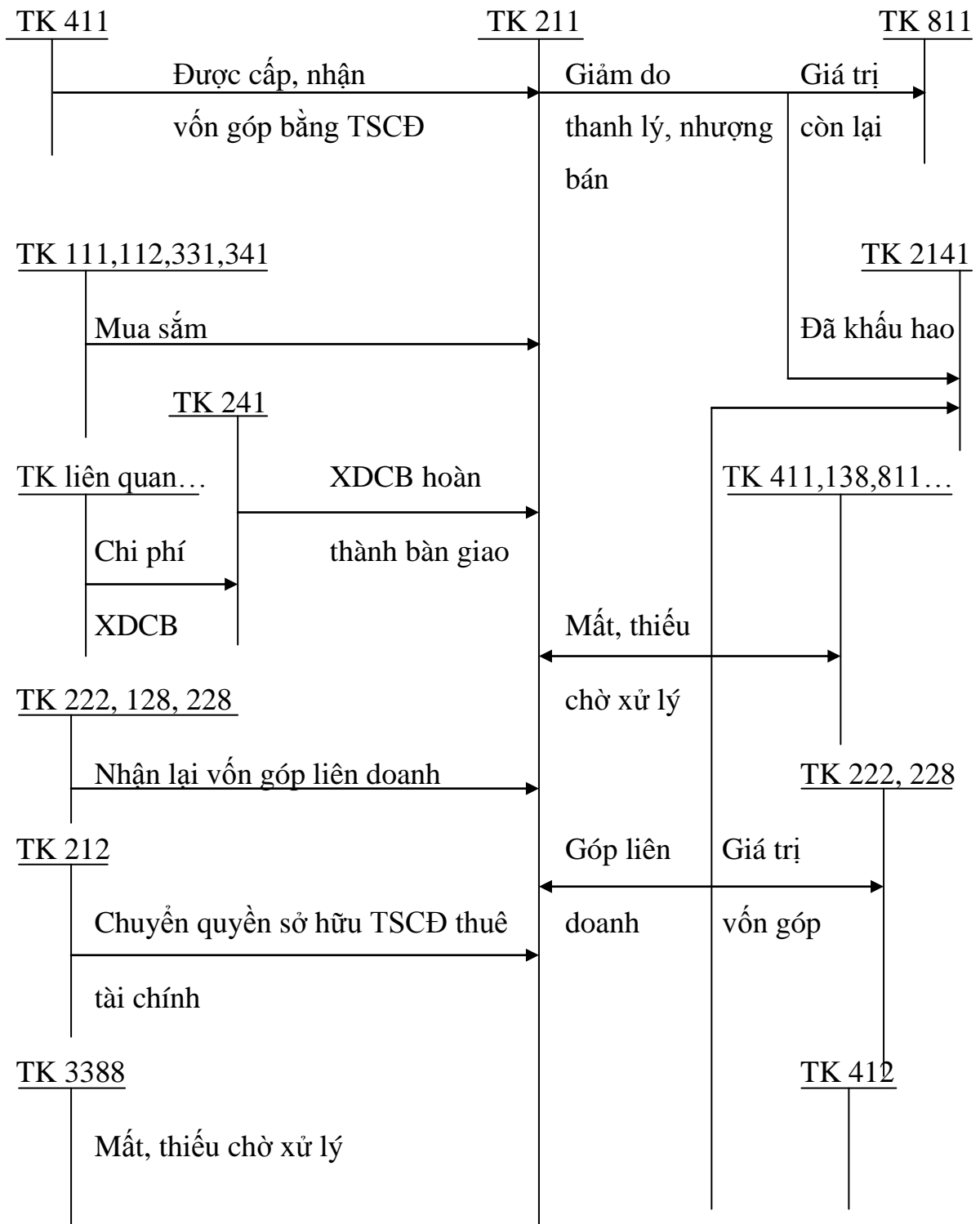
[Type text]

Sơ đồ 1: Sơ đồ hạch toán tăng giảm TSCĐ vô hình:



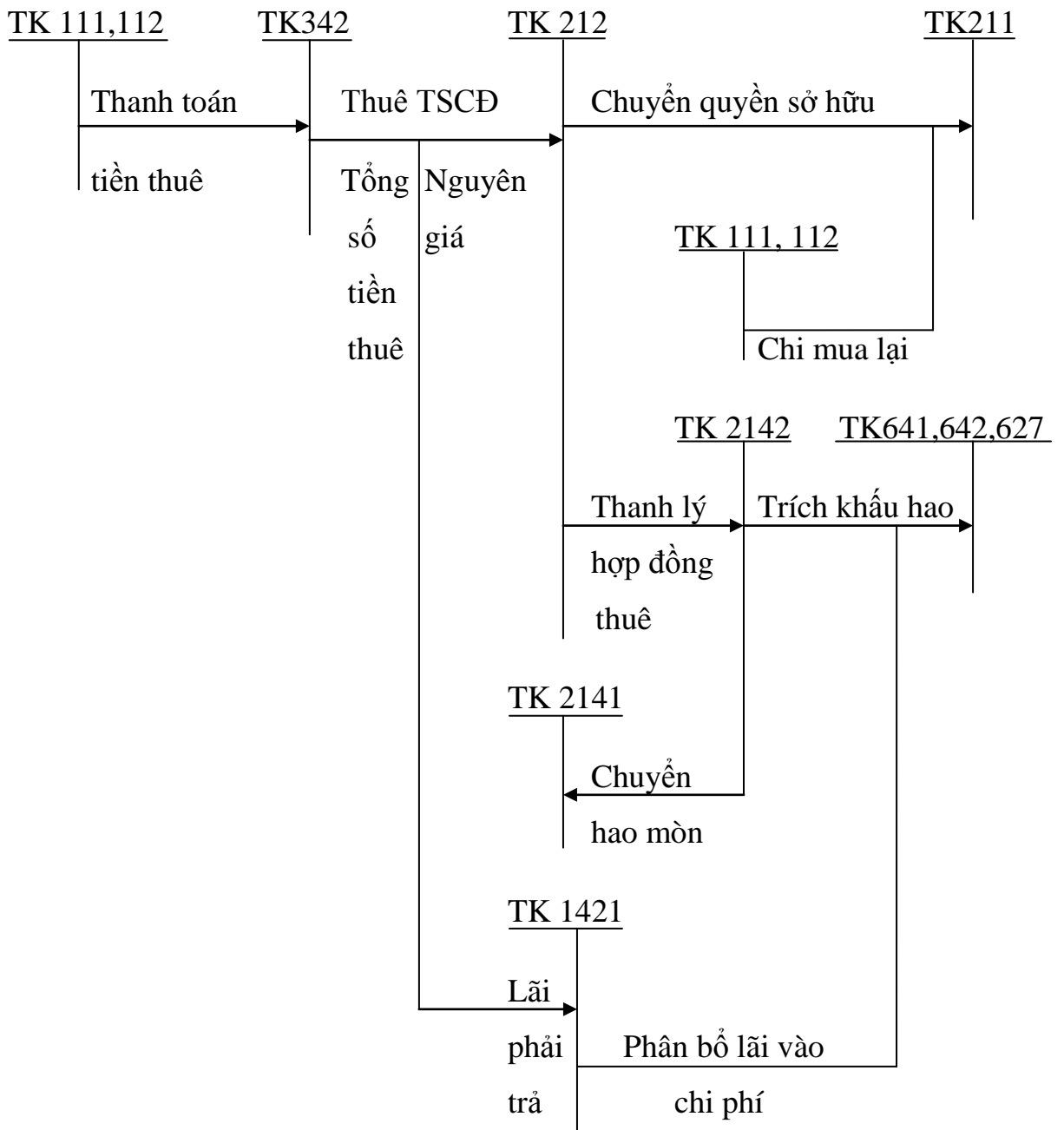
[Type text]

Sơ đồ 2: Sơ đồ hạch toán tăng giảm TSCĐ hữu hình



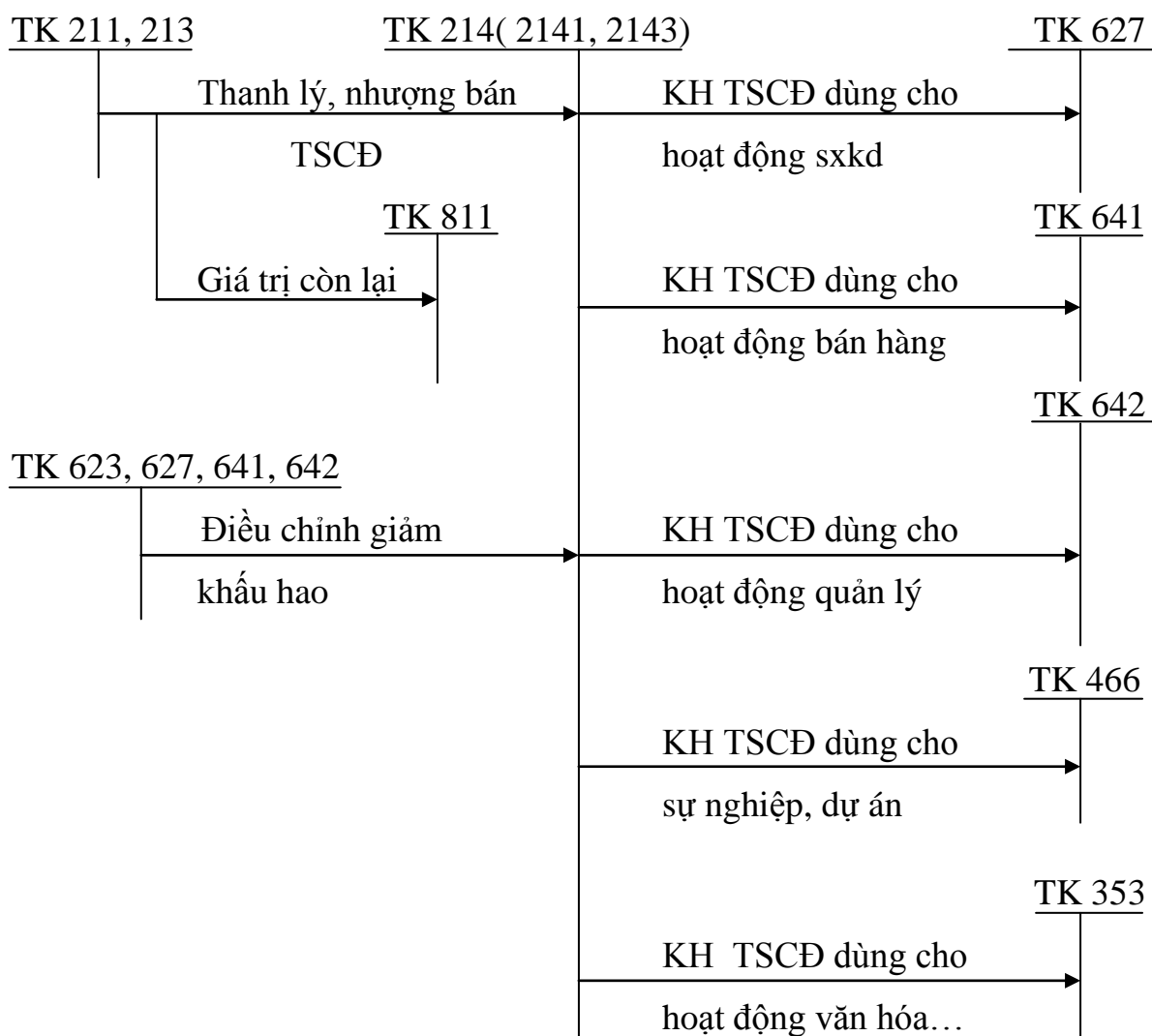
[Type text]

Sơ đồ 3: Sơ đồ hạch toán tăng giảm TSCĐ thuê tài chính



[Type text]

Sơ đồ 4: Sơ đồ hạch toán khấu hao TSCĐ



(Nguồn: Giáo trình kiểm toán tài chính, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2011)

1.1.3.5 Nhiệm vụ kiểm toán khoản mục TSCĐ

Với các doanh nghiệp sản xuất, hoạt động kinh doanh đang phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu, đòi hỏi phải có một lượng TSCĐ thích hợp cho kinh doanh. Do đó, vấn đề quản lý TSCĐ càng trở nên phức tạp. Thông qua kiểm toán khoản mục TSCĐ kiểm toán viên có thể xem xét đánh giá việc đầu tư, quản lý, sử dụng TSCĐ và đưa ra kiến nghị giúp cho doanh nghiệp cải tiến nâng cao chất lượng công tác quản lý TSCĐ.

[Type text]

Giá trị khoản mục TSCĐ trong tổng tài sản của đơn vị thay đổi phù hợp tùy theo từng ngành nghề tùy loại hoạt động. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, khoản mục TSCĐ phản ánh tình hình trang thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung và máy móc thiết bị nói riêng và thường có giá trị lớn. Vì vậy, kiểm toán khoản mục TSCĐ thường chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính. Mặt khác, chi phí mua sắm, đầu tư cho TSCĐ lớn, quay vòng vốn chậm. Để đảm bảo hiệu quả của việc đầu tư cho TSCĐ, kiểm toán nghiệp vụ TSCĐ sẽ đánh giá tính kinh tế và tính hiệu quả cho việc đầu tư, định hướng cho đầu tư và nguồn sử dụng để đầu tư sao cho có hiệu quả cao nhất. Đồng thời, kiểm toán TSCĐ sẽ góp phần phát hiện sai sót trong việc xác định chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ, chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao tài sản. Những sai sót trong việc tính các chi phí này thường dẫn đến những sai sót trọng yếu trên Báo cáo tài chính. Chẳng hạn, việc trích khấu hao TSCĐ tính vào chi phí sản xuất kinh doanh thường bị trích cao hoặc thấp hơn so với tỉ lệ khấu hao quy định làm tăng hoặc giảm chi phí so với thực tế, từ đó ảnh hưởng đến chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp. Việc không phân biệt loại chi phí sửa chữa được ghi tăng nguyên giá TSCĐ với chi phí sửa chữa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ cũng dẫn đến những sai lệch trong khoản mục TSCĐ hoặc khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh...

Các khoản đầu tư cho TSCĐ vô hình như chi phí thành lập doanh nghiệp, quyền sử dụng đất, giá trị phát minh, sáng chế, chi phí nghiên cứu phát triển, chi phí về lợi thế thương mại thường có nhiều sai sót trong quá trình tập hợp và rất khó đánh giá chính xác giá trị. Chính vì vậy, TSCĐ vô hình luôn được quan tâm trong quá trình kiểm toán.

Kiểm toán TSCĐ thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát những vấn đề liên quan đến thực trạng tài sản cũng như tình hình tăng giảm TSCĐ trong kỳ của đơn vị. Với sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật, TSCĐ ngày càng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của đơn vị. Vì vậy, kiểm toán TSCĐ chính là một

[Type text]

khoản mục quan trọng trong Kiểm toán Báo cáo Tài chính. Kiểm toán TSCĐ không chỉ phát hiện các sai sót trong các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ mà còn góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý TSCĐ.

Mục tiêu kiểm toán : Theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 200: “Mục tiêu Kiểm toán BCTC là giúp cho Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng BCTC có được lập trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không?”

Để phù hợp với mục tiêu chung ấy, mục tiêu kiểm toán TSCĐ là thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp từ đó đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của các thông tin tài chính liên quan đến TSCĐ, khi đó các thông tin này phải thỏa mãn các cơ sở dẫn liệu: sự phát sinh, đánh giá, tính toán, đầy đủ, đúng đắn, đúng kỳ đối với các nghiệp vụ TSCĐ và sự hiện hữu, quyền và nghĩa vụ, đánh giá, tính toán, đầy đủ, đúng đắn, cộng dồn và công bố đối với số dư TSCĐ. Đồng thời cũng cung cấp những thông tin, tài liệu có liên quan làm cơ sở tham chiếu khi kiểm toán các chu kỳ có liên quan khác.

Căn cứ kiểm toán : Để có thể tiến hành kiểm toán và đưa ra nhận xét chính xác về các chỉ tiêu liên quan đến TSCĐ trình bày trên BCTC, KTV có thể dựa vào các thông tin, tài liệu sau :

- Các nội quy, quy chế nội bộ của đơn vị liên quan đến việc mua sắm, quản lý, sử dụng, thanh lý, nhượng bán TSCĐ: như hợp đồng mua bán, sửa chữa, quyết định đầu tư...

- Các tài liệu và căn cứ pháp lý cho việc tăng, giảm sửa chữa TSCĐ.

- Các chứng từ phát sinh liên quan đến TSCĐ như hóa đơn, chứng từ vận chuyển, sửa chữa, phiếu chi, giấy báo nợ...

[Type text]

- Các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết có liên quan : như sổ chi tiết, sổ cái, sổ tổng hợp TSCĐ và các tài khoản có liên quan.

- Các báo cáo kế toán tổng hợp và chi tiết có liên quan như báo cáo tăng giảm TSCĐ, báo cáo sửa chữa, báo cáo thanh lý...

1.2 Quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ

Để thực hiện cuộc Kiểm toán có hiệu quả thì cần phải xây dựng một quy trình kiểm toán cụ thể và phù hợp với mục tiêu đề ra. Thông thường một quy trình kiểm toán gồm 3 giai đoạn:

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Kết thúc kiểm toán

1.2.1 Lập kế hoạch kiểm toán

1.2.1.1 Lập kế hoạch tổng quát

Lập kế hoạch tổng quát là hoạt động đầu tiên và nó có thể được coi là quá trình lập ra phương hướng kiểm toán cho cuộc kiểm toán. Kế hoạch tổng quát bao gồm các vấn đề sau:

- Thu thập thông tin về khách hàng

Kiểm toán viên thực hiện thu thập thông tin về khách hàng nhằm có được những hiểu biết đầy đủ về hoạt động của đơn vị, hệ thống kế toán (HTKT) và hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSTB) cũng như các vấn đề tiềm ẩn, từ đó xác định được trọng tâm của cuộc kiểm toán và từng phần hành kiểm toán. Những thông tin mà Kiểm toán viên cần thu nhập từ phía khách hàng bao gồm những thông tin chủ yếu sau:

Thứ nhất: thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng. Đối với quá trình kiểm toán TSCĐ thì cần phải thu thập được chứng từ pháp lý và

[Type text]

sổ sách như: Biên bản góp vốn, Biên bản bàn giao vốn, các chứng từ liên quan đến việc góp vốn bằng TSCĐ,...

Thứ hai: tìm hiểu về tình hình kinh doanh của khách hàng. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 310 “Hiểu biết về tình hình kinh doanh”, đoạn 2 đã dẫn: “Để thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính, Kiểm toán viên phải có hiểu biết cần thiết, đầy đủ về tình hình kinh doanh nhằm đánh giá và phân tích được các sự kiện, nghiệp vụ và thực tiễn hoạt động của các đơn vị được kiểm toán mà theo Kiểm toán viên thì có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính, đến việc kiểm tra của Kiểm toán viên hoặc đến Báo cáo Kiểm toán”.

Những hiểu biết về ngành nghề kinh doanh bao gồm những hiểu biết chung về nền kinh tế, lĩnh vực hoạt động của đơn vị và những hiểu biết về khía cạnh đặc thù của một tổ chức như cơ cấu tổ chức, dây chuyền sản xuất, cơ cấu vốn, ... Với phân hành Kiểm toán TSCĐ Công ty Kiểm toán cần quan tâm đến các thông tin:

- Hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của khách hàng: việc tìm hiểu những thông tin này sẽ giúp KTV xác định được liệu khách hàng có nhiều TSCĐ hay không và TSCĐ có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của khách hàng hay không.

- Môi trường kinh doanh và các yếu tố ngoài sản xuất kinh doanh có tác dụng đến khách hàng như kinh tế - xã hội, pháp luật...

- Những mục tiêu của khách hàng và chiến lược mà ban lãnh đạo doanh nghiệp đặt ra để đạt tới mục tiêu này. Các mục tiêu chiến lược đó sẽ cho biết trong tương lai doanh nghiệp có đầu tư mua sắm hay thanh lý, nhượng bán TSCĐ hay không.

- Thực hiện thủ tục phân tích

Sau khi đã thu nhập được thông tin cơ sở và các thông tin nghĩa vụ pháp lý của khách hàng, KTV tiến hành thực hiện các thủ tục phân tích. Thủ tục

[Type text]

phân tích được KTV áp dụng cho tất cả các cuộc Kiểm toán và nó được thực hiện trong tất cả các giai đoạn Kiểm toán.

Thủ tục phân tích, theo định nghĩa của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 520: “ là việc phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến”.

Các thủ tục phân tích được KTV sử dụng gồm hai loại cơ bản sau:

- Phân tích ngang: Đối với khoản mục TSCĐ, KTV có thể so sánh số liệu năm trước với năm nay, qua đó thấy được những biến động bất thường và phải xác định nguyên nhân. Đồng thời, KTV có thể so sánh dữ kiện của khách hàng với số liệu của ngành.

- Phân tích dọc: là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các tỷ lệ tương quan của các chỉ tiêu và khoản mục trên BCTC. Đối với TSCĐ, KTV có thể tính toán một số tỷ suất như tỷ suất tự tài trợ, tỷ suất đầu tư,...

- Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng

Việc nghiên cứu HTKSNB của khách hàng và đánh giá được rủi ro kiểm soát giúp cho KTV thiết kế được những thủ tục kiểm toán thích hợp cho khoản mục TSCĐ, đánh giá được khối lượng và độ phức tạp của cuộc kiểm toán, từ đó ước tính được thời gian và xác định được trọng tâm cuộc Kiểm toán. Chuẩn mực thực hành Kiểm toán số 2 có nêu: “ KTV phải có đủ hiểu biết về HTKT và HTKSNB của khách hàng để lập kế hoạch và xây dựng cách tiếp cận có hiệu quả. KTV phải sử dụng đến xét đoán chuyên môn để đánh giá về rủi ro Kiểm toán và xác định các thủ tục Kiểm toán nhằm các rủi ro này xuống một mức chấp nhận được”.

HTKSNB càng hữu hiệu thì rủi ro kiểm soát càng nhỏ và ngược lại, rủi ro kiểm soát càng cao khi HTKSNB yếu kém.

[Type text]

KTV khảo sát HTKSNB trên 2 phương diện chủ yếu sau:

- Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục TSCĐ được thiết kế như thế nào?
- Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục TSCĐ được đơn vị thực hiện như thế nào?

KTV tiến hành khảo sát HTKSNB của khách hàng bằng các hình thức sau:

- Phỏng vấn các nhân viên của Công ty.
- Quan sát thực tế TSCĐ
- Kiểm tra chứng từ sổ sách liên quan đến TSCĐ
- Lấy xác nhận bằng văn bản của bên thứ ba (nếu cần)
- Quan sát các thủ tục KSNB đối với TSCĐ
- Làm lại các thủ tục kiểm soát

Khi tìm hiểu HTKSNB đối với TSCĐ, KTV cần quan tâm đến các vấn đề sau:

- Doanh nghiệp có thiết lập kế hoạch và dự toán ngân sách cho việc mua sắm TSCĐ hay không?
- Doanh nghiệp có đối chiếu thường xuyên giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp hay không?
- Có kiểm kê định kỳ và đối chiếu với sổ kế toán hay không?
- Các chênh lệch giữa giá dự toán và giá thực tế có được xét duyệt thường xuyên và phê chuẩn hay không?
- Khi nhượng bán, thanh lý TSCĐ có lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán bao gồm các thành viên theo quy định hay không?
- Có chính sách phân biệt giữa chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu ghi tăng nguyên giá TSCĐ và xác định thời gian sử dụng hữu ích hoặc tính vào chi phí SXKD trong kỳ hay không?
- Chế độ kế toán doanh nghiệp đang áp dụng, phương pháp khấu hao TSCĐ có phù hợp không?

[Type text]

Bên cạnh đó, KTV cũng xem xét đến công tác quản lý tốt TSCĐ cũng như việc xây dựng các quy định, các nguyên tắc và thủ tục về bảo quản TSCĐ.

- Xác định mục tiêu Kiểm toán đối với Kiểm toán khoản mục TSCĐ

Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 200 đã nêu rõ: “ Mục tiêu kiểm toán BCTC là giúp cho KTV và Công ty Kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng BCTC có được lập trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không?”

Trong Kiểm toán khoản mục TSCĐ, KTV hướng tới các mục tiêu sau:

Mục tiêu kiểm toán chung	Mục tiêu kiểm toán đối với TSCĐ
1. Tính hợp lý chung	Các nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao TSCĐ đều được ghi chép hợp lý.
2. Hiện hữu và có thật	<ul style="list-style-type: none">- Các TSCĐ của doanh nghiệp thực sự tồn tại- Các nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao TSCĐ trong năm đều có thật
3. Tính đầy đủ	Các nghiệp vụ và số tiền phát sinh được phản ánh đầy đủ, chi phí và thu nhập do thanh lý nhượng bán TSCĐ đều được hạch toán đầy đủ.
4. Quyền và nghĩa vụ	Các nghiệp vụ và số tiền phát sinh được phản ánh đầy đủ, chi phí và thu nhập do thanh lý nhượng bán TSCĐ đều được hạch toán đầy đủ.
5. Đánh giá và phân loại	<ul style="list-style-type: none">- Nguyên giá TSCĐ, giá trị còn lại được đánh giá đúng theo nguyên tắc kế toán.- Khấu hao TSCĐ được tính theo đúng, nhất quán giữa các kỳ và phân bổ hợp lý vào các chi phí trong kỳ, và phải phù hợp

[Type text]

	với các quy định hiện hành.
6. Chính xác và máy móc	Khấu hao TSCĐ được tính toán theo đúng tỷ lệ. Các khoản mua vào năm hiện hành trên Bảng liệt kê mua vào thống nhất vốn Sổ phụ và Sổ tổng hợp tăng, giảm, khấu hao TSCĐ được ghi chép đúng đắn và cộng dồn phù hợp với tài khoản tổng hợp trên sổ
7. Trình bày và công bố	- Công bố phương pháp khấu hao - TSCĐ được trình bày theo từng nhóm tài sản có tỷ lệ khấu hao giống nhau.

Bảng 1.1: Các mục tiêu kiểm toán trong Kiểm toán TSCĐ

(nguồn Giáo trình kiểm toán BCTC – NXB tài chính năm 2011)

- Đánh giá trọng yếu và rủi ro

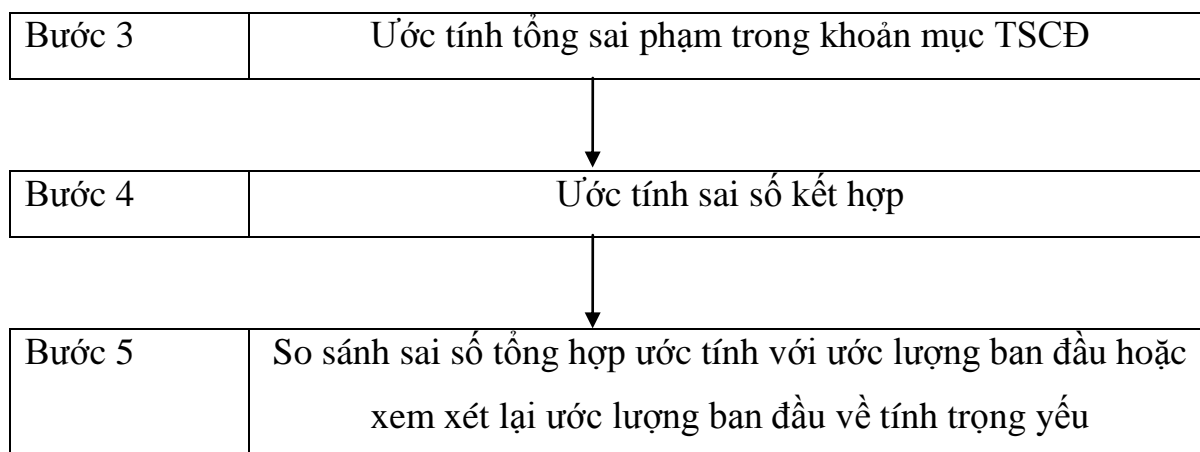
+ Đánh giá trọng yếu

Theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 320: “ Trọng yếu là khái niệm chỉ tầm cỡ (quy mô) và bản chất của các sai phạm (kể cả bỏ sót) của các thông tin tài chính hoặc là đơn lẻ, hoặc là từng nhóm mà trong bối cảnh cụ thể dựa vào các thông tin này để xét đoán thì không thể chính xác hoặc là sẽ rút ra những kết luận sai lầm.

Qua đó, trách nhiệm của KTV là xác định xem BCTC có chứa đựng các sai phạm trọng yếu hay không, sau đó đưa ra các kiến nghị thích hợp. Đối với khoản mục TSCĐ, KTV thực hiện đánh giá mức độ trọng yếu qua các bước như sau:

Bước 1	Ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho khoản mục TSCĐ
Bước 2	Phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho khoản mục TSCĐ

[Type text]



Bảng 1.2: Đánh giá mức độ trọng yếu đối với khoản mục TSCĐ
(Nguồn Giáo trình kiểm toán tài chính – NXB ĐH KTQD năm 2011)

+ Đánh giá rủi ro

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 400: “ rủi ro kiểm toán (AR) là rủi ro KTV và Công ty Kiểm toán đưa ra ý kiến nhận xét không thích hợp khi BCTC đã được kiểm toán còn những sai sót trọng yếu”.

Việc đánh giá rủi ro kiểm toán thông qua việc đánh giá ba bộ phận: Rủi ro tiềm tàng (IR), rủi ro kiểm soát (CR) và rủi ro phát hiện (DR) căn cứ vào mối quan hệ được phản ánh trong mô hình sau:

$$AR = IR * CR * DR$$

Trong đó: AR: là rủi ro kiểm toán

CR : là rủi ro kiểm soát

DR : là rủi ro phát hiện

IR : là rủi ro tiềm tàng

Trọng yếu và rủi ro có mối quan hệ khăng khít với nhau. Nếu mức sai sót chấp nhận được (hay trọng yếu) được đánh giá cao lên thì rủi ro kiểm toán sẽ phải giảm xuống, và ngược lại rủi ro kiểm toán sẽ tăng lên, việc thu nhập bằng chứng phải mở rộng. Trong cuộc kiểm toán, KTV mong muốn AR càng nhỏ càng tốt vì nó đảm bảo kết quả kiểm toán tối ưu nhất.

[Type text]

Khi thực hiện kiểm toán TSCĐ, KTV cần có các hiểu biết về rủi ro kiểm toán gắn liền với các gian lận và sai sót trong các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ.

Gian lận trong các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ có thể là:

- Làm tài liệu giả, thay đổi ghi chép chứng từ, sửa chữa chứng từ, bịt đầu mối thông tin nhằm tham ô, biến thủ công quỹ như lập hóa đơn giả, ghi tăng giá mua TSCĐ so với thực tế, sửa chữa chứng từ, làm chứng từ giả liên quan tới chi phí thu mua làm tăng nguyên giá TSCĐ để biến thủ công quỹ, ...

- Cố tình dấu diếm hồ sơ tài liệu, bỏ sót kết quả các nghiệp vụ nhằm đạt lợi ích cho doanh nghiệp hoặc cho bản thân như cố tình bỏ sót các nghiệp vụ doanh thu nhằm giảm thuế phải nộp cho Nhà nước và các khoản phải nộp lên cấp trên của doanh nghiệp.

- Ghi chép các nghiệp vụ không có thật như ghi chép các nghiệp vụ không có thật liên quan đến chi phí mua sắm TSCĐ để biến thủ công quỹ.

- Áp dụng sai chế độ kế toán và các văn bản khác của Nhà nước như áp dụng sai phương pháp khấu hao,...

Sai sót trong các nghiệp vụ về TSCĐ có thể là:

- Sai sót do quên không ghi một nghiệp vụ kế toán mà đáng lẽ ra phải ghi vào sổ. Chẳng hạn, doanh nghiệp mua một TSCĐ bằng quỹ phát triển kinh doanh hay nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán chỉ ghi tăng TSCĐ mà không ghi chép nghiệp vụ kết chuyển nguồn.

- Định khoản sai trong trường hợp lẽ ra phải ghi Nợ hoặc ghi Có một TK này nhưng lại ghi vào TK khác hoặc hạch toán không phù hợp với nghiệp vụ phát sinh.

- Sai sót trong quá trình ghi sổ và chuyển sổ. Trong việc ghi sổ kế toán có thể sơ ý ghi số tiền sai lệch, lộn số so với số tiền ghi trong chứng từ. Kế toán cũng có thể nhầm lẫn trong khi chuyển số liệu từ Nhật ký sang Sổ cái.

[Type text]

- Sai sót do trùng lặp. Sai sót xảy ra do ghi nhiều lần một nghiệp vụ phát sinh do tổ chức sổ chưa tốt nên đã ghi một nghiệp vụ phát sinh vào các sổ khác nhau.

- Sai sót do trình độ yếu kém của nhân viên kế toán dẫn tới ghi sai các nghiệp vụ phát sinh vào sổ hoặc khi có chế độ mới ban hành kế toán chưa nắm hết được nội dung hoặc chưa hiểu hết nghiệp vụ nên đã dẫn tới những sai sót trong quá trình hạch toán.

Trên đây là các gian lận và sai sót có thể xảy ra đối với các phân hành TSCĐ. Khi đánh giá rủi ro Kiểm toán viên chủ yếu đi vào các biện pháp phát hiện ra những gian lận và sai sót từ đó hạn chế tối đa rủi ro này. Những công việc này sẽ giúp KTV thiết kế và thực hiện các phương pháp kiểm toán cần thiết nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán.

1.2.1.2 Thiết kế chương trình kiểm toán

Sau khi thực hiện các công việc trên, KTV phải xây dựng một chương trình kiểm toán cụ thể cho cuộc kiểm toán.

Chương trình kiểm toán là những dự kiến chi tiết về các công việc kiểm toán cần thực hiện, thời gian hoàn thành và sự phân công lao động giữa các Kiểm toán viên cũng như dự kiến về các tư liệu, thông tin liên quan cần sử dụng và thu thập. Trọng tâm của chương trình kiểm toán là các thủ tục kiểm toán cần thiết thực hiện đối với từng khoản mục hay bộ phận được kiểm toán.

Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 300: “ KTV và Công ty Kiểm toán phải soạn thảo chương trình kiểm toán trong đó xác định nội dung lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết để thực hiện kế hoạch kiểm toán”

1.2.2 Thực hiện kiểm toán

1.2.2.1 Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát

[Type text]

Thử nghiệm kiểm soát chỉ được thực hiện sau khi tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và được đánh giá là có hiệu lực. Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 500 quy định: “ Thử nghiệm kiểm soát (kiểm tra hệ thống kiểm soát) là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và HTKSNB”.

Thử nghiệm kiểm soát thường được Kiểm toán viên tiến hành theo các mục tiêu kiểm toán. Đối với kiểm toán khoản mục TSCĐ, thử nghiệm kiểm soát được thực hiện như sau:

	Quá trình KSNB chủ yếu	Các thử nghiệm kiểm soát phổ biến
1. Tính hiện hữu	<ul style="list-style-type: none">- TSCĐ ghi trong sổ sách hiện do doanh nghiệp quản lý sử dụng, tính độc lập bộ phận quản lý TSCĐ và việc tách biệt bộ phận này với bộ phận ghi sổ.- Sự có thật của công văn xin đề nghị mua TSCĐ công văn duyệt mua, hợp đồng mua, biên bản bàn giao TSCĐ đưa vào sử dụng và thẻ TSCĐ- Các chứng từ thanh lý nhượng bán TSCĐ được hủy bỏ, tránh việc sử dụng lại	<ul style="list-style-type: none">- Quan sát TSCĐ ở đơn vị và xem xét sự tách biệt giữa các chức năng quản lý và ghi sổ với bộ phận bảo quản TSCĐ- Kiểm tra chứng từ, sự luân chuyển chứng từ và dấu hiệu của KSNB- Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ có liên quan đến TSCĐ
2. Tính đầy đủ	Mỗi TSCĐ có một bộ hồ sơ, được ghi chép từ khi mua, nhận TSCĐ về đơn vị cho tới khi nhượng bán thanh lý TSCĐ. Việc ghi chép, tính nguyên giá TSCĐ đều dựa trên cơ sở chứng từ	Kiểm tra tính đầy đủ của chứng từ có liên quan đến TSCĐ

	hợp lệ nêu trên.	
3. Quyền và nghĩa vụ	TSCĐ thuộc sở hữu của đơn vị được ghi chép vào khoản mục TSCĐ, được doanh nghiệp quản lý và sử dụng. Những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thì được ghi chép ngoài Bảng cân đối kế toán.	Kết hợp giữa việc kiểm tra vật chất (kiểm kê TSCĐ) với việc kiểm tra chứng từ, hồ sơ pháp lý về quyền sở hữu của tài sản.
4. Sự phê chuẩn	Phê chuẩn các nghiệp vụ tăng, giảm, trích khấu hao TSCĐ được phân cấp đối với các nhà quản lý doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Phỏng vấn những người có liên quan - Kiểm tra dấu hiệu của sự phê chuẩn
5. Tính chính xác máy móc	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các chứng từ liên quan tới việc mua, thanh lý... TSCĐ ở đơn vị đều được phòng kế toán tập hợp và tính toán đúng đắn. - Việc công sổ chi tiết và sổ tổng hợp TSCĐ là chính xác và được kiểm tra đầy đủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét dấu hiệu kiểm tra của hệ thống KSNB - Cộng lại một số chứng từ phát sinh của TSCĐ
6. Tính kịp thời	Việc ghi sổ và cộng sổ TSCĐ được thực hiện kịp thời ngay khi có nghiệp vụ phát sinh và đáp ứng yêu cầu lập Báo cáo kế toán của DN	Kiểm tra tính đầy đủ và kịp thời của việc ghi chép
7. Phân loại và trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp có quy định về việc phân loại chi tiết TSCĐ phù hợp với yêu cầu quản lý - Các quy định về trình tự ghi sổ các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ từ sổ chi tiết đến sổ tổng hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phỏng vấn những người có trách nhiệm để tìm hiểu quy định phân loại TSCĐ trong DN - Kiểm tra hệ thống tài khoản và sự phân loại sổ sách kế toán

[Type text]

		- Xem xét trình tự ghi sổ và dấu hiệu của KSNB
--	--	--

Bảng 1.3: Các thử nghiệm kiểm soát TSCĐ

(Nguồn giáo trình kiểm toán tài chính – NXB ĐH KTQD 2011)

1.2.2.2 Thực hiện thủ tục phân tích

Trước khi kiểm tra chi tiết về số tăng hay giảm trong năm, KTV cần đảm bảo rằng số liệu trên các sổ chi tiết bằng với số liệu phản ánh trên sổ cái tài khoản.

Muốn vậy, cần đối chiếu giữa số tổng cộng trên sổ chi tiết với số liệu trên sổ cái. KTV cần thu thập hay tự lập ra một bảng phân tích trong đó có liệt kê số dư đầu kỳ và các chi tiết về số phát sinh tăng, giảm trong năm kiểm toán để từ đó tính ra số dư cuối kỳ. Số dư cuối kỳ được kiểm tra thông qua sự đối chiếu với các tài liệu kiểm toán của năm trước. Còn các tài sản tăng và giảm trong năm thì trong quá trình kiểm toán, KTV sẽ thu thập thêm các bằng chứng chi tiết về các khoản tăng hay giảm này.

Trong giai đoạn này, KTV còn có thể xem xét một số tỷ suất tài chính sau:

- So sánh tỉ lệ Tổng chi phí khấu hao TSCĐ so với tổng nguyên giá TSCĐ của năm nay so với các năm trước nhằm nhận định, tìm hiểu sai sót có thể có khi tiến hành tính số khấu hao tại kỳ kiểm toán.

- So sánh tỷ lệ giữa Tổng khấu hao lũy kế TSCĐ với Tổng nguyên giá TSCĐ nhằm nhận định, tìm các sai sót có thể xảy ra khi ghi sổ khấu hao lũy kế.

- So sánh tỷ lệ Tổng chi phí sửa chữa lớn so với Tổng nguyên giá TSCĐ hoặc so sánh Tổng chi phí sửa chữa lớn với các năm trước để tìm kiếm các chi phí sản xuất kinh doanh bị vốn hóa hoặc các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản bị phản ánh sai lệch vào chi phí sản xuất kinh doanh.

[Type text]

- So sánh tỉ lệ Tổng nguyên giá TSCĐ so với Giá trị tổng sản lượng với các năm trước để tìm kiếm các TSCĐ không sử dụng vào sản xuất kinh doanh hoặc đã bị thanh lý, nhượng bán nhưng chưa được ghi sổ.

1.2.2.3 Thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết

- Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ (tăng, giảm) TSCĐ

Việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình kiểm toán TSCĐ. Việc phản ánh đúng đắn các nghiệp vụ này có tác động và ảnh hưởng lâu dài đến các BCTC của đơn vị. Các sai phạm trong việc ghi chép nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ không những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên BCKT mà còn ảnh hưởng trọng yếu đến các BCTC khác như: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ theo các mục tiêu kiểm toán cụ thể được thực hiện theo các thủ tục sau:

Mục tiêu kiểm toán	Các khảo sát nghiệp vụ thông thường	Ghi chú
- Đảm bảo cho các nghiệp vụ tăng, giảm được phê chuẩn đúng đắn	<ul style="list-style-type: none">- So sánh tổng nguyên giá TSCĐ tăng năm nay so với các năm trước.- Đánh giá tính hợp lý của các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ với tình hình hoạt động thực tế của đơn vị (khả năng, công suất máy móc thiết bị điện có, nhu cầu máy móc thiết bị, mức độ cũ mới của máy móc thiết bị...)- Đánh giá tính hợp lý của việc phê chuẩn giá mua, bán của các TSCĐ tăng giảm trong kỳ...	- KTV phải có hiểu biết sâu sắc về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của doanh nghiệp

<p>- Đảm bảo cho các nghiệp vụ TSCĐ là có căn cứ hợp lý</p>	<p>- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và hợp pháp của các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn mua, biên bản giao nhận TSCĐ, tài liệu quyết toán vốn đầu tư, ...)</p> <p>- Có thể kết hợp kiểm tra các chứng từ, tài liệu với kiểm tra vật chất thực tế TSCĐ.</p> <p>- Kiểm tra quá trình mua sắm, các chứng từ tài liệu liên quan đến việc mua sắm TSCĐ, các chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử...</p>	<p>- Các thử nghiệm này sẽ được thực hiện ở quy mô tương đối lớn khi hệ thống KSNB của đơn vị được đánh giá là yếu (Rủi ro kiểm soát cao)</p>
<p>- Đảm bảo sự đánh giá đúng đắn, hợp lý của nghiệp vụ TSCĐ</p>	<p>- Kiểm tra tính đúng đắn, phù hợp và nhất quán của các chính sách xác định nguyên giá TSCĐ mà doanh nghiệp áp dụng.</p> <p>- Đối chiếu số liệu trên các chứng từ pháp lý liên quan đến tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn, hợp đồng thuê TS, các chứng từ vận chuyển, lắp đặt, biên bản giao nhận...)</p> <p>- Tính toán lại nguyên giá TSCĐ trên cơ sở các chứng từ đã kiểm tra...</p>	<p>- Phải nắm vững các nguyên tắc, quy định về đánh giá TSCĐ.</p> <p>- Mức độ khảo sát phụ thuộc vào việc đánh giá HTKSNB</p>
<p>- Đảm bảo cho việc phân loại và hạch toán đúng đắn các nghiệp vụ TSCĐ</p>	<p>- Kiểm tra chính sách phân loại và sơ đồ hạch toán TSCĐ của doanh nghiệp, đảm bảo sự hợp lý và phù hợp với các quy định hiện hành.</p> <p>- Chọn mẫu các nghiệp vụ TSCĐ để kiểm tra việc phân loại, xem xét bút</p>	<p>- Mục tiêu này thường được kết hợp khi kiểm toán tính đầy đủ và việc tính toán, đánh giá TSCĐ</p>

	toán ghi sổ và các sổ kế toán	
- Đảm bảo cho việc hạch toán đầy đủ, đúng kỳ các nghiệp vụ TSCĐ	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu các chứng từ tăng, giảm TSCĐ (hóa đơn, biên bản giao nhận,...) với các sổ kế toán chi tiết TSCĐ nhằm đảm bảo việc hạch toán không bị bỏ sót. - Kiểm tra các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ để phát hiện các trường hợp quên ghi sổ TSCĐ, hoặc ghi nhận TSCĐ thành các khoản khác (chi phí trả trước, chi phí XD CB...) - Kiểm tra đối chiếu ngày, tháng các chứng từ tăng, giảm TSCĐ với ngày tháng ghi sổ các nghiệp vụ này (đặc biệt đối với các nghiệp vụ phát sinh cuối các niên độ kế toán và đầu niên độ sau) 	- Đây là một trong các mục tiêu quan trọng nhất của kiểm toán TSCĐ.
- Đảm bảo sự cộng dồn (tính toán tổng hợp) đúng đắn các nghiệp vụ TSCĐ và đầu tư dài hạn	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu số liệu giữa các sổ chi tiết, sổ tổng hợp, các bảng kê với nhau và với sổ cái tổng hợp. - Đối chiếu số liệu trên các sổ kế toán TSCĐ với kết quả kiểm tra thực tế TSCĐ. 	

Bảng 1.4: Các thủ tục khảo sát nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ

(Nguồn: Giáo trình kiểm toán BCTC-NXB Tài chính năm 2011)

Việc kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ thường kết hợp với quá trình kiểm tra chi tiết số dư của các khoản TSCĐ. Quy mô các khảo sát nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ phụ thuộc vào tính trọng yếu, mức độ rủi ro

[Type text]

kiểm soát của đơn vị mà KTV đã đánh giá, cũng như kinh nghiệm và kết quả kiểm toán các niên độ trước (nếu có).

- Kiểm tra chi tiết số dư các tài khoản TSCĐ

Với số dư đầu kỳ, nếu khoản mục TSCĐ đã được kiểm toán năm trước hoặc đã khẳng định là chính xác thì không phải kiểm tra. Trong trường hợp ngược lại, KTV phải chia số dư đầu kỳ thành các bộ phận nhỏ chi tiết ứng với từng loại TSCĐ và đối chiếu số chi tiết với số tổng hợp để xem xét tính chính xác của các số dư.

Với số dư cuối kỳ, dựa trên cơ sở kết quả kiểm toán của số dư đầu kỳ và các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ trong kỳ để xác định.

- Kiểm tra chi phí khấu hao TSCĐ

Để kiểm toán chi phí khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp, KTV thực hiện những công việc chủ yếu sau:

- Xét bảng đăng ký trích khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp trong đó có xét duyệt của các cấp có thẩm quyền.

- Đối chiếu trích khấu hao thực tế đăng kí trên

- Xem xét việc phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ cho các bộ phận trong doanh nghiệp.

- Kiểm tra việc hạch toán khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định và việc ghi chép chúng trên các sổ chi tiết.

- Đối chiếu với các trường hợp nâng cấp TSCĐ dẫn tới thay đổi mức tính khấu hao, cần đi sâu xem xét thay đổi tương ứng của mức trừ khấu hao.

Tương tự, mọi trường hợp thay đổi mức khấu hao của doanh nghiệp phải được xem xét cụ thể việc xin duyệt khấu hao mới.

- Kiểm tra TK hao mòn TSCĐ

[Type text]

KTV cần tập trung kiểm tra số khấu hao lũy kế bằng cách phân tích số dư TK 214 thành các bộ phận chi tiết của từng loại tài sản. Với số tổng hợp, cần xem xét tính toán chính xác các số dư cuối kỳ.

- Kiểm tra các khoản chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ

Các khoản chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ bao gồm: các khoản chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo... đối với TSCĐ. Mục tiêu kiểm toán quan trọng nhất đối với các khoản chi phí này là đảm bảo các khoản chi phí phát sinh thực tế, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp, các khoản chi phí này phải được hạch toán đầy đủ và đúng các trình tự phương pháp kế toán theo quy định của các Chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan... Các thủ tục kiểm toán có thể được kiểm toán viên áp dụng trong trường hợp này là:

- Lập các Bảng kê chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến TSCĐ phát sinh trong kỳ.

- So sánh các khoản chi phí của các khoản phí tổn phát sinh trong kỳ với tình hình hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Trong trường hợp này kiểm toán viên có thể tiếp cận trực tiếp, trao đổi với các nhà quản lý doanh nghiệp, cán bộ quản lý các bộ phận sử dụng TSCĐ, các cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp để thu thập thêm các thông tin cần thiết.

- Kiểm tra sự phát sinh thực tế của các khoản chi phí để loại bỏ khả năng hạch toán không các khoản chi phí sửa chữa nhằm hợp lý hóa cho các khoản chi phí khác, bằng cách: kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp của các chứng từ liên quan đến các khoản phí tổn, trong trường hợp cần thiết có thể đề nghị quan sát trực tiếp các bộ phận của TSCĐ đã được thay thế, sửa chữa trong kỳ hoặc đề nghị xác nhận của bên thứ 3 cung cấp các dịch vụ sửa chữa cho doanh nghiệp...

- Trong trường hợp các khoản phí tổn này phát sinh lớn và doanh nghiệp đã có kế hoạch trước, cần:

[Type text]

+ So sánh các phí tổn thực tế phát sinh với các kế hoạch và dự toán chi phí đã được lập để xem xét sự biến động và các chênh lệch chi phí thực tế với dự toán và tìm hiểu nguyên nhân của các chênh lệch này.

+ Trường hợp doanh nghiệp có trích trước chi phí cần kiểm tra cơ sở pháp lý của việc trích trước, quá trình trích trước và hạch toán chi phí trích trước vào chi phí các kỳ kinh doanh trước, việc sử lý số chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí trích trước của doanh nghiệp.

+ Kiểm tra các tài liệu liên quan và tài liệu quyết toán các khoản chi phí có liên quan.

- Kiểm tra tác động của các khoản phí tổn đối với khả năng hoạt động của TSCĐ. Trong trường hợp các khoản phí tổn này chỉ nhằm mục đích khôi phục và duy trì tình trạng ban đầu của TSCĐ thì sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và ghi giảm lợi nhuận trong kỳ của doanh nghiệp. Trong trường hợp này KTV cần xem xét việc kết chuyển các khoản chi phí phát sinh vào chi phí trong kỳ của doanh nghiệp nhằm đảm bảo tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành. Nếu các chi phí phát sinh lớn cần phân bổ vào chi phí của nhiều kỳ hạch toán, KTV cũng cần kiểm tra các chính sách phân bổ chi phí mà doanh nghiệp đang áp dụng.

Trong trường hợp các chi phí tổn chắc chắn làm lợi tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ, thì phí tổn này phải được hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ (vốn hóa).

1.2.3 Kết thúc kiểm toán

Kết thúc kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của cuộc kiểm toán, giai đoạn này được thể hiện theo các bước sau:

1.2.3.1 Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

[Type text]

Các cuộc kiểm toán được tiến hành sau ngày kết thúc niên độ kế toán. Do đó trong khoảng thời gian từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến khi hoàn thành Báo cáo kiểm toán có thể xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng đến BCTC của doanh nghiệp, KTV có trách nhiệm xem xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC.

Để thu thập và xem xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC, KTV có thể sử dụng các thủ tục sau:

- Phỏng vấn Ban quản trị.
- Xem xét lại các Báo cáo nội bộ sau ngày lập BCTC.
- Xem xét lại sổ sách được lập sau ngày lập BCTC.
- Kiểm tra các biên bản phát hành sau ngày lập BCTC.
- Kiểm tra lại kết quả của các khoản công nợ ngoài dự kiến được đánh giá là trọng yếu.
- Xem xét những TSCĐ không sử dụng và được bán sau ngày khóa sổ với giá thấp hơn nguyên giá ghi trên sổ sách.
- Các khách hàng có số dư công nợ lớn nhưng đến đầu năm sau mới phát hiện được là không có khả năng thanh toán có liên quan đến TSCĐ.

KTV thường kiểm tra toàn bộ các nghiệp vụ xảy ra tại giao điểm của các kỳ quyết toán. Tiến hành xem xét các biện pháp mà nhà quản lý đơn vị áp dụng nhằm đảm bảo những sự kiện sau ngày kết thúc niên độ đều đã được xác định.

1.2.3.2 Tổng hợp kết quả kiểm toán

Trong Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 500: “ KTV thu thập bằng chứng thông qua việc kiểm tra hệ thống KSNB, KTV phải xác định xem các bằng chứng thu thập được có đầy đủ và thích hợp không để đưa ra đánh giá của mình về rủi ro kiểm soát. KTV thu thập bằng chứng thông qua việc kiểm tra chi tiết, quan sát, điều tra, xác nhận, tính toán và các thủ tục phân tích. Nếu

[Type text]

KTV ở trong trạng thái không thể thu nhập bằng chứng đầy đủ và thích hợp, KTV sẽ đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần có yếu tố tùy thuộc hoặc ý kiến ngoại trừ, ý kiến không thể cho ý kiến hoặc ý kiến không chấp nhận”.

Sau quá trình kiểm toán, KTV thực hiện việc tổng hợp kết quả kiểm toán làm cơ sở cho việc đưa ra ý kiến nhận xét của mình trong Báo cáo kiểm toán. Mỗi KTV tham gia kiểm toán phải gửi kết quả kiểm toán của mình cho trưởng nhóm kiểm toán tổng hợp chung kết quả của các KTV được thể hiện trên trang tổng hợp và trường hợp và thường bao gồm các nội dung sau:

- Các sai phạm đã phát hiện khi kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư tài khoản và đánh giá mức độ của sai phạm.
- Nguyên nhân của sai lệch (nếu có) và bút toán điều chỉnh sai phạm.
- Kết luận về mục tiêu kiểm toán: đạt được hay không đạt được mục tiêu
- Các kiến nghị: KTV sẽ nêu lên các bút toán điều chỉnh nếu có và những giải trình, thuyết minh cần bổ sung trên BCTC ghi rõ nguyên nhân và số tiền cần phải điều chỉnh. Ngoài ra, KTV còn nêu nhận xét về những tồn tại của hệ thống kế toán và hệ thống KSNB đối với bộ phận được kiểm tra, đề xuất các ý kiến cải thiện hệ thống KSNB tại doanh nghiệp.
- Các vấn đề cần tiếp tục theo dõi trong đợt kiểm toán sau.

1.2.3.3 Công bố Báo cáo kiểm toán

Sau khi tiến hành xong các công việc ở trên, KTV phân hành lập Báo cáo tổng hợp về phân hành. Trong trường hợp kiểm toán TSCĐ có hạn chế về phạm vi kiểm toán mà không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định về tính trung thực hợp lý của khoản mục TSCĐ thì KTV có thể đưa ra ý kiến ngoại trừ.

Kết thúc công việc kiểm toán, KTV và Công ty kiểm toán sẽ lập và phát hành Báo cáo kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán. Ngoài ra, KTV có thể

[Type text]

lập và phát hành Thư quản lý nhằm tư vấn cho khách hàng về những tồn tại của đơn vị mình và những biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại đó.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TSCĐ TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT (APS) THỰC HIỆN

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS)

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển:

Khái quát về công ty:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) – Một trong những doanh nghiệp Kiểm toán đầu tiên được thành lập theo Nghị định số 105/ NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 của Chính phủ ban hành quy chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

- Tên viết tắt: APS

- Tên tiếng anh: Anphat Auditing and Accounting Consultancy Co.,Ltd

- Trụ sở chính : 245 Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 0313539555/666/835 Fax: 0313539789

- Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Ngõ 10 Thái Thịnh II, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 0903459259

- Văn phòng đại diện tại Thái Bình : số 456 Lý Bôn, khách sạn Việt Đức, Thái Bình

Điện thoại: 0363644744

Mục tiêu và phương châm hoạt động

Mục tiêu chính:

[Type text]

Mục tiêu hoạt động của công ty là nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính với uy tín và chất lượng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng, cung cấp những thông tin với độ tin cậy cao cho công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao nhất. Hơn thế nữa, với kinh nghiệm thực tiễn về tư vấn tài chính kế toán, gần gũi với khách hàng, tận tình, thông thạo nghiệp vụ và hiểu biết kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam, công ty luôn hiểu rõ được các yêu cầu trong quản lý, các khó khăn có thể gặp phải trong hoạt động và sẽ hỗ trợ khách hàng giải quyết tốt các vấn đề mà ít có một tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính kế toán nào có thể thực hiện được.

Phương châm hoạt động:

Công ty luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất trong mọi lĩnh vực. Các chuyên gia của APS luôn tuân thủ phương châm hoạt động của mình, đó là: độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, tuân thủ các quy định của nhà nước Việt Nam. Chúng tôi luôn nhận thức được lợi ích hợp pháp của khách hàng và cố gắng giúp khách hàng thực hiện và bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

Đội ngũ nhân viên:

Để đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, chúng tôi đã tuyển chọn và đào tạo được một đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao và có rất nhiều kinh nghiệm trong công tác tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo Thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính. Hiện nay APS có một đội ngũ nhân viên với gần 40 người làm việc tại trụ sở chính. Đội ngũ nhân viên của APS được đào tạo có hệ thống trong nước và ngoài nước với các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, xây dựng và công nghệ thông tin trình độ đại học và trên đại học, thường xuyên được trang bị và tiếp cận với những kỹ năng và kiến thức mới nhất qua các chương trình đào tạo và bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu, chất lượng cao nhất của khách hàng.

[Type text]

Chất lượng dịch vụ và khả năng làm việc của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) đã được thể hiện qua tầm cỡ và chất lượng các khách hàng.

Cam kết phục vụ sự phát triển của đất nước và chú trọng vào việc đảm bảo chất lượng cao của các dịch vụ cung cấp cho từng khách hàng sẽ là cơ sở để công ty lựa chọn cung cấp dịch vụ cho các khách hàng.

APS tin tưởng rằng những kinh nghiệm mà công ty đã thu được trong dịch vụ tương tự như yêu cầu của khách hàng sẽ giúp công ty đáp ứng yêu cầu đối với khách hàng và sẽ vô cùng quý báu đối với chúng tôi trong quá trình thực hiện công việc.

2.1.2 Các loại hình dịch vụ và kinh nghiệm của APS:

- Các dịch vụ chuyên ngành của APS:

Dịch vụ kế toán

Tư vấn tài chính, thuế

Công nghệ thông tin

Đào tạo, hỗ trợ tuyển dụng

Xác định giá trị doanh nghiệp

Kiểm toán

- Các dịch vụ mang tính chất chuyên nghiệp mang đến hiệu quả cao cho khách hàng:

- ✓ Dịch vụ kiểm toán

Kiểm toán báo cáo tài chính

Kiểm toán hoạt động các dự án

Kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành

Kiểm toán xác định vốn góp liên doanh

Đánh giá hệ thống kiểm toán nội bộ

[Type text]

Kiểm tra báo cáo quý, báo cáo giữa kỳ

Chuẩn bị và tổng hợp báo cáo tài chính

✓ Dịch vụ kế toán

Hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán tài chính

Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy - tổ chức công tác kế toán, mở - ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính

Lập hồ sơ đăng kí chế độ kế toán.

✓ Tư vấn tài chính

Tư vấn giá trị tài sản, quyết toán tài chính và quyết toán vốn đầu tư công trình

Tư vấn cổ phần hóa, sát nhập và giải thể doanh nghiệp.

Xác định cơ cấu và chiến lược kinh doanh

Tư vấn quản lý tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp

Tư vấn quản lý tiền lương và nhân sự

✓ Dịch vụ thuế

Kê khai thuế GTGT, lập Báo cáo thuế

Liên lạc thường xuyên trực tiếp với cơ quan thuế các cấp và các ban ngành hữu quan khác

Những kiến thức quý giá về việc áp dụng thuế và quy định pháp lý khác

Đánh giá phân tích thuế

Giúp đỡ trong công việc kiểm toán thuế

✓ Dịch vụ đào tạo

[Type text]

Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán nội bộ, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán

✓ Dịch vụ khác

Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán

Cung cấp văn bản pháp quy, thông tin kinh tế- tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.

Hỗ trợ tuyển dụng kế toán trưởng, nhân viên kế toán.

 Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét báo cáo kế toán:

Xuất phát từ nhu cầu của khách hàng về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo kế toán, sổ sách và tài liệu kế toán của khách hàng.

Chúng tôi rất mong nhận được sự tín nhiệm của khách hàng trong việc giao nhiệm vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính trên cho công ty.

Vì mục đích của khách hàng: để cung cấp những thông tin kinh tế tài chính cho các thành viên góp vốn trong Doanh nghiệp giúp cho các thành viên này đưa ra các quyết định về quyền lợi và các nghĩa vụ tài chính thì các thông tin này cần được đảm bảo ở mức độ tin cậy cao do vậy Báo cáo tài chính cần được xem xét, xác nhận để đảm bảo tính khách quan chính xác.

Mặt khác, công ty sẽ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tuân theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, những quy định hiện hành của Việt Nam.

Công ty sẽ tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính theo những yêu cầu của khách hàng, kiểm toán việc tuân thủ của Báo cáo tài chính với các quy định về tài chính, kế toán, thuế của Việt Nam. Cụ thể:

[Type text]

Đưa ra các ý kiến độc lập của mình về công tác kế toán của Công ty (việc ghi chép, quản lý sổ kế toán và lưu trữ các chứng từ kế toán, về tính hợp lý và hợp lệ của chứng từ kế toán).

Rà soát quy trình kế toán, lập Báo cáo tài chính tại đơn vị, phát hiện những điểm còn sai sót (nếu có) trong công tác kế toán và công tác quản lý tài chính Công ty, nêu rõ nguyên nhân và tư vấn, đề xuất các biện pháp khắc phục (tham chiếu đến các quy định mới nhất và kế toán của Việt Nam).

Kiểm tra tính trung thực, hợp lý của thông tin trên các báo cáo tài chính cũng như việc lập và trình bày báo cáo phải tuân thủ các quy định của kế toán quốc tế và các nguyên tắc tài chính kế toán của Việt Nam.

Quá trình kiểm toán và tư vấn kế toán tập trung chủ yếu vào những nội dung chính sau:

- Soát xét hệ thống kiểm soát nội bộ
- Kiểm tra việc sử dụng vốn và quản lý tài sản
- Xác định thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh
- Về chi phí chúng tôi sẽ chỉ rõ những khoản chi phí tăng thêm hoặc giảm đi khi xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra nghĩa vụ nộp thuế
- Trách nhiệm pháp lý về các khoản nợ phải thu, phải trả
- Kiểm tra việc thực hiện hệ thống tài chính và kế toán dựa trên CM kiểm toán Việt Nam

Kết quả kiểm toán và tư vấn kế toán:

- Toàn bộ hệ thống sổ kế toán, tài liệu kế toán được hoàn thiện ở mức tối ưu nhất, mang lại sự yên tâm nhất cho khách hàng.
- Căn cứ trên các kết luận rút ra từ các bằng chứng thu thập được trong quá trình thực hiện cuộc kiểm toán, chúng tôi sẽ cung cấp.

[Type text]

➤ Báo cáo tài chính được kiểm toán viên lập dựa trên chế độ kế toán Việt Nam và tham chiếu đến kế toán quốc tế có thể có các mẫu biểu kế toán quản trị theo yêu cầu của công tác quản lý của đơn vị.

➤ Báo cáo kiểm toán được lập dựa trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Phí kiểm toán và tư vấn kế toán

➤ Phí kiểm toán và Tư vấn kế toán được công ty xác định trên cơ sở số lượng thời gian bỏ ra để hoàn thành công việc kiểm toán, tư vấn kế toán và mức phí phản ánh trình độ cao cấp, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cần thiết của cán bộ tham gia kiểm toán và tư vấn kế toán.

➤ Trên cơ sở mong muốn được cộng tác lâu dài với khách hàng, mức phí kiểm toán và tư vấn kế toán đã được tính toán hết sức hợp lý và có thể đáp ứng nhu cầu chi phí cho các công việc mà công ty đã đề cập ở trên.

2.1.3 Các khách hàng chủ yếu của Công ty:

Với tâm huyết được mang kiến thức và kinh nghiệm của mình để chia sẻ với các khách hàng, trợ giúp khách hàng thành công trong kinh doanh tại Việt Nam và trên toàn thế giới, chúng tôi cam kết với đội ngũ lãnh đạo, nhân viên dày dặn kinh nghiệm, kiến thức không ngừng nâng cao. Công ty APS sẽ đóng góp một phần không thể thiếu trong sự phát triển của nghề Kiểm toán – Tư vấn kế toán, tài chính – Thuế và luôn sẵn sàng cung cấp các dịch vụ Kiểm toán – tư vấn kế toán tài chính – Thuế cho khách hàng một cách chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả nhất. Các thành viên chủ chốt của chúng tôi đã và đang là các nhân lực chính chỉ đạo thực hiện công việc kiểm toán cho các khách hàng thuộc các lĩnh vực khác nhau, mô hình khác nhau từ Doanh nghiệp nhà nước, Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Doanh nghiệp tư nhân. Có doanh nghiệp vốn Nhà nước, doanh nghiệp do các cá nhân đóng góp, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất...

[Type text]

Công ty sẵn sàng, thường xuyên cử các cán bộ và nhân viên tham gia, nghiên cứu môi trường kinh doanh chung, các thay đổi về pháp lý cụ thể đối với ngành nghề mà Doanh nghiệp đang hoạt động và mong muốn được cùng tham gia các hoạt động chuyên sâu, đặc thù của doanh nghiệp để hiểu biết hơn nữa về lĩnh vực kinh doanh của Doanh nghiệp.

Công ty mong muốn mang tất cả những hiểu biết và kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực Kiểm toán- Tư vấn kế toán, tài chính- Thuế, môi trường kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam để đưa ra giải pháp hiệu quả nhất.

Với tất cả lý do trên đã đem đến cho công ty một lượng khách hàng lớn với nhiều đối tượng kinh doanh khác nhau trên mọi lĩnh vực:

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Công ty TNHH EBA

Công ty TNHH Konys paper

Công ty TNHH Nissei Eco

Công ty TNHH Advance

Công ty TNHH JH Co Vietnam

Công ty LD HH Hải thành

Trường quốc tế TEG

Trường quốc tế QSI

Taishodo

.....

- Các doanh nghiệp của Việt Nam:

Công ty cổ phần Giấy Hải Phòng

Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long

Công ty Vân Long

Công ty Nhựa thiếu niên tiền phong

Bưu điện Hải Phòng

[Type text]

Công ty cổ phần KS Bạch Đằng

Công ty Thành Trang

Công ty Hoa tiêu khu vực IV

.....

▪ Các dự án:

Dự án cấp nước Hải Phòng

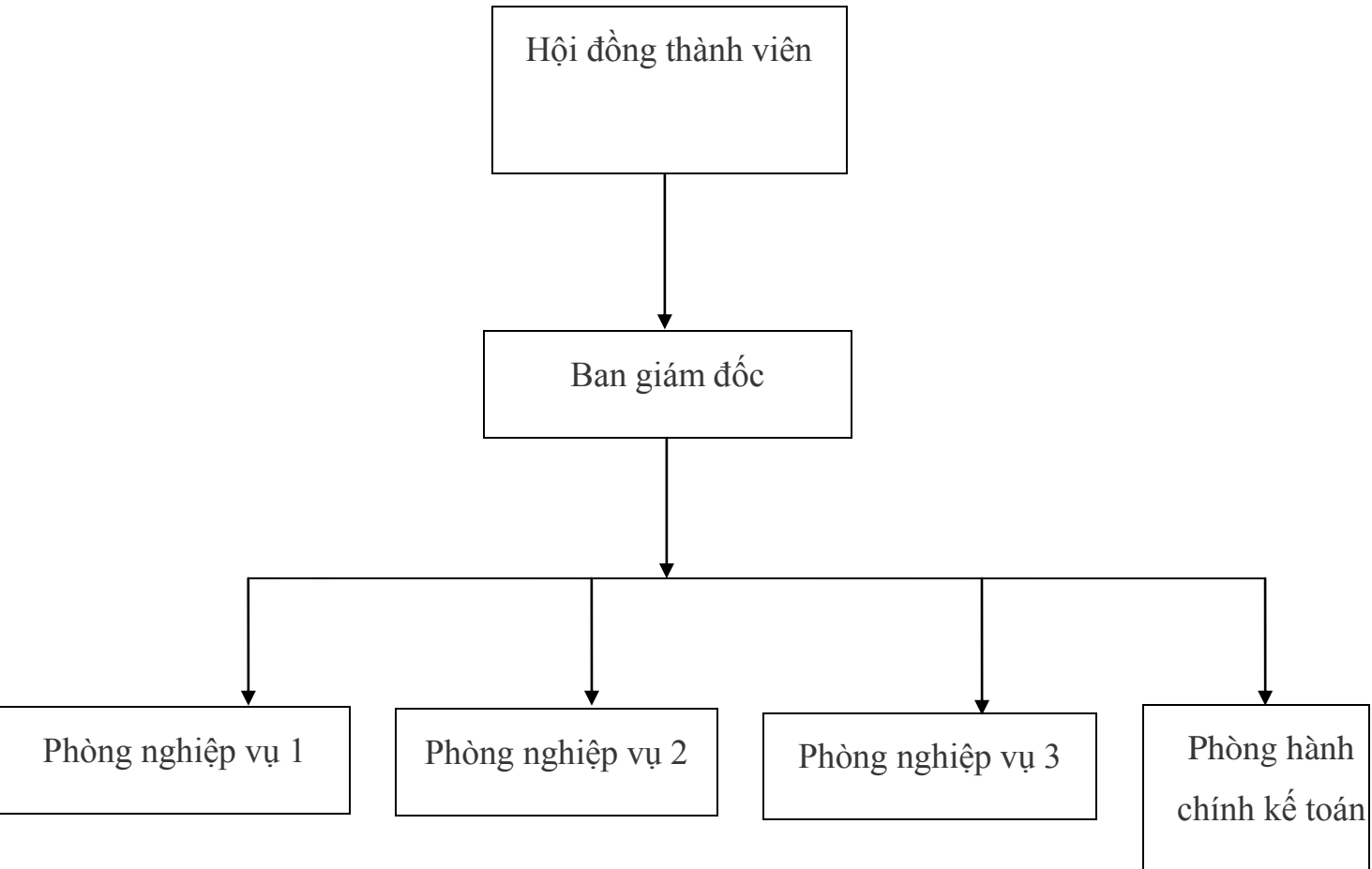
Dự án cải tạo và nâng cấp QL5

Dự án của NH Nông nghiệp HP

Dự án bến cá Cửa Lân Thái Bình

2.1.4 Mô hình tổ chức quản lý của Công ty

Mô hình tổ chức quản lý và bộ máy kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn kế toán An Phát (APS) được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 5: Mô hình tổ chức quản lý của APS

[Type text]

- Hội Đồng Thành Viên là những người góp vốn thành lập công ty. Hội Đồng Thành Viên gồm 5 người trong đó bà Trần Thị Minh Tần là Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên. Hội Đồng Thành Viên bầu ra Giám Đốc và các Phó Giám Đốc để điều hành công ty hàng ngày.

- Ban Giám Đốc gồm 5 thành viên, Ban Giám Đốc sẽ họp mỗi tháng một lần để nắm bắt tình hình hoạt động của công ty. Ban Giám Đốc sẽ chịu trách nhiệm trước Công Ty, Hội Đồng Thành Viên và pháp luật về hoạt động của công ty. Trong Ban Giám Đốc thì Giám Đốc chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động chung của công ty. Giám Đốc công ty do Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm. Giám đốc là người trực tiếp đánh giá rủi ro của cuộc kiểm toán và mọi Hồ sơ kiểm toán và cũng là người đại diện cho Công ty ký phát hành Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý.

- Phó giám đốc chịu trách nhiệm về việc tiếp xúc với khách hàng và nhận các Hợp đồng kiểm toán.

- Các phòng nghiệp vụ do trưởng phòng đứng đầu. Trưởng phòng nghiệp vụ quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động của phòng nghiệp vụ tương ứng; giám sát, quản lý các nhân viên chuyên nghiệp trong phòng trong công việc, đặc biệt là trong khi làm việc với khách hàng. Trưởng phòng nghiệp vụ cũng là người soát xét các công việc do các nhân viên của mình thực hiện, kiểm soát chất lượng công việc.

- Phòng Tài Chính Kế Toán: với chức năng kế toán, giúp việc cho giám đốc tổ chức và thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, thông tin kế toán, tổ chức hạch toán kinh tế trong nội bộ công ty theo đúng chế độ, chính sách và pháp luật nhà nước về tài chính, tín dụng và theo điều lệ tổ chức kế toán, pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước về công tác quản lý tài chính.

- Phòng Hành Chính: với chức năng tài vụ, là phòng chức năng giúp Giám Đốc trong công việc thực hiện các phương án sắp xếp và cải tiến tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức quản lý tuyển dụng và phân phối nhân lực, đáp ứng nhu cầu hoạt động theo từng thời kỳ. Đồng thời tổ chức thực hiện đúng đắn các chính sách chế độ đối với người lao động.

[Type text]

Thông thường, sau khi một hợp đồng được ký kết bởi các thành viên của Ban Giám Đốc, trưởng nhóm kiểm toán sẽ chịu trách nhiệm xem xét, lập kế hoạch kiểm toán và chịu trách nhiệm soát xét toàn bộ Hồ sơ kiểm toán cũng như Báo cáo kiểm toán trước khi trình duyệt Giám đốc soát xét lần cuối. Đối với những khách hàng lớn, yêu cầu có sự hợp nhất kết quả kiểm toán khi phát hành báo cáo kiểm toán, nhóm trưởng kiểm toán là người chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp việc thực hiện của các nhóm kiểm toán tại các cơ sở kiểm toán khác nhau.

Với cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý như trên Ban giám đốc của Công ty kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) đã thực hiện quản lý có hiệu quả tất cả các hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động liên quan đến cuộc kiểm toán, từ khâu chào thầu tới khâu ký kết hợp đồng đến phát hành Báo cáo kiểm toán trong đó bao gồm việc lập và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát được thiết kế và thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, tạo dựng được lòng tin của khách hàng đối với Công ty.

2.1.5 Chuẩn mực và phương pháp kiểm toán áp dụng

Với phương châm hoạt động kết hợp với những định hướng cũng như mục tiêu chiến lược trong suốt thời gian hình thành và phát triển, APS đã và đang xây dựng cho mình một phương pháp kiểm toán riêng biệt và hình tượng riêng trong khối doanh nghiệp. Phương pháp này được xây dựng dựa trên cơ sở các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Quốc tế, cũng như tham khảo công nghệ của các hãng kiểm toán lớn mà nhân viên của Công ty đã từng làm việc. APS luôn làm việc dựa trên các yêu cầu Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam cũng như Quốc tế và các quy định pháp luật khác có liên quan. Bên cạnh đó, APS dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực kinh doanh của khách hàng, hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro. Với những công cụ trợ giúp kỹ thuật hiện có, APS sẽ nhận diện được các rủi ro tiềm ẩn và tăng cường hiểu biết về hoạt động kinh doanh của khách hàng trong suốt quá trình kiểm toán.

[Type text]

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quyết định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.2 Thực trạng công tác kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn kế toán An Phát(APS) thực hiện:

2.2.1 Lập kế hoạch kiểm toán:

- Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng
- Hợp đồng kiểm toán, kế hoạch kiểm toán và nhóm kiểm toán
- Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động
- Tìm hiểu chính sách kế toán và chu trình kinh doanh quan trọng
- Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính
- Đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro gian lận
- Xác định mức trọng yếu
- Tổng hợp kế hoạch kiểm toán

2.2.1.1 Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng

Đây là công việc tiền kiểm toán được APS thực hiện nhằm xác định có thể tiếp tục kiểm toán cho một khách hàng cũ hay thực hiện một hợp đồng kiểm toán với khách hàng mới hay không. Trên cơ sở đó, KTV sẽ xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp.

Trước mỗi kỳ kiểm toán hàng năm APS đều thực hiện việc tiếp cận khách hàng. Công việc này được tiến hành với từng khách hàng, nếu là khách hàng mới (khách hàng kiểm toán năm đầu tiên) bắt đầu bằng việc khách hàng trực tiếp liên hệ với Công ty để yêu cầu kiểm toán hoặc thông qua sự quen

[Type text]

biết ngoại giao của Ban Giám Đốc Công ty kiểm toán hoặc được giới thiệu. Còn nếu là khách hàng thường xuyên hoặc đã được Công ty kiểm toán nhiều năm thì Công ty có thể liên lạc trực tiếp với khách hàng, hay khách hàng có thể liên hệ với Công ty khi có yêu cầu về kiểm toán thông qua Thư mời kiểm toán.

Căn cứ vào Thư mời kiểm toán, KTV phải thu thập những thông tin chung nhất về khách hàng như đặc điểm ngành nghề kinh doanh, đối thủ cạnh tranh, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý... Tùy thuộc vào mức rủi ro chấp nhận Hợp đồng kiểm toán mà Công ty quy định trách nhiệm xem xét và quyết định việc chấp nhận ký kết hợp đồng như sau:

- Nếu rủi ro ở mức thấp hoặc trung bình: Giám đốc chuyên môn và trưởng nhóm kiểm toán sẽ xem xét chấp nhận hợp đồng kiểm toán.

- Nếu rủi ro ở mức cao: Công ty không chấp nhận hợp đồng kiểm toán vì khi đó không đảm bảo chất lượng kiểm toán theo đúng tiêu chuẩn của Công ty.

Công ty TNHH Haivina Kim Liên là một công ty sản xuất gia công các sản phẩm: găng tay thể thao, găng tay công nghiệp, quần áo thể thao và các trang phục thể thao. Qua thư mời kiểm toán, Ban giám đốc Công ty APS tiến hành trao đổi với Ban Giám đốc của công ty Haivina Kim Liên về những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm toán và có liên quan đến công việc kiểm toán sau này như ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực hoạt động, công tác tổ chức quản lý, triển vọng phát triển,... Sau khi tìm hiểu sơ bộ và đánh giá mức độ rủi ro hợp đồng ở mức thấp, APS chấp nhận kiểm toán và tiến hành soạn thảo Hợp đồng kiểm toán với những điều khoản phù hợp. Sau đó, hai bên cùng đi đến thống nhất và cùng ký kết Hợp đồng kiểm toán.

2.2.1.2 Hợp đồng kiểm toán, kế hoạch kiểm toán và nhóm kiểm toán

[Type text]

Sau khi tìm hiểu về khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng, Công ty APS sẽ gửi thư hợp đồng kiểm toán cho công ty được kiểm toán. Trong đó, hợp đồng kiểm toán bao gồm các hạng mục: Các căn cứ làm hợp đồng kiểm toán, các thành phần tham gia kiểm toán và các chi tiết đầy đủ về công ty, các nội dung thỏa thuận được đưa ra dựa trên sự nhất trí của cả 2 bên (nội dung dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của Công ty Haivina Kim Liên, quyền và nghĩa vụ của Công ty APS, phí dịch vụ kiểm toán và phương thức thanh toán, cam kết thực hiện và thời gian hoàn thành, hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng).

Dựa trên các căn cứ trong Hợp đồng kiểm toán, gửi thư kiểm toán đến công ty Haivina Kim Liên và yêu cầu công ty cung cấp và chuẩn bị các tài liệu, chứng từ phục vụ cho cuộc kiểm toán trước khi tiến hành.

Sau khi hợp đồng đã được ký kết, BGD của APS tiến hành xác định thời gian và bố trí nhân sự cho cuộc kiểm toán. Thời gian hoàn hành kiểm toán tại Công ty Haivina Kim Liên được xác định là 10 ngày kể từ ngày hai bên ấn định cuộc kiểm toán năm, thời gian kiểm toán dự kiến trên hợp đồng là 10/01/2013 đến 20/01/2013 và ngày phát hành báo cáo là 20/02/2013. Nhóm kiểm toán được phân công gồm 2 kiểm toán viên -1 là Bà Trần Thị Minh Tần -giám đốc kiêm kiểm toán viên- trưởng đoàn, 2 là Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang (KTV NTQT) -phó trưởng phòng kiểm toán BCTC- trưởng nhóm và 3 trợ lý kiểm toán. Trong đó, khoản mục TSCĐ do KTV NTQT trực tiếp phụ trách. Trưởng đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm trước BGD APS và BGD của Haivina Kim Liên về sự thành công cũng như chất lượng của cuộc kiểm toán và có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán.

Khi hồ sơ kiểm toán được lập đồng thời cũng lập bảng phân công nhiệm vụ nhóm kiểm toán dựa trên kế hoạch tổng thể đã được lập trước đó. Bên cạnh đó soát xét các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của KTV nhằm đảm bảo không tồn tại các yếu tố trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của KTV tham gia nhóm

[Type text]

kiểm toán. Xem xét các biện pháp đảm bảo tính độc lập của các thành viên nhóm kiểm toán để ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ để đảm bảo tính độc lập của Công ty kiểm toán/ thành viên nhóm kiểm toán.

2.2.1.3 Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

Thu thập thông tin về khách hàng là một bước không thể thiếu được trong khi tiến hành lập kế hoạch kiểm toán, thông qua thực hiện thu thập thông tin về khách hàng cho phép kiểm toán viên có thể thu thập được những thông tin về hoạt động kinh doanh của khách hàng, về quy trình hạch toán và đánh giá các chính sách được sử dụng trong hạch toán và qua đó đánh giá được rủi ro tiềm tàng. Đồng thời xác định và hiểu các sự kiện, giao dịch và thông lệ kinh doanh của KH có ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC, qua đó giúp xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Vì là một khách hàng kiểm toán năm đầu tiên, nên các thông tin về khách hàng được APS thu thập cẩn thận qua các luồng thông tin có tính tin cậy cao. Do đó, khi bắt đầu kiểm toán, KTV thu thập thông tin về những thay đổi của công ty khách hàng trong năm kiểm toán và các thông tin bên lề như: khách hàng, nguồn cung cấp.... Và một số thông tin do Ban giám đốc của khách hàng cung cấp trong các cuộc họp với đại diện của APS.

Thứ nhất là về môi trường pháp lý mà DN hoạt động:

- Pháp luật và các quy định có ảnh hưởng trọng yếu tới các hoạt động của doanh nghiệp như các quy định pháp luật đối với loại hình và ngành nghề kinh doanh của DN, các quy định của Chính phủ hiện có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của DN như các quy định về tiền tệ và kiểm soát ngoại tệ, hỗ trợ tài chính của Chính phủ, thuế quan và các rào cản thương mại, thay đổi thuế áp dụng...

- Ngày 10/05/2012, Chính phủ chính thức ban hành Nghị quyết 13 về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường.

[Type text]

Trong nghị quyết này, thủ tướng đã yêu cầu Ngân hàng nhà nước chủ trì, phối hợp tiếp tục hạ mặt bằng lãi suất cho vay.

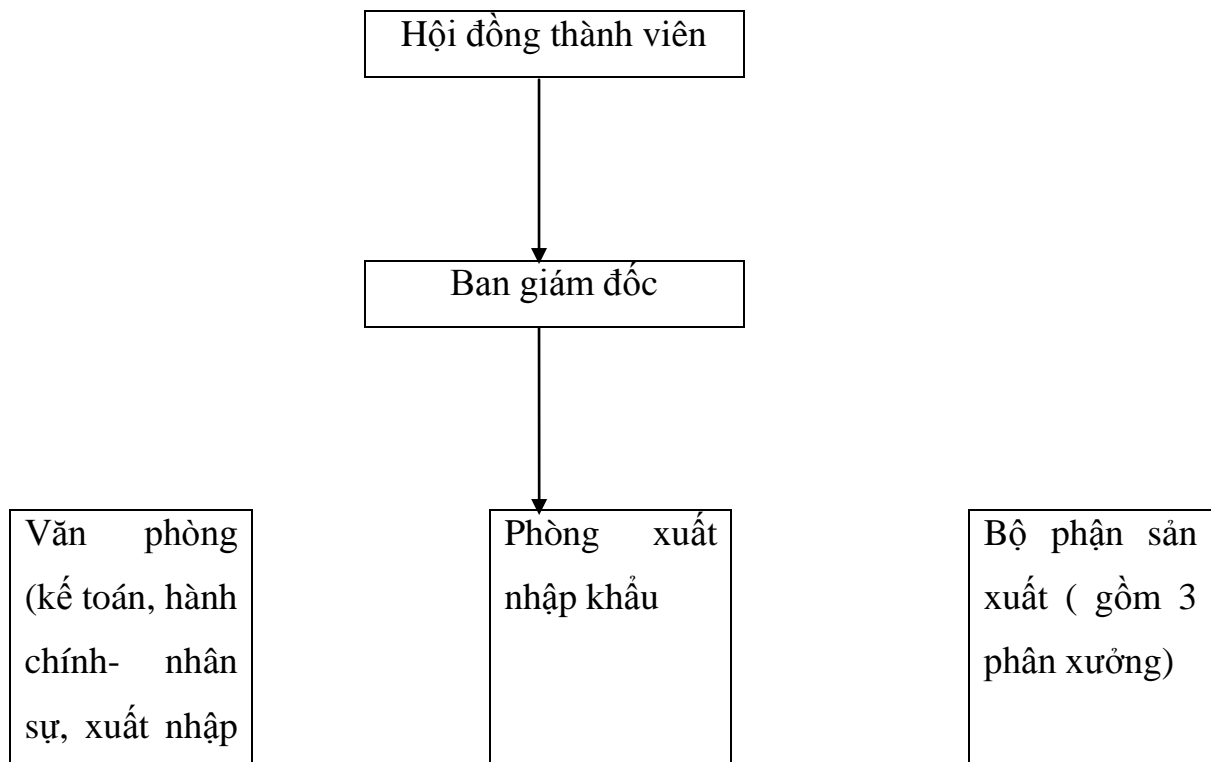
- Diện ưu tiên là khu vực 4 nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu và doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ.

Thứ hai là các hoạt động và tình hình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp:

- Công ty Haivina Kim Liên là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 271043000003 ngày 22/11/2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An. Theo giấy phép đầu tư, hoạt động của Công ty là sản xuất gia công các sản phẩm: găng tay thể thao, găng tay công nghiệp, quần áo thể thao và các trang phục thể thao.

Công ty bắt đầu hoạt động từ khi Giấy phép đăng ký kinh doanh có hiệu lực.

- Mô tả cấu trúc tổ chức của DN theo các phòng, ban:



[Type text]

khấu)

Sơ đồ 6: Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty TNHH Haivina Kim Liên:

2.2.1.4 Tìm hiểu chính sách kế toán và chu trình kinh doanh quan trọng

Chính sách kế toán của Công ty bao gồm:

- Hệ thống kế toán DN đang áp dụng, có lập BCTC cho tập đoàn không, các chính sách kế toán quan trọng DN áp dụng, các thay đổi chính sách kế toán năm nay, yêu cầu đối với BCTC, cấu trúc lập BCTC... Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đồng thời công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

- Hình thức sổ kế toán: công ty thực hiện theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đơn vị tiền tệ hạch toán là Việt Nam Đồng (VNĐ). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được phản ánh vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 hàng năm.

- Phương pháp kế toán TSCĐ: Công ty phản ánh theo nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản.

[Type text]

Tỷ lệ khấu hao được tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho: hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá bình quân gia quyền theo tháng.

Hàng năm, Công ty Báo cáo quyết toán phù hợp với các quy định của Nhà nước. Tất cả các Báo cáo tài chính của Công ty được trình lên cơ quan có thẩm quyền chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Chu trình TSCĐ và XDCB:

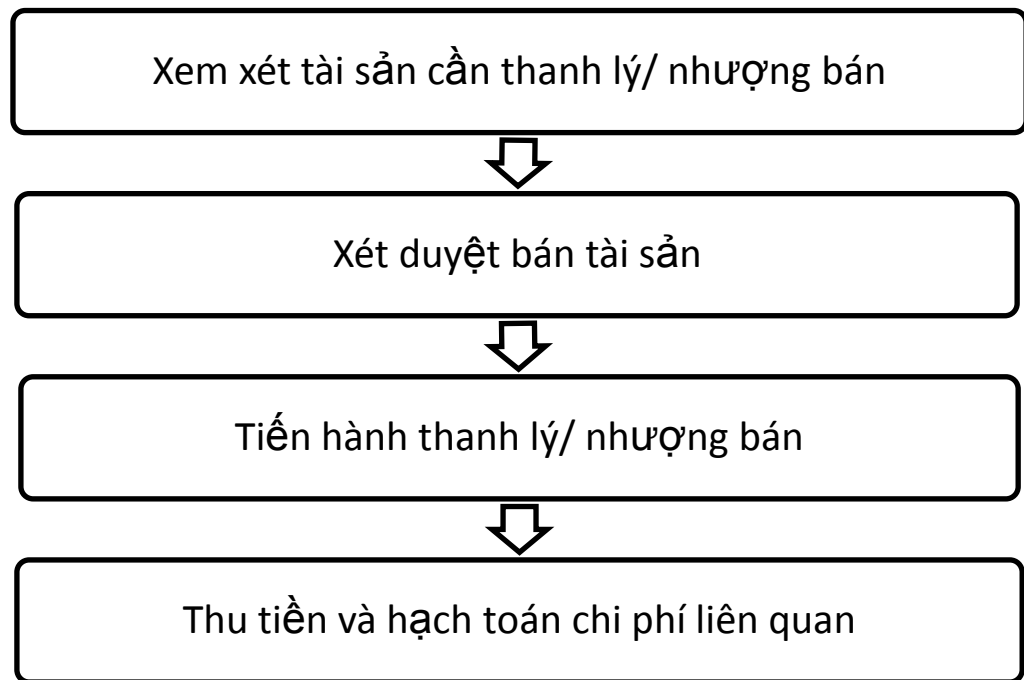
- Chu trình mua TSCĐ:



Sơ đồ 7: Mô tả chu trình mua TSCĐ

- Chu trình bán TSCĐ:

[Type text]



Sơ đồ 8: Mô tả chu trình bán TSCĐ

2.2.1.5 Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính

Sau khi nhận được các giấy tờ cần thiết, KTV tiến hành phân tích sơ bộ về TSCĐ của công ty Haivina Kim Liên trong BCTC năm 2012 nhằm xác định các thủ tục kiểm toán trọng tâm và khoanh vùng có nhiều khả năng xảy ra rủi ro.

Qua kiểm tra, KTV nhận thấy TSCĐ hữu hình của Công ty trong năm 2012 tăng 75.947.571.782 đồng, và TSCĐ vô hình tăng 114.500.000 đồng trong kỳ không có TSCĐ khấu hao hết những vẫn được sử dụng tại doanh nghiệp. Thông qua bảng thuyết minh TSCĐ dưới đây sẽ cho thấy nguyên nhân, nguồn gốc của các khoản tăng tài sản trong năm tăng lên chủ yếu do mua sắm. Có thể thấy trong năm công ty đã đầu tư nhiều vào máy móc thiết bị, phân xưởng để nâng cao chất lượng công trình cung cấp. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển của công ty là mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Công ty không có TSCĐ thuê tài chính.

2.2.1.6 Đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro gian lận

[Type text]

Mục tiêu: đánh giá hệ thống KSNB ở cấp độ DN giúp KTV xác định được sơ bộ nhân tố rủi ro, gian lận, lập kế hoạch kiểm toán và xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán.

Nội dung chính: hệ thống KSNB ở cấp độ DN thường có ảnh hưởng rộng khắp tới các mặt hoạt động của DN. Do đó, hệ thống KSNB ở cấp độ DN đặt ra tiêu chuẩn cho các cấu phần khác của hệ thống KSNB. Hiểu biết tốt về hệ thống KSNB ở cấp độ DN sẽ cung cấp một cơ sở quan trọng cho việc đánh giá hệ thống KSNB đối với các chu trình kinh doanh quan trọng. KTV sử dụng các xét đoán chuyên môn của mình để đánh giá hệ thống KSNB ở cấp độ DN bằng cách phỏng vấn, quan sát hoặc kiểm tra tài liệu. Việc đánh giá này chỉ giới hạn trong 03 thành phần cấu thành của hệ thống KSNB: (1) Môi trường kiểm soát, (2) Quy trình đánh giá rủi ro và (3) Giám sát các hoạt động kiểm soát.

Các thành phần của hệ thống KSNB	Có	Không	Mô tả/ ghi chú	Tham chiếu
1. Môi trường kiểm soát 1.1 Truyền thông và thực thi tính chính trực và giá trị đạo đức trong DN - Có quy định về giá trị đạo đức và các giá trị này có được thông tin đến các bộ phận của DN không? - Có quy định nào để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức không?				

<p>- Các sai phạm về tính chính trực và giá trị đạo đức được xử lý như thế nào? Các thức xử lý có được quy định rõ và áp dụng đúng đắn?</p> <p>1.2 Cam kết đối với năng lực và trình độ của nhân viên</p> <p>- Các nhà quản lý có danh tiếng hoặc bằng chứng về năng lực của họ không?</p> <p>- DN thường có thiên hướng thuê nhân viên có năng lực nhất hay nhân viên tốn ít chi phí nhất?</p> <p>- DN xử lý như thế nào đối với nhân viên không có năng lực?</p> <p>1.3 Phong cách điều hành và triết lý của các nhà quản lý DN</p> <p>- Thái độ của các nhà quản lý DN đối với hệ thống KSNB?</p> <p>- Phương pháp tiếp cận của họ đối với rủi ro?</p> <p>- Thu nhập của các nhà quản lý có dựa vào kết quả hoạt động hay không?</p> <p>- Mức độ tham gia của các nhà quản lý DN vào quá trình lập BCTC?</p> <p>1.4 Cấu trúc tổ chức</p> <p>- Cơ cấu tổ chức có phù hợp với quy mô, hoạt động kinh doanh và vị trí địa lý kinh doanh của đơn vị không?</p> <p>- Cấu trúc DN có khác biệt với các DN có quy mô tương tự của ngành</p>			<p>DN thuê nhân viên có năng lực nhất.</p> <p>DN sẽ chấm dứt HĐLĐ với lao động không có năng lực.</p>
---	--	--	---

<p>không?</p> <p>1.5 Phân định quyền hạn và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none">- DN có các chính sách và thủ tục cho việc ủy quyền và phê duyệt các nghiệp vụ ở từng mức độ phù hợp không?- Có sự giám sát và kiểm tra phù hợp đối với những hoạt động được phân quyền cho nhân viên không?- Nhân viên của DN có hiểu rõ nhiệm vụ của mình hay không?- Những người thực hiện công tác giám sát có đủ thời gian để thực hiện công việc giám sát của mình không?- Sự bất kiêm nhiệm có được thực hiện phù hợp trong đơn vị không? (ví dụ, tách biệt vị trí kế toán và công việc mua sắm tài sản) <p>1.6 Chính sách nhân sự và thực tế về quản lý nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn vị có chính sách và tiêu chuẩn cho việc tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, đề bạt, và sa thải nhân viên không?- Các chính sách này có được xem xét và cập nhật thường xuyên không?- Các chính sách này có được truyền đạt đến mọi nhân viên của đơn vị không?- Những nhân viên mới có nhận thức được trách nhiệm của họ cũng như sự kỳ				
---	--	--	--	--

<p>vọng của BGD không?</p> <ul style="list-style-type: none">- Kết quả công việc của mỗi nhân viên có được đánh giá và soát xét định kỳ không? <p>2. Quy trình đánh giá rủi ro:</p> <p>Rủi ro kinh doanh liên quan tới BCTC:</p> <ul style="list-style-type: none">- Các nhà quản lý xác định rủi ro kinh doanh liên quan tới BCTC như thế nào?- Ước tính ảnh hưởng về mặt tài chính?- Đánh giá khả năng xảy ra rủi ro kinh doanh?- Các rủi ro kinh doanh phát hiện được giải quyết như thế nào? <p>3. Giám sát các hoạt động kiểm soát:</p> <p>3.1 Giám sát thường xuyên và định kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Việc giám sát thường xuyên có được xây dựng trong các hoạt động của DN không?- DN có chính sách xem xét lại hệ thống KSNB định kỳ và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống không? (mô tả việc đánh giá nếu có)- DN có duy trì bộ phận kiểm toán nội bộ phù hợp không?- Bộ phận kiểm toán nội bộ có đủ kinh nghiệm chuyên môn và được đào tạo				
---	--	--	--	--

<p>đúng đắn không?</p> <ul style="list-style-type: none">- Bộ phận kiểm toán nội bộ có duy trì hồ sơ đầy đủ về hệ thống KSNB và kiểm tra hệ thống KSNB của đơn vị không?- Bộ phận kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận sổ sách, chứng từ kế toán và phạm vi hoạt động của họ không bị hạn chế? <p>3.2 Báo cáo các thiếu sót của hệ thống KSNB:</p> <ul style="list-style-type: none">- DN có các chính sách, thủ tục để đảm bảo thực hiện kịp thời các biện pháp sửa chữa đối với các thiếu sót của hệ thống KSNB không?- BGD có xem xét các ý kiến đề xuất liên quan đến hệ thống KSNB đưa ra bởi KTV độc lập (hoặc KTV nội bộ) và thực hiện các đề xuất đó không?- Bộ phận kiểm toán nội bộ có gửi báo cáo phát hiện các thiếu sót của hệ thống KSNB lên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát kịp thời không?- Bộ phận kiểm toán nội bộ có theo dõi các biện pháp sửa chữa của BGD không?- Bộ phận kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận trực tiếp HĐQT hoặc Ban Kiểm soát không?				
--	--	--	--	--

[Type text]

Bảng 2.1: Hệ thống KSNB và rủi ro gian lận

(Trích giấy tờ làm việc của KTV)

2.2.1.7 Xác định mức trọng yếu

Mục tiêu: xác định mức trọng yếu (kế hoạch – thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của công ty để thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại khách hàng và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.

Tính trọng yếu luôn được APS quan tâm và xem xét trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện quy trình kiểm toán. Việc tính toán mức trọng yếu do trưởng nhóm kiểm toán trực tiếp thực hiện. Chỉ tiêu được lựa chọn để ước lượng mức trọng yếu đối với Công ty Haivina Kim Liên là chỉ tiêu Doanh thu bán hàng. Dựa trên kết quả tìm hiểu về Công ty khách hàng và kinh nghiệm kiểm toán của mình mà trưởng nhóm kiểm toán đưa ra các tỷ lệ để ước tính mức trọng yếu và tính toán mức trọng yếu thể hiện trên giấy tờ làm việc như sau:

Chỉ tiêu		Kế hoạch	Thực tế
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		Doanh thu	Doanh thu
Lý do lựa chọn tiêu chí này để xác định mức trọng yếu	Doanh thu là tiêu chí tương đối ổn định qua các năm		
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	9.400.000.000	9.454.781.333
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(b)	0,50%	0,50%
Mức trọng yếu tổng thể	(c) = (a)*(b)	47.000.000	47.273.907
Mức trọng yếu thực hiện	(d) = (c)*	35.250.000	35.455.430

[Type text]

	(50%-75%)		
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	(e) =(d)*4% (tối đa)	1.410.000	1.418.217

Bảng 2.2: Xác định mức trọng yếu

(Trích giấy tờ làm việc của kiểm toán viên)

Chỉ tiêu lựa chọn	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch
Mức trọng yếu tổng thể	47.273.907	0	47.273.907
Mức trọng yếu thực hiện	35.455.430	0	35.455.430
Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua	1.418.217	0	1.418.217

Trong cuộc kiểm toán này, mức trọng yếu tổng thể được xác định không vượt quá 5% của tổng tài sản.

Sau khi xác định được mức trọng yếu tổng thể, trưởng nhóm kiểm toán sẽ tiến hành phân bổ mức trọng yếu này cho các tài khoản quan trọng khi lập kế hoạch và thực hiện quy trình kiểm toán. Trong công việc kiểm toán, APS gọi mức phân bổ này là “Mức trọng yếu thực hiện”. Mức trọng yếu thực hiện được tính bằng 75% mức trọng yếu tổng thể. Các sai lệch dưới mức trọng yếu thực hiện được coi là hợp lý, và kiểm toán viên không đưa ra bút toán điều chỉnh. Tuy nhiên đây mới chỉ là yếu tố định lượng để là mức chuẩn cho việc xác định các sai phạm trọng yếu. KTV còn phải xem xét đến các yếu tố định tính như có đưa ra bút toán điều chỉnh hay không. Với những sai lệch được phát hiện lớn hơn mức này, KTV sẽ phải xem xét cụ thể. Sau khi đã tiến hành các thủ tục điều tra, thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết, KTV sẽ đưa ra ý kiến điều chỉnh.

Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua được xác định không quá 4% mức trọng yếu thực hiện. Các sai phạm có giá trị nhỏ hơn giới hạn này sẽ được coi là không có ảnh hưởng trọng yếu và KTV không cần phải thực hiện thủ tục kiểm

[Type text]

toán nào. Điều đó có nghĩa là trong BCTC sẽ không bị coi là có sai phạm trọng yếu nếu sai lệch được phát hiện (nếu có) ở dưới mức này.

Khoản mục TSCĐ luôn được đánh giá là trọng yếu và có rủi ro tiềm tàng ở mức trung bình. Vì vậy khi đi vào thực hiện kiểm toán, KTV tiến hành kiểm tra 100% chứng từ sổ sách liên quan đến TSCĐ của Công ty.

2.2.1.8 Tổng hợp kế hoạch kiểm toán

- Tổng hợp kết quả kiểm tra các vấn đề phát hiện trong giai đoạn lập kế hoạch

- Tổng hợp các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán: trong phần này, KTV cần tổng hợp các kết quả kiểm toán cho từng khoản mục trọng yếu và trình bày kết quả tổng hợp theo các nội dung gồm kết luận kiểm toán đối với khoản mục trọng yếu, các vấn đề tồn tại cần giải quyết, trao đổi với các chủ nhiệm kiểm toán, thành viên BGD và KH.

- Xem xét lại mức trọng yếu đã xác định ở giai đoạn lập kế hoạch:

Tiêu chí xác định mức trọng yếu (Doanh thu) là phù hợp. Lý do:

+ Đơn vị năm đầu tiên đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên tổng Tài sản và Nguồn vốn chưa ổn định nên Doanh thu được xem là tiêu chí được nhiều người quan tâm nhất.

Tỷ lệ % áp dụng để xác định mức trọng yếu (2%) là Phù hợp. Lý do:

+ Tỷ lệ 2% nằm trong ngưỡng 0,5 – 3% được hiệp hội nghề nghiệp đặt ra, là một doanh nghiệp mới đi vào hoạt động cùng với sự tìm hiểu về hệ thống KSNB của đơn vị KTV nhận thấy 2% là mức trọng yếu phù hợp với đơn vị.

Sự cần thiết phải thay đổi mức trọng yếu: Có: Lý do:

+ Mức trọng yếu đặt ra được xem là phù hợp với tình hình kinh tế và tài chính của đơn vị hiện nay.

[Type text]

2.2.2 Thực hiện kiểm toán khoản mục tài sản cố định

2.2.2.1 Kiểm tra hệ thống KSNB đối với khoản mục TSCĐ

Kiểm tra hệ thống KSNB và rủi ro trong gian lận đối với chu trình TSCĐ bao gồm các bước công việc sau:

- Kiểm tra có thực hiện kiểm kê theo đúng quy định không?
- Có mang TSCĐ đi thế chấp để vay vốn không?
- Tất cả các TSCĐ có được ghi sổ theo giá gốc hay không?
- Khách hàng có theo dõi riêng những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý không?
 - Hệ thống thẻ TSCĐ có được duy trì không?
 - Ngoài kế toán, có bộ phận nào theo dõi và quản lý danh mục TSCĐ không?
 - Khấu hao TSCĐ có được tính đúng theo các quy định hiện hành không?
 - Việc tính khấu hao TSCĐ có được nhất quán với các năm trước không?
 - Các thủ tục mua sắm, đầu tư, thanh lý, nhượng bán TSCĐ có theo đúng quy trình không? Quy trình đã đề ra có phù hợp không?
 - Khách hàng có mua các loại bảo hiểm cho các TSCĐ cần bảo hiểm không?
 - Kết luận: hệ thống kiểm soát nội bộ của khoản mục TSCĐ có đáng tin cậy không?
 - Có các quy định về xử lý các TS hư hỏng. mất mát không?
 - Có kế hoạch mua sắm đầu tư TSCĐ mới, thuê tài chính, thuê hoạt động không?
 - Có sổ chi tiết TSCĐ không?
 - Các chính sách kế toán hiện đang áp dụng đối với TSCĐ có phù hợp không?

2.2.2.2 Thực hiện thủ tục phân tích

[Type text]

Sau khi nhận được các giấy tờ cần thiết, KTV tiến hành phân tích sơ bộ về TSCĐ của công ty Haivina Kim Liên trong BCTC năm 2012 nhằm xác định các thủ tục kiểm toán trọng tâm và khoanh vùng có nhiều khả năng xảy ra rủi ro. Từ đó nêu rõ mục tiêu, các rủi ro sai sót, và đưa ra các thủ tục kiểm toán cụ thể cho từng công việc.

- Mục tiêu: TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, XDCB dở dang, Bất động sản đầu tư là có thực, thuộc quyền sở hữu của DN, được hạch toán và đánh giá đầy đủ, chính xác, đúng niên độ, và trình bày trên BCTC phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành...

- Thủ tục kiểm toán:

STT	Thủ tục	Người thực hiện	Tham chiếu
I. Thủ tục chung			
1	Kiểm tra các nguyên tắc kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.		
2	Lập bảng số liệu tổng hợp có so sánh với số dư cuối năm trước. Đối chiếu các số dư trên bảng số liệu tổng hợp với BCĐPS và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước (nếu có).		
II. Kiểm tra phân tích			
1	So sánh, phân tích tình hình tăng, giảm của số dư TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, XDCB dở dang, Bất động sản đầu tư năm nay so với năm trước, đánh giá tính hợp lý của các biến động lớn.		
2	Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, so sánh với Thông tư số 203/TT-BTC ngày 20/10/2009 và CMKT liên quan.		
3	So sánh tỷ lệ khấu hao trung bình cho các nhóm tài		

	sản với niên độ trước và yêu cầu giải trình nếu có sự thay đổi.		
III. Kiểm tra chi tiết			
•	TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư:		
1	Thu nhập bảng tổng hợp biến động từng loại TSCĐ theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế:		
1.1	Kiểm tra tính chính xác số học của bảng tổng hợp		
1.2	Đảm bảo số dư trên bảng tổng hợp khớp với số liệu trên Sổ cái.		
1.3	Chọn mẫu các tài sản tăng trong năm để tiến hành kiểm tra các chứng từ gốc liên quan; đối chiếu với kế hoạch; thủ tục mua sắm TSCĐ và sự phê duyệt của BGD.		
1.4	Đối chiếu chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ với phần hành kiểm toán - Vay và nợ ngắn hạn và dài hạn		
1.5	Soát xét các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp phát sinh trong năm đảm bảo việc vốn hóa nếu đủ điều kiện.		
1.6	Kiểm tra tính chính xác việc hạch toán các nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ theo chủng loại, nhóm, tính toán các khoản lãi/lỗ về thanh lý, nhượng bán TSCĐ trên cơ sở các chứng từ liên quan.		
2	Quan sát thực tế TSCĐ:		
2.1	Tham gia kiểm kê thực tế TSCĐ cuối kỳ, đảm bảo rằng việc kiểm kê được thực hiện phù hợp với các thủ tục và chênh lệch giữa số thực tế và kế toán được xử lý thích hợp.		
2.2	Trong trường hợp không tham gia kiểm kê cuối kỳ,		

2.3	<p>thực hiện quan sát tài sản tại ngày kiểm toán, lập bản kiểm tra và đối chiếu ngược để xác định TSCĐ thực tế của DN tại ngày lập bảng CĐKT.</p> <p>Lấy xác nhận của bên thứ ba giữ TSCĐ (nếu có) hoặc trực tiếp quan sát (nếu trọng yếu).</p>		
3	<p>Kiểm tra chi tiết tính khấu hao TSCĐ:</p> <p>3.1 Thu thập bảng tính khấu hao TSCĐ trong kỳ, đối chiếu bảng tính khấu hao với số dư trên Sổ cái.</p> <p>3.2 Xem xét tính phù hợp của thời điểm bắt đầu tính khấu hao và phân bổ đảm bảo việc phù hợp giữa doanh thu và chi phí cũng như tình trạng sử dụng của tài sản.</p> <p>3.3 Ước tính khấu hao trong kỳ và so sánh với số liệu của DN.</p> <p>3.4 Kiểm tra việc ghi giảm khấu hao lũy kế do việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.</p> <p>3.5 Xem xét tính hợp lý và nhất quán trong tiêu thức phân bổ khấu hao đối với các tài sản dùng chung cho từng loại chi phí như: chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý, chi phí bán hàng.</p>		
IV. Thủ tục kiểm toán khác			

Bảng 2.3: Thủ tục kiểm toán TSCĐ

(Trích giấy tờ làm việc của KTV)

- **Kết luận:** Theo ý kiến của tôi, trên cơ sở các bằng chứng thu thập được từ việc thực hiện các thủ tục ở trên, các mục tiêu kiểm toán trình bày ở phần đầu của chương trình kiểm toán đã đạt được: Một số TSCĐ tăng chưa được ghi nhận trong kỳ.

Sau khi xác định được các mục tiêu kiểm toán đối với khoản mục TSCĐ trong BCTC của Công ty Haivina Kim Liên. KTV yêu cầu Công ty cung cấp

[Type text]

các BCTC năm 2012 và các tài liệu cần thiết có liên quan. Đối với khoản mục TSCĐ, KTV yêu cầu khách hàng cung cấp các tài liệu cần thiết sau:

- Bảng tổng hợp TSCĐ gồm nguyên giá, khấu hao, giá trị còn lại theo từng chủng loại nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng.

- Bảng kê chi tiết tăng giảm TSCĐ trong kỳ theo chủng loại TSCĐ (bao gồm các thông tin như ngày mua, số hiệu chứng từ, quy cách TSCĐ, số tiền...).

- Bảng kê chi tiết tính khấu hao theo chủng loại TSCĐ.

- Bảng đăng ký khấu hao với cơ quan tài chính nhà nước.

- Các biên bản đánh giá TSCĐ khi bàn giao, thanh lý, chuyển nhượng.

- Biên bản kiểm kê TSCĐ tại ngày 31/12 (nếu có).

- Các báo cáo quyết toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (nếu có).

- Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản tài sản cố định.

Và các giấy tờ cần thiết có liên quan.

2.2.2.2.1 Phân tích tình hình tăng giảm số dư của TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Chính sách ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

TSCĐ được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ hữu hình: Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

[Type text]

Tăng, giảm TSCĐ vô hình:

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Cộng
I: Nguyên giá TSCĐ		
1. Số dư đầu kỳ	-	-
2. Số tăng trong kỳ	114.500.000	114.500.000
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	114.500.000	114.500.000
II: Giá trị hao mòn lũy kế		-
1. Số đầu kỳ	-	-
2. Số khấu hao trong kỳ	13.677.085	13.677.085
3. Khấu hao giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	13.677.085	13.677.085
III: Giá trị còn lại		-
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	100.822.915	100.822.915

Bảng 2.4: Các khoản tăng, giảm TSCĐ vô hình:

(Trích giấy tờ làm việc của KTV)

[Type text]

Tăng, giảm TSCĐ hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc	Phương tiện vận tải TD	Thiết bị, DC quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Số tăng trong năm	1.518.116.368	69.891.061.620	3.195.200.911	1.218.430.978	124.761.905	75.947.571.782
Xây dựng mới (*)	1.518.116.368					1.518.116.368
Mua mới trong năm		25.785.805.398	3.195.200.911	1.218.430.978	124.761.905	30.324.199.192
Tăng do nhận góp vốn		44.105.256.222				44.105.256.222
Số giảm trong năm			0			0
Số dư cuối năm	1.518.116.368	69.891.061.620	3.195.200.911	1.218.430.978	124.761.905	75.947.571.782
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Số tăng trong năm	4.090.908	1.842.135.454	141.793.828	76.191.429	0	2.064.211.619
Khấu hao trong năm	4.090.908	1.842.135.454	141.793.828	76.191.429		2.064.211.619
Số giảm trong năm	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	4.090.908	1.842.135.454	141.793.828	76.191.429		2.064.211.619

[Type text]

III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình

Tại ngày đầu năm	0	0	0	0	0	0
Tại ngày cuối năm	1.514.025.460	68.048.926.166	3.053.407.083	1.142.239.549	124.761.905	73.883.360.163

Bảng 2.5: Các khoản tăng, giảm của TSCĐ hữu hình

(Trích giấy tờ làm việc của kiểm toán viên)

[Type text]

2.2.2.2.2 Kiểm tra tính hợp lý của việc xác định thời gian sử dụng của tài sản

Mục tiêu: thời gian sử dụng hữu ích của tài sản (thời gian tính và trích khấu hao) của tài sản cố định là phù hợp với quy định hiện hành và thống nhất với các năm trước.

Nguồn dữ liệu: - Danh mục tài sản cố định hữu hình, vô hình

- Bảng tính và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Công việc thực hiện: Căn cứ vào số năm sử dụng của tài sản cố định trong bảng tính khấu hao, đối chiếu với số năm sử dụng của tài sản đã tính khấu hao năm trước và đối chiếu với thời gian sử dụng theo quy định tại thông tư 203. Từ đó, xem xét tính hợp lý của thời gian sử dụng tài sản và sự thống nhất của thời gian sử dụng tài sản cố định trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

	Số năm SD đơn vị trích KH năm nay	Số năm SD quy định hiện hành	Ghi chú
TSCĐ hữu hình			
Thiết bị văn phòng	3-6	3-8	1
Phương tiện vận tải	7-8	6-10	1
Máy móc thiết bị	5-7	5-7	1
Nhà cửa vật kiến trúc	6-25	6-25	1
Phần mềm vi tính	5	2-8	1

Ghi chú: (1): là số năm sử dụng đơn vị đang trích khấu hao phù hợp với số năm sử dụng theo quy định hiện hành (Thông tư 203/2009/TT-BTC)

2.2.2.3 Thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết

[Type text]

2.2.2.3.1 Thu thập bảng tổng hợp biến động từng loại TSCĐ theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

- Lập bảng tổng hợp tài sản, tính khấu hao và điều chỉnh tăng, giảm nếu có, yêu cầu giải trình thắc mắc có liên quan đến biến động trong năm.
- Kết luận kiểm toán với TK 2141

[Type text]



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Khoản mục: 211 và 2141

Tham chiếu: D760

Bước công việc: Tổng hợp TSCĐ, điều chỉnh tăng, giảm và trích KHTSCĐ

STT	Tên tài sản	HĐ	Ngày tăng	NG tăng	ĐC tăng	ĐC giảm	Tại
-----	-------------	----	-----------	---------	---------	---------	-----

31/12/2012						NG	HMLK
	GTCL						
	I.Nhà cửa, vật kiến trúc				1.518.116.368		1.518.116.368
4.090.908	1.514.025.460						

1	Hàng rào, cột cờ, biển	0000049	09/11/2012		163.636.364		163.636.364
4.090.908	159.545.456						
	hiệu, biển quảng cáo						
2	Vách thạch cao, cửa		20/12/2012		81.752.727		81.752.727
	81.752.727						
	nhôm kính xưởng A, C						
3	Xây dựng hệ thống xử lý		13/12/2012		1.272.727.277		1.272.727.277

[Type text]

1.272.727.277

nước cấp- máy bơm...

II. Máy móc thiết bị

52.399.215.726

18.299.891.183

808.045.289

69.891.061.620 1.842.135.454 68.048.926.166

4	Máy tính để bàn	0047624	28/12/2011	132.400.000		132.400.000
5	Notebook Sony Vaio	0047624	28/12/2011	20.000.000		20.000.000
6	Máy cắt rập Jindex	0000156	13/08/2012		215.250.000	215.250.000
				10.250.000	205.000.000	
7	Bàn cắt 22800x1990 x820		11/03/2012	162.305.635		162.305.635
				3.864.420	158.441.215	
8	Máy may công nghiệp	0001116	01/11/2012	276.332.672	(25.121.152)	
				251.211.520	5.981.226	245.230.294
	hai kim hiệu Unicorn brand EL7514					
9	Máy may CN 1 kim			2.408.044.800		2.408.044.800
				57.334.400	2.350.710.400	
	hiệu Unicorn brand LS2-H5150S					

[Type text]

10	Đèn LED dùng cho máy may CN hiệu Lianda LD-A1	0001120	01/11/2012	380.070.000		380.070.000
11	Máy đập cốc (một đầu đập	0001123	01/11/2012	86.637.600		86.637.600
- 12	Máy may CN 1 kim hiệu Unicorn brand LS2-H5150S	0001128	01/11/2012	1.901.088.000		1.901.088.000
	45.264.000 1.855.824.000					
13	Đường dây 35kv 303.030.301 3.333.333.335 + trạm biến áp 3500kvA	0000002	06/06/2012		3.636.363.636	3.636.363.636

.....

III. Phương tiện vận tải truyền dẫn				597.272.727	2.597.928.184	
3.195.200.911	141.793.828	3.053.407.083				
106	Xe Inova 69.663.830 599.108.897	0000982	15/02/2012	597.272.727	71.500.000	668.772.727
107	Xe Toyota 16 chỗ		20/06/2012		654.080.000	654.080.000

[Type text]

	40.879.998	613.200.002				
108	Hệ thống báo cháy	0000005	28/12/2012		1.181.818.182	1.181.818.182
		1.181.818.182				
109	Hệ thống mạng lan	0001341,	25/07/2012		600.000.002	600.000.002
	31.250.000	568.750.002				
	+ điện thoại	48,45,44				
	Mạng lan, điện thoại,		16/12/2012		90.530.000	90.530.000
	90.530.000					
	wifi (bổ sung)					
.....						
	IV.Thiết bị dụng cụ quản lý			991.982.432	350.559.819	124.111.273
	1.218.430.978	76.191.429	1.142.239.549			
203	Điều hòa LC tủ TPH	0042148	15/04/2012	19.272.727		19.272.727
	2.569.696	16.703.031				
	246 YLAI					
204	Satak UPS	0001054	27/06/2012	855.000		855.000
205	Máy chấm công	0086815	17/01/2012		94.965.000	94.965.000
	17.410.250	77.554.750				
206	Máy vi tính	0020479	14/11/2012	158.053.636		158.053.636

[Type text]

2.634.227 155.419.409

207	Máy tính để bàn		21/12/2012	22.025.455		22.025.455
					22.025.455	

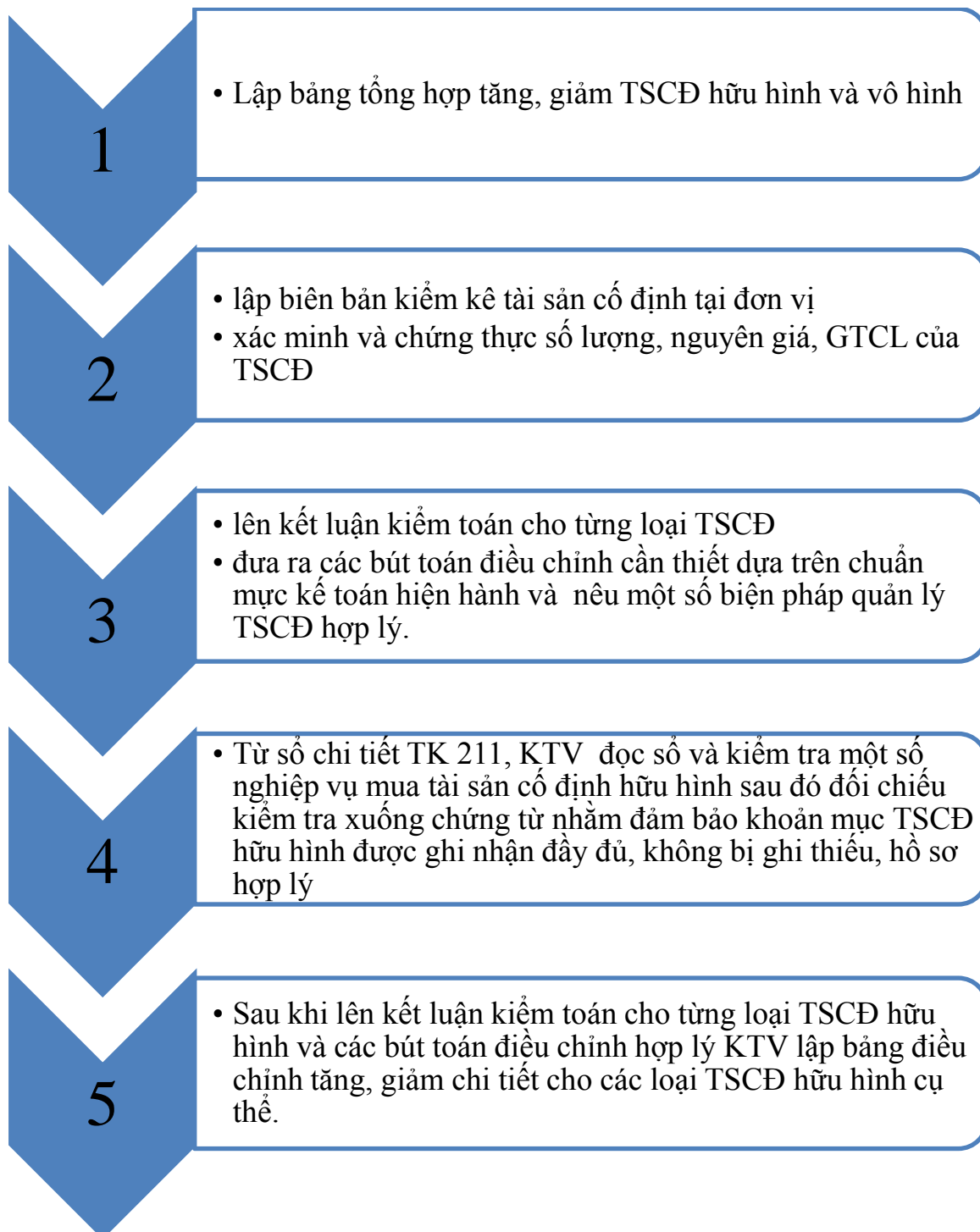
.....

V. Tài sản cố định khác				1.490.118.688		1.490.118.688
230	Dây chuyền bàn may	0072220	23/02/2012	455.118.000		455.118.000
231	Hệ thống PCCC	0000010	23/08/2012	1.000.000.000		1.000.000.000
232	Xà gõ làm dàn đỡ dây điện	0000242	18/10/2012	35.000.688		35.000.688
233	Cây cảnh			124.761.905		
	Tổng cộng			55.478.589.573	22.891.257.459	2.422.275.250 75.822.809.877
	2.064.211.619	73.758.598.255				

[Type text]

Thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết

- Các bước công việc trong quá trình kiểm kê, xác định tài sản cố định tại đơn vị:



Bảng 2.6: Bước công việc trong quá trình kiểm kê và điều chỉnh TSCĐ hữu hình (Trích giấy tờ làm việc của KTV)

[Type text]

2.2.2.3.2 Quan sát thực tế TSCĐ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Khoản mục: 2111

Bước công việc: Kiểm tra chi tiết

Mục tiêu: Đảm bảo khoản mục TSCĐ hữu hình được ghi nhận đầy đủ, không bị ghi thiếu. Hồ sơ hợp lý.

Nguồn gốc dữ liệu: Sổ chi tiết TK 211 và các sổ sách chứng từ liên quan.

Thực hiện: Từ sổ chi tiết TK 211, KTV đọc lưới sổ và kiểm tra một số nghiệp vụ mua TSCĐ hữu hình sau đó đối chiếu kiểm tra xuống chứng từ.

Mã	Ngày	Số	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi Chú
B N	28/12/2 011	009 B	Trả tiền mua thiết bị văn phòng	211 3	1121 3	181.463. 000	V
B N	14/02/2 012	016 B	Thanh toán tiền mua xe ô tô INOVA	211 4	1121 3	597.272. 727	V
B N	25/02/2 012	021 B	Dây chuyền bàn may	211 8	1121 3	455.118. 000	V
B N	09/03/2 012	025 B	Trả tiền mua máy vi tính, máy in	211 3	1121 3	33.090.9 09	V
B N	27/04/2 012	041 B	Trả tiền mua điều hòa đứng LG	211 5	1121 3	19.272.7 27	V
B N	13/07/2 012	074 B	Thanh toán tiền mua máy tính để bàn	211 5	1121 3	13.590.9 09	V
B	23/08/2	102	Thanh toán tiền lắp đặt HT	211	1121	1.000.00	V

[Type text]

N	012	B	phòng cháy	8	3	0.000	
B	23/09/2	119	Mua âm ly, đầu DVD, loa	211	1121	16.450.0	V
N	012		Micro	3	3	00	
B	18/10/2	143	Mua máy photo Taskafa	211	1121	30.000.0	V
N	012		220	5	3	00	
B	18/10/2	150	Mua đồ điện VP	211	1121	12.000.0	V
N	012			5	3	00	
B	27/10/2	164	Mua thép xà gồ làm dàn đỡ	211	1121	35.000.6	V
N	012			8	3	88	
B	28/10/2	165	Mua máy tính để bàn VP	211	1121	16.92.27	V
N	012			5	3	3	
B	03/11/2	175	TT mua 01 máy photo , 01	211	1121	30.000.0	V
N	012		máy in	5	3	00	
B	10/11/2	190	TT mua bàn cắt 2 loại	211	1121	256.261.	V
N	012			3	3	000	
PK	10/11/2	40	Máy may công nghiệp lập	211	4111	2.640.38	V
	012		trình	3		4.000	
PK	10/11/2	41	Máy may công nghiệp 1	211	4111	138.107.	V
	012		kim	3		100	
PK	10/11/2	42	Tổ máy phát điện và máy	211	4111	4.090.64	V
	012		biến đổi điện	3		9.850	
PK	10/11/2	43	Các loại máy may công	211	3331	25.121.1	V
	012		nh nghiệp, máy dập, máy dò	3	1	52	
			kim loại				
PK	10/11/2	43	Máy may công nghiệp các	211	4111	4.269.15	V
	012		loại	3		3.280	
PK	10/11/2	44	Máy may CN vi tính	211	4111	1.703.25	V
	012			3		1.200	
PK	10/11/2	45	Đèn LED dùng cho máy	211	4111	3.164.77	V

[Type text]

	012		may CN	3		0.560	
PK	10/11/2	46	Máy may vi tính	211	4111	3.298.88	V
	012			3		0.000	
PK	10/11/2	47	Máy cắt lập trình vi tính, máy cắt thủy lực tay điều khiển	211	4111	380.070.	V
	012			3		900	
PK	10/11/2	48	Máy móc thiết bị (11 bộ)	211	4111	330.048.	V
	012			3		000	
PK	10/11/2	49	Dàn máy thuê tự động	211	4111	927.434.	V
	012			3		880	
PK	10/11/2	50	Máy may CN lập trình vi tính	211	4111	12.712.9	V
	012			3		12.632	
PK	10/11/2	51	Máy may CN, máy may giác mẫu	211	4111	1.070.60	V
	012			3		3.600	
PK	10/11/2	52	Máy may CN các loại	211	4111	2.432.19	V
	012			3		6.000	
PK	10/11/2	53	Nghiệm thu lắp đặt hệ thống khống chế nhiệt	211	4111	3.663.27	V
	012			3		8.080	
PK	10/11/2	54	Nghiệm thu HĐ điện chuyên may	211	4111	3.770.02	V
	012			3		7.520	
PK	10/11/2	55	TT mua máy điều hòa nhà B VP	211	3311	3.082.50	V
	012			3		0.000	
PK	15/11/2	58	Tủ đựng cốc chén	211	3311	3.484.00	V
	012			3		0.000	
PK	15/11/2	199	Mua 14 bộ máy vi tính BP quần áo	211	1121	218.477.	V
	012			3	3	518	
B	16/11/2	210	Mua máy nén khí	211	1121	17.272.7	V
N	012			5	3	00	
B	21/11/2	211	TT mua 2 bộ máy vi tính	211	1121	158.053.	V

[Type text]

N	012			5	3	636	
PK	29/11/2	61	Mua máy nén khí 15 HP	211	3311	101.363.	V
	012			3		636	
B	30/11/2	230	Tiền mua máy vi tính (2	211	1121	36.020.0	V
N	012		bộ)	5	3	00	
B	30/11/2	236	TT mua ôn áp li oa, quạt	211	1121	19.100.0	V
N	012		điện, ...	3	3	00	
PK	30/11/2	62	Nghiệm thu GD 1 HĐ quản	211	3311	122.892.	V
	012		lý nhân sự	5		273	
B	01/12/2	237	Hợp đồng lắp đặt điều hòa	211	1121	118.685.	V
N	012		âm trần	5	3	641	
B	05/12/2	247	Mua bàn ghế VP. TGD,	211	1121	31.818.1	V
N	012		chủ tịch	5	3	82	
B	19/12/2	259	TT mua máy vi tính	211	1121	209.250.	V
N	012			5	3	000	
B	21/12/2	262	Mua máy tính để bàn 4 bộ,	211	1121	49.740.0	V
N	012		1 máy in	5	3	00	
B	21/12/2	265	Mua nồi hơi	211	1121	45.454.5	V
N	012			3	3	46	
B	22/12/2	269	Mua ôn áp, quạt điện	211	1121	19.100.0	V
N	012			5	3	00	
B	23/12/2	275	Thanh toán tiền lắp đặt	211	1121	90.530.0	V
N	012		mạng lan	3	3	00	
B	28/12/2	289	TT tiền mua máy tính	211	1121	31.389.0	V
N	012			5	3	91	
PK	28/12/2	70	Lắp đặt máy hút khí	211	3311	195.454.	V
	012			3		545	
PK	28/12/2	71	Mua máy điều hòa 24BTU	211	3311	51.150.0	V
	012		(3 cái)	5		00	

[Type text]

V: có hóa đơn chứng từ đầy đủ

Kết luận: Các nghiệp vụ được ghi nhận đầy đủ, có chứng từ hợp lý.

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D740

Khoản mục: 2111

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2111 (Nhà cửa, vật kiến trúc) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

Các vấn đề phát sinh:

Bút toán điều chỉnh tham chiếu D740

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có	-	-	-
Số phát sinh Nợ	-	1.518.116.368	1.518.116.368
Số phát sinh Có	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.518.116.368	1.518.116.368

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dẫn liệu cho phần **2111** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **1.518.116.368** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D740

Khoản mục: 2111

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Hạch toán bổ sung HĐ 0000013 ngày 20/12/2012 của Công ty TNHH Vật liệu và XD Phú Hưng:

1. Thi công vách thạch cao và cửa nhôm kính:

Nợ TK 2111: 81.752.727

Có TK 3311: 81.752.727

2. Hạch toán theo bảng kê chi tiết:

Nợ TK 2111: 163.636.364

Có TK 2411: 163.636.364

3. Hạch toán tăng TS hệ thống xử lý cấp nước, thăm dò cấp nước:

Nợ TK 2111: 1.272.727.277

Có TK 2412: 1.272.727.277

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D741

Khoản mục: 2112

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2112 (Máy móc, thiết bị) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

Các vấn đề phát sinh:

Danh mục bút toán điều chỉnh –Tham chiếu: D741

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có	-	-	-
Số phát sinh Nợ	52.399.215.726	18.299.891.183	70.699.106.909
Số phát sinh Có	-	808.045.289	808.045.289
Số dư cuối kỳ	52.399.215.726	17.491.845.894	69.891.061.620

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2112** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **69.891.061.620** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D741

Khoản mục: 2112

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Bút toán điều chỉnh tăng TSCĐ

1. Hủy bút toán PK 43 ngày 10/11/2012

Nợ TK 2112: (25.121.152)

Có TK 33311: (25.121.152)

2. Hạch toán bổ sung HĐ 0000134 ngày 23/12/2012 của Công ty TNHH

MTV lựa hợp nhất: thiết bị in Sonic

Nợ TK 2112: 2.011.709.700

Có TK 3311: 2.011.709.700

3. Hạch toán theo bảng kê chi tiết

Nợ TK 2112: 11.126.544.311

Có TK 2411: 11.126.544.311

4. Hạch toán tăng TS đường dây 35kv + trạm biến áp 3500kv

Nợ TK 2112: 3.636.363.636

Có TK 2412: 3.636.363.636

5. Hạch toán tăng TS hệ thống quạt thông gió

Nợ TK 2112: 515.394.000

Có TK 2412: 515.394.000

6. Chuyển TK hạch toán hệ thống PCCC BN 102B ngày 23/08

Nợ TK 2112: 1.000.000.000

Có TK 2118: 1.000.000.000

[Type text]

7. Chuyển TK hạch toán mua xà gồ làm hệ thống điện chuyên 164 ngày 27/10

Nợ TK 2112: 35.000.688

Có TK 2118: 35.000.688

Bút toán điều chỉnh giảm TSCĐ

1. Điều chỉnh lại TK hạch toán máy tính để bàn, máy phô tô... BN 009B ngày 28/12/2011

Nợ TK 2115: 181.463.000

Có TK 2112: 181.463.000

2. Điều chỉnh lại TK hạch toán máy tính để bàn BN 025B ngày 09/03/2011

Nợ TK 2115: 33.090.909

Có TK 2112: 33.090.909

3. Điều chỉnh lại TK hạch toán âm ly BN 119 ngày 23/09/2012

Nợ TK 2115: 16.450.000

Có TK 2112: 16.450.000

4. Điều chỉnh lại TK hạch toán đèn Led PK 47 ngày 10/11/2012

Nợ TK 242: 380.070.900

Có TK 2112: 380.070.900

5. Điều chỉnh lại TK hạch toán máy đập cốc PK 50 ngày 10/11/2012

Nợ TK 242: 106.440.480

Có TK 2112: 106.440.480

6. Điều chỉnh lại TK hạch toán mạng lan BN 275 ngày 23/12/2012

Nợ TK 2114: 90.530.000

Có TK 2112: 90.530.000

- Nhận xét: + Số dư được đối chiếu từ sổ chi tiết lên sổ tổng hợp, bảng CĐPS của tài khoản 2112.

+ Đã đối chiếu số phát sinh với sổ chi tiết các tài khoản đối ứng

[Type text]

+ Không có đối ứng nào bất thường

-Kết luận : + Số liệu được phản ánh hợp lý.

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D742

Khoản mục: 2113

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2113 (phương tiện vận tải, truyền dẫn)
đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có	-	-	-
Số phát sinh Nợ	597.272.727	2.597.928.184	3.195.200.911
Số phát sinh Có	-	-	-
Số dư cuối kỳ	597.272.727	2.597.928.184	3.195.200.911

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2113** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **3.195.200.911** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D742

Khoản mục: 2113

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Các vấn đề phát sinh:

1. Hạch toán bổ sung HĐ 0000005 ngày 28/12/2012 của Công ty CP ĐT và XD Hà Thành-Vidifi: hệ thống báo cháy

Nợ TK 2113: 1.181.818.182

Có TK 3311: 1.181.818.182

2. Hạch toán theo bảng kê chi tiết:

Nợ TK 2113: 640.000.000

Có TK 2411: 640.000.000

3. Hạch toán tăng TS hệ thống mạng Lan + điện thoại:

Nợ TK 2113: 600.000.002

Có TK 2412: 600.000.002

4. Hạch toán tăng nguyên giá xe ô tô Inova (lệ phí trước bạ) (PC 97 ngày 22/02/2012)

Nợ TK 2113: 71.500.000

Có TK 242: 71.500.000

5. Hạch toán tăng TSCĐ xe ô tô Toyota 16 chỗ (lệ phí trước bạ)

Nợ TK 2113: 14.080.000

Có TK 242: 14.080.000

6. Điều chỉnh lại TK hạch toán mạng Lan BN 275 ngày 23/12/2012

Nợ TK 2113: 90.530.000

Có TK 2112: 90.530.000

-Nhận xét: + Số dư được đối chiếu từ sổ chi tiết lên sổ tổng hợp, bảng CĐPS của TK 2113

[Type text]

+ Đã đối chiếu số phát sinh với sổ chi tiết các tài khoản đối ứng

+ Không có đối ứng nào bất thường

-Kết luận: + Số liệu trên được phản ánh hợp lý.

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D743

Khoản mục: 2114

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2114 (thiết bị, dụng cụ quản lý) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có	-	-	-
Số phát sinh Nợ	991.982.432	350.559.819	1.342.542.251
Số phát sinh Có	-	124.111.273	124.111.273
Số dư cuối kỳ	991.982.432	226.448.546	1.218.430.978

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2114** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **1.218.430.978** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D743

Khoản mục: 2114

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Các vấn đề phát sinh:

1. Chuyển TK hạch toán điều hòa Juniky

Nợ TK 2114: 24.590.910

Có TK 153: 24.590.910

2. Chuyển TK hạch toán máy chấm công

Nợ TK 2114: 43.026.750

Có TK 2414: 43.026.750

3. Điều chỉnh lại TK hạch toán máy tính để bàn, máy phô tô... BN 009B ngày 28/12/2011

Nợ TK 2114: 181.463.000

Có Tk 2113: 181.463.000

4. Điều chỉnh lại TK hạch toán máy tính để bàn BN 025B ngày 09/03/2011

Nợ TK 2114: 33.090.909

Có TK 2113: 33.090.909

5. Điều chỉnh lại TK hạch toán âm ly BN 119 ngày 23/09/2012

Nợ TK 2114: 16.450.000

Có TK 2113: 16.450.000

6. Chuyển TK hạch toán UPS + USB (BN 074 ngày 13/07)

Nợ TK 242 : 1.219.000

Có TK 2114: 1.219.000

7. Chuyển TK hạch toán vật tư thiết bị thi công giai đoạn 1 PM quản lý nhân sự

Nợ TK 2411: 122.892.273

Có TK 2114: 122.892.273

[Type text]

Nhận xét: - Số dư được đối chiếu từ sổ chi tiết lên tổng hợp, bảng CĐPS của tài khoản 2114.

- Đã đối chiếu số phát sinh với sổ chi tiết các tài khoản đối ứng
- Không có đối ứng nào bất thường

Kết luận: - Số liệu được phản ánh hợp lý.

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D744

Khoản mục: 2118

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2118 (TSCĐ khác) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có	-	-	-
Số phát sinh Nợ	1.490.118.688	124.761.905	1.614.880.593
Số phát sinh Có	-	1.490.118.688	1.490.118.688
Số dư cuối kỳ	1.490.118.688	1.365.356.783	124.761.905

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2118** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **124.761.905** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D744

Khoản mục: 2118

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Các vấn đề phát sinh:

1. Chuyển TK hạch toán cây cảnh

Nợ TK 2118 : 124.761.905

Có TK 2138: 124.761.905

2. Chuyển hạch toán dây chuyền bàn may (bàn + ghế)

Nợ TK 242: 455.118.000

Có TK 2118: 455.118.000

3. Chuyển hạch toán hệ thống PCCC BN 102B ngày 23/08

Nợ TK 2113: 1.000.000.000

Có TK 2118: 1.000.000.000

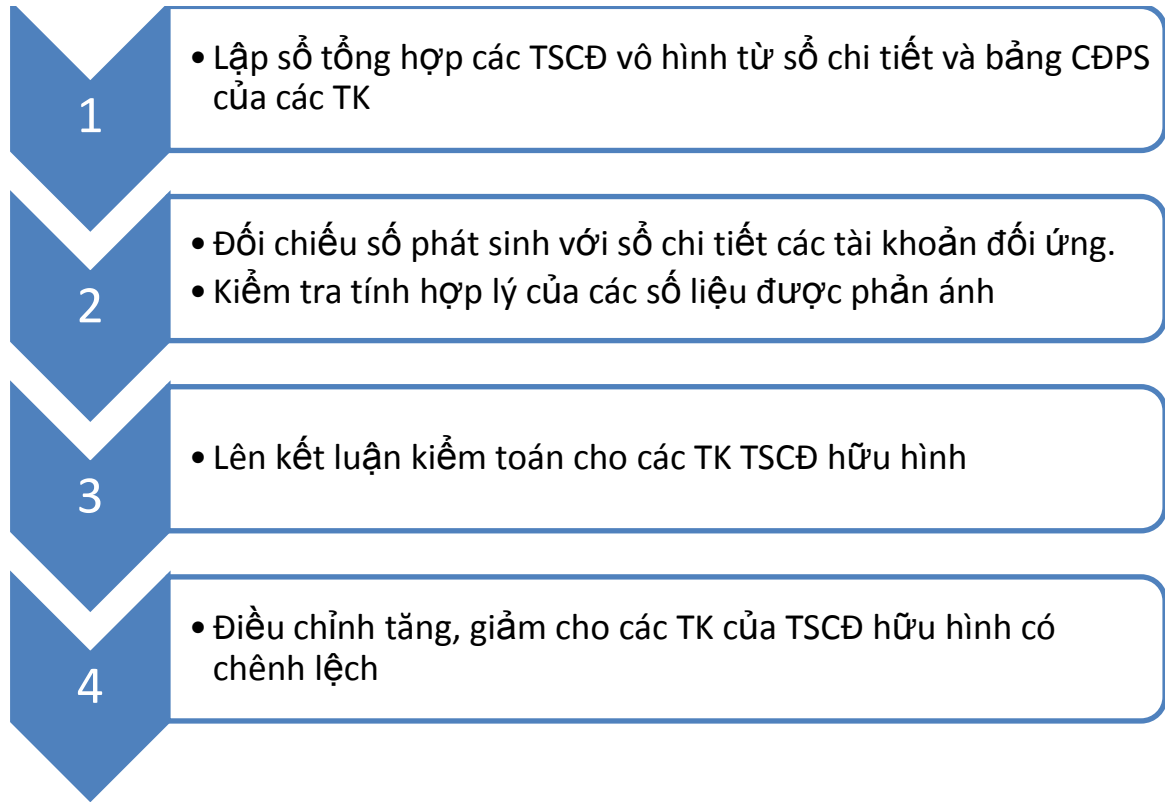
4. Chuyển TK hạch toán mua xà gồ làm hệ thống điện chuyên 164 ngày 27/10

Nợ TK 2113: 35.000.688

Có TK 2118: 35.000.688

[Type text]

- Các bước công việc trong kiểm kê, kết luận và điều chỉnh tài sản cố định vô hình:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN

AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu:

Khoản mục: 2132

Người thực hiện:

Bước công việc: Chi phí thành lập doanh nghiệp

Ngày thực hiện:

TKĐƯ	PS Nợ	PS Có	Ghi chú
11213	51.938.250	-	
3311	68.181.818	-	

Cộng 120.120.068 -

Dư đầu kỳ: -

Dư cuối kỳ 120.120.068

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D750

Khoản mục: 2132

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2132 (Chi phí thành lập doanh nghiệp) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

Các vấn đề phát sinh

- Công ty đang hạch toán vào tài khoản này chi phí mua máy chấm công, đánh giá tác động môi trường => Bút toán điều chỉnh

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có		-	
Số phát sinh Nợ	120.120.068	-	120.120.068
Số phát sinh Có		120.120.068	120.120.068
Số dư cuối kỳ	120.120.068		

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2132** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D750

Khoản mục: 2132

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Khoản mục

- 50% hợp đồng máy chấm công	51.938.250
- Đánh giá tác động môi trường	68.181.818
Cộng	120.120.068

1. Chuyển TK hạch toán máy chấm công

Nợ TK 2114: 51.938.250

Có TK 2132 : 51.938.250

2. Chuyển TK hạch toán nghiên cứu đánh giá tác động môi trường

Nợ TK 242: 68.181.818

Có TK 2132: 68.181.818

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D751

Khoản mục: 2131

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2131(Quyền sử dụng tài sản) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

Các vấn đề phát sinh

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có		-	
Số phát sinh Nợ	4.896.514.000	-	4.896.514.000
Số phát sinh Có		4.896.514.000	4.896.514.000
Số dư cuối kỳ	4.896.514.000		

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2131** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D751

Khoản mục: 2131

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

1. Hạch toán phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (được trừ vào tiền thuê đất hàng năm):

Nợ TK 1388: 4.868.084.000

Có Tk 2131: 4.868.084.000

2. Chuyển Tk hạch toán phí ngân hàng:

Nợ TK 64278: 1.430.000

Có TK 2131: 1.430.000

[Type text]



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Ngày khóa sổ: 31/12/2012

Nội dung: Bảng số liệu tổng hợp TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tên	Ngày
Người thực hiện	
Người soát xét 1	
Người soát xét 2	

TK	Diễn giải	Giấy tờ chi tiết	31/12/2012	Điều chỉnh thuần 31/12/2012		31/12/2011
			Trước KT	Sau KT	Sau KT	
211	TSCĐ hữu hình		55.478.589.573	20.468.982.209	75.947.571.782	-
2111	Nhà cửa vật kiến trúc			1.518.116.368	1.518.116.368	-
2112	Máy móc, thiết bị	D740	52.399.215.726	17.491.845.894	69.891.061.620	-
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	D741	597.272.727	2.597.928.184	3.195.200.911	-
2114	Thiết bị dụng cụ quản lý	D742	991.982.432	226.448.546	1.218.430.978	-
2118	Tài sản cố định khác		1.490.118.688	(1.365.356.783)	124.761.905	-
213	TSCĐ vô hình		5.126.395.973	(5.011.895.973)	114.500.000	-
2131	Quyền sử dụng đất		4.869.514.000	(4.869.514.000)	-	-
2132	Chi phí thành lập doanh	D750	120.120.068	(120.120.068)	-	-

[Type text]

nghiep				
2133 Bằng phát minh sáng chế	12.000.000	(12.000.000)	-	-
2135 Chi phí về lợi thế thương mại	-	114.500.000	114.500.000	-
2138 TSCĐ vô hình khác	124.761.905	(124.761.905)	-	-
Tổng cộng	60.604.985.546	15.457.086.236	76.062.071.782	-

[Type text]



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D760 và D761

Khoản mục: 2141

Người thực hiện:

Bước công việc: Kết luận

Ngày thực hiện:

KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Công việc đã tiến hành:

Công việc đã thực hiện đối với phần TK 2141 (khấu hao TSCĐ) đã tiến hành theo đúng chương trình kiểm toán.

Các vấn đề phát sinh:

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ Có	-	-	-
Số phát sinh Nợ	-	-	-
Số phát sinh Có	-	2.064.211.619	2.064.211.619
Số dư cuối kỳ	-	2.064.211.619	2.064.211.619

Kết luận: Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi **Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên**. Cơ sở dữ liệu cho phần **2141** là thích hợp trên các khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **2.064.211.619** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Người kiểm tra:

Người thực hiện:

[Type text]

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT

Tên khách hàng: Công ty TNHH Haivina Kim Liên

Niên độ kế toán: 01/01/2012 đến 31/12/2012

Tham chiếu: D761

Khoản mục: 2141

Bước công việc: Tổng hợp bút toán điều chỉnh

Danh mục bút toán cần điều chỉnh:

Hạch toán chi phí khấu hao

Nợ TK 6424: 213.372.936

Có TK 2141: 213.372.936

Nợ TK242 : 205.752.781

Có TK 2141: 205.752.781

Nợ TK 6274: 1.645.085.902

Có TK 2141: 1.645.085.902

[Type text]

2.2.3 Kết thúc kiểm toán

Trong giai đoạn này, KTV thực hiện các công việc sau:

- Soát xét giấy tờ làm việc của KTV
- Soát xét các sự kiện xảy ra sau ngày lập BCTC
- Tổng hợp kết quả báo cáo kiểm toán
- Chuẩn bị dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý
- Gửi các Báo cáo dự thảo và thảo luận kết quả kiểm toán với Ban Giám

Đốc khách hàng

- Hoàn chỉnh và phát hành chính thức Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý

2.2.3.1 Soát xét giấy tờ làm việc của KTV

Sau khi các KTV phân hành kết thúc công việc của mình, trưởng nhóm kiểm toán tiến hành tập hợp lại và thực hiện kiểm tra, soát xét các giấy tờ làm việc nhằm mục đích:

- Đảm bảo các bằng chứng đã thu thập, đánh giá có khả năng mô tả một cách đầy đủ thông tin về hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Kiểm tra tính phù hợp trong việc áp dụng các chuẩn mực kế toán, kiểm toán và các tiêu chuẩn nghề nghiệp được chấp nhận rộng rãi.
- Đảm bảo rằng các mục tiêu kiểm toán xác định đã được thỏa mãn.
- Khẳng định các giấy tờ làm việc đã chứa đựng đầy đủ thông tin cần thiết để chứng minh cho kết luận trên Báo cáo kiểm toán sau này.

Nếu trong quá trình soát xét phát hiện những điểm chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng được các mục tiêu đã đặt ra thì yêu cầu KTV phân hành sửa chữa, bổ sung hoặc trưởng nhóm kiểm toán trực tiếp sửa chữa và bổ sung. Sau đó, BGD của An Phát sẽ trực tiếp soát xét giấy tờ làm việc của KTV liên quan tới những mục tiêu kiểm toán trọng tâm.

[Type text]

Khoản mục TSCĐ của Công ty Haivina Kim Liên do trưởng nhóm kiểm toán trực tiếp thực hiện. Với kinh nghiệm kiểm toán và hiểu biết sâu sắc về các phân hành kiểm toán của mình, trưởng nhóm kiểm toán đã thực hiện đầy đủ các công việc kiểm toán và đã nêu được tất cả những thông tin cần thiết về đối tượng, mục tiêu kiểm toán TSCĐ đã hoàn thành trên giấy tờ làm việc.

2.2.3.2 Soát xét sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC

Trong khoảng thời gian từ khi lập BCTC đến khi phát hành Báo cáo kiểm toán có rất nhiều sự kiện mới phát sinh. Những sự kiện này có thể ảnh hưởng trọng yếu hoặc không trọng yếu đến Báo cáo kiểm toán. Tuy vậy, việc xem xét này là cần thiết, phù hợp với nguyên tắc thận trọng nghề nghiệp.

Để phát hiện những sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả kiểm toán, KTV thường thực hiện các thủ tục phỏng vấn BGD Công ty kết hợp với kinh nghiệm của KTV.

Qua xem xét đối với khoản mục TSCĐ của Công ty Haivina Kim Liên thì KTV không thấy có những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng đến BCTC và Báo cáo kiểm toán.

2.2.3.3 Tổng hợp kết quả kiểm toán

Sau khi soát xét giấy tờ làm việc của các KTV và soát xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC, trưởng nhóm kiểm toán tiến hành lập bảng Tổng hợp kết quả kiểm toán. Khoản mục TSCĐ trong Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Haivina Kim Liên được thể hiện trên bảng Tổng hợp kết quả kiểm toán như sau:

Các vấn đề phát sinh khi thực hiện kiểm toán TSCĐ cuối năm

- Quan sát

Qua quá trình kiểm tra, KTV phát hiện nhiều sai sót trong quá trình hạch toán TSCĐ của kế toán đơn vị:

[Type text]

Tổng TSCĐ hữu hình tăng 20.468.982.209 đồng, cụ thể đối với từng đối tượng TSCĐ như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc tăng 1.518.116.368 đồng, nguyên nhân là do

Tên TSCĐ	Tăng	Giảm	Nguyên nhân
1. Nhà cửa vật kiến trúc	1.518.116.368		Các công trình xây dựng dở dang đã hoàn thành nhưng chưa được hạch toán vào TSCĐ hữu hình của đơn vị để phục vụ cho quá trình sản xuất.
2. Máy móc thiết bị	18.299.891.183	808.045.289	Nguyên nhân chủ yếu là do kế toán phân loại sai các máy móc thiết bị nên dẫn đến hạch toán sai tài khoản của máy móc thiết bị,
3. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.597.928.184		bên cạnh đó còn một số máy móc thiết bị không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ phải chuyển sang thành công cụ dụng cụ và vì giá trị còn lại lớn nên phải phân bổ dần.
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	350.559.819	124.111.273	
5. TSCĐ khác	124.761.905	1.490.118.688	
6. Quyền		4.869.514.000	Số tiền đền bù phải thu nhưng chưa hạch toán trừ thẳng vào tiền

[Type text]

sử dụng đất			thuê đất hàng năm
7. Chi phí thành lập doanh nghiệp		120.120.068	Phân loại sai giữa TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình dẫn đến hạch toán sai, làm sai lệch tính chất của TSCĐ vô hình.
8. Bằng phát minh sáng chế		12.000.000	
9. Chi phí lợi thế thương mại	114.500.000		
10. TSCĐ vô hình khác		124.761.905	
Tổng cộng	23.005.757.459	7.548.671.223	

Nhận xét:

- Qua việc kiểm tra và thống kê ở trên, có thể thấy TSCĐ của doanh nghiệp được hạch toán đầy đủ, không bị kê khai thiếu nhưng có thể do năng lực của kế toán tại đơn vị được kiểm toán hoặc do nhầm lẫn mà kế toán đã phân loại sai tài sản dẫn đến hạch toán sai các nghiệp vụ phát sinh, đồng thời dẫn đến việc tính sai khấu hao trong kỳ. Vậy nên, trong trường hợp này do năng lực yếu kém của kế toán chứ không phải có mục đích gian lận trong việc hạch toán thiếu tài sản.

[Type text]

- Xét thấy với Mức trọng yếu tổng thể theo doanh thu đã ghi nhận là 47.273.907 thì ngoài những bút toán điều chỉnh thì sai sót của kế toán được xem là chấp nhận được
- Các bút toán chi tiết cụ thể đều được thể hiện trên các giấy tờ làm việc của kiểm toán viên, và các bút toán điều chỉnh đi kèm.
- Ý kiến của Kiểm toán viên:
 - Các đề nghị điều chỉnh đã được ghi chép trong giấy tờ làm việc và KTV đánh tham chiếu cho các giấy tờ làm việc và lưu vào bộ hồ sơ kiểm toán chung.
 - Đề nghị đơn vị phân loại lại TSCĐ

2.2.3.4 Chuẩn bị dự thảo Báo cáo kiểm toán và thư quản lý

Trên cơ sở các bằng chứng và các phát hiện thu thập được trên giấy tờ làm việc của KTV các phân hành, trưởng nhóm kiểm toán tiến hành lập Bảng tổng hợp kết quả kiểm toán và lập dự thảo Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý. Trước khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Hồ sơ kiểm toán phải trải qua hai lần soát xét chặt chẽ:

- Soát xét của Chủ nhiệm kiểm toán đối với toàn bộ hồ sơ kiểm toán trước khi trình BGD An Phát rà soát lại
- Soát xét lần cuối của BGD đối với Hồ sơ kiểm toán trước khi phát hành Báo cáo kiểm toán chính thức

2.2.3.5 Gửi các Báo cáo dự thảo và thảo luận kết quả kiểm toán với BGD khách hàng

Với những ý kiến thống nhất ban đầu về kết quả kiểm toán dưới hình thức Báo cáo kiểm toán dự thảo. Sau khi hoàn thành việc lập Báo cáo dự thảo, An Phát sẽ gửi các Báo cáo dự thảo này cho Ban giám đốc của khách hàng xem xét. Đồng thời, hai bên cùng phải thảo luận để đi đến thống nhất cuối cùng về Báo cáo kiểm toán. Trong cuộc họp, KTV phải giải trình được những

[Type text]

sai phạm đã phát hiện và đưa ra các bằng chứng để chứng minh cho các sai phạm đó là đúng đắn, đồng thời phải khẳng định rằng việc lập Báo cáo kiểm toán cho BCTC của đơn vị đó là hoàn toàn trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu. Qua đó, hai bên cũng có thể nêu ra những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý để cùng nhau giải quyết. Trong lúc này, các ý kiến tư vấn vẫn được KTV đưa ra cho khách hàng nhằm nâng cao hơn nữa vai trò quản lý của BGD đơn vị được kiểm toán.

2.2.3.6 Hoàn chỉnh và phát hành chính thức báo cáo kiểm toán và thư quản lý

Sau khi tiến hành thảo luận với khách hàng và đi đến thống nhất về kết quả kiểm toán, theo như Hợp đồng đã ký kết, An Phát lập và công bố Báo cáo kiểm toán chính thức kèm Thư quản lý. Trong báo cáo gồm:

- Báo cáo của Ban giám đốc
- Báo cáo của Kiểm toán viên
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012
- Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012
- Thư quản lý.

CHƯƠNG 3:

BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BCTC NÓI CHUNG VÀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN TSCĐ NÓI RIÊNG ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT (APS).

3.1 Đánh giá về mục tiêu và căn cứ kiểm toán:

3.1.1 Về mục tiêu kiểm toán:

Ưu điểm:

Việc lập và trình bày BCTC trung thực, hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành là trách nhiệm của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, với kết luận đưa ra của KTV về tính trung thực, hợp lý của BCTC các doanh nghiệp thì trách nhiệm lại thuộc về công ty kiểm toán và KTV. Chính vì vậy, vì uy tín, an toàn cho chính bản thân mình và của công ty kiểm toán và góp phần nâng cao uy tín, chất lượng dịch vụ của công ty, bất cứ KTV nào khi thực hiện công việc kiểm toán đều mong muốn đưa ra nhận xét chính xác nhất cho công việc kiểm toán của mình.

TSCĐ tuy chỉ là một khoản mục trên BCTC nhưng nó lại có những đặc điểm đặc trưng làm ảnh hưởng lớn đến cả kết luận BCTC. Do vậy việc đưa ra kết luận đối với khoản mục này rất quan trọng.

Nhận thức được điều này, nên công ty kiểm toán APS luôn quan tâm đến các mục tiêu đối với TSCĐ. Công ty đã xây dựng trong chương trình kiểm toán các mục tiêu kiểm toán mà khoản mục TSCĐ phải đảm bảo. Các mục tiêu này bao quát cả đối với nghiệp vụ, số dư của nguyên giá và chi phí khấu hao. Mỗi KTV khi thực hiện kiểm toán đối với phần hành này đều bám sát các mục tiêu mà công ty đã xây dựng, thu thập đầy đủ các chứng cứ xác

[Type text]

đáng về mọi khía cạnh làm cơ sở xác nhận cho phần hành này. Kết luận của KTV đưa ra luôn có sự kiểm tra, giám sát của trưởng nhóm kiểm toán, lãnh đạo công ty.

Hạn chế:

Tuy đã có sự nhận thức chính xác về vai trò của TSCĐ trong kiểm toán BCTC, nhưng về phía công ty cũng như KTV không thể tránh khỏi những kẽ hở trong công việc. Tuy việc xây dựng các mục tiêu kiểm toán đầy đủ, chi tiết nhưng trong quá trình thực hiện, KTV có thể đưa ra kết luận một cách chung chung mà chưa đưa ra một cách chi tiết nhất cho từng mục tiêu kiểm toán. Hơn thế nữa, có thể vì những áp lực về thời gian, KTV sẽ thực hiện thu thập các bằng chứng không đủ cho các mục tiêu cụ thể, hoặc bên cạnh đó các mục tiêu được đưa lên nhưng không được thực hiện.

Đồng thời công việc tìm hiểu khách hàng cũng không được cụ thể và chi tiết khi khách hàng là một doanh nghiệp mới thành lập với quy mô lớn nên hệ thống kiểm soát nội bộ chắc chắn chưa thể làm việc hiệu quả nên kết quả của kiểm soát hệ thống nội bộ chỉ có thể sử dụng 1 phần.

3.1.2 Về căn cứ kiểm toán:

Ưu điểm:

Công ty luôn nhận thức được vai trò của khoản mục TSCĐ đối với BCTC nên việc thu thập đầy đủ các bằng chứng để đưa ra kết luận cho khoản mục này là rất quan trọng. Công ty đã chỉ đạo cho các KTV phải thu thập đầy đủ các tài liệu, thông tin cần thiết không chỉ từ khách hàng cung cấp mà còn từ nhiều nguồn khác như các bên đối tác của khách hàng, từ thông tin thị trường, từ chính hiểu biết của KTV... Các tài liệu, thông tin phải đủ cả về lượng và chất để có thể đưa ra nhận xét chính xác cho khoản mục, hạn chế rủi ro kiểm toán tối đa có thể.

[Type text]

Hạn chế:

Có thể trong quá trình thực hiện kiểm toán đối với TSCĐ, KTV bị sức ép về thời gian nên việc thu thập các căn cứ kiểm toán bị hạn chế.

Không những vậy trên thực tế, việc thu thập các căn cứ kiểm toán không phải là việc dễ dàng. Nguyên nhân của những cản trở này có thể có cả chủ quan và khách quan. Chẳng hạn KTV gặp khó khăn với phần mềm kế toán mà khách hàng áp dụng hay việc khách hàng chưa kịp cung cấp chứng từ do phía bên đối tác chưa cung cấp hay sự không nhiệt tình của các bên liên quan ...

3.1.3 Đánh giá về quy trình kiểm toán

3.1.3.1 Ưu điểm

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế hiện nay APS luôn đặt yếu tố chất lượng lên hàng đầu. Vì vậy, mọi công việc đều được lên kế hoạch chu đáo cùng với sự phân công rành mạch và sự kiểm soát chặt chẽ từ trên xuống dưới. Các chính sách đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nhân viên cũng như điều kiện làm việc của nhân viên luôn được Công ty cố gắng tạo điều kiện trong phạm vi có thể.

Công ty đã xây dựng một quy trình kiểm toán nhìn chung là hợp lý, chặt chẽ, đem lại hiệu quả cao, tương đối chặt chẽ cho các phần hành nói chung và cho phần hành TSCĐ nói riêng. Các bước công việc trong phần hành được hướng dẫn một cách chi tiết nhưng không cứng nhắc, bảo thủ. Các KTV có thể vận dụng linh hoạt các bước công việc cho phù hợp với từng loại hình và quy mô doanh nghiệp.

Quy trình kiểm toán TSCĐ được xây dựng trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán và phù hợp với quy trình chung của kiểm toán BCTC tại APS. Do vậy, quy trình kiểm toán TSCĐ tại APS có thể thực hiện hiệu quả và đảm bảo

[Type text]

không bỏ sót các vấn đề trọng yếu. Từ đó có thể cung cấp các thông tin chính xác, hiệu quả về tình hình TSCĐ của doanh nghiệp.

Cụ thể công ty đã xây dựng quy trình kiểm toán và đạt được các ưu điểm trong từng bước của quy trình như sau:

Lập kế hoạch kiểm toán:

Trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, các bước công việc KTV cần thực hiện gồm có: tìm hiểu, đánh giá chấp nhận khách hàng và rủi ro hợp đồng, xây dựng kế hoạch tổng thể và thiết kế chương trình kiểm toán. Công tác đánh giá chấp nhận khách hàng và rủi ro hợp đồng được APS coi là bước khởi đầu quan trọng quyết định thành công của cuộc kiểm toán. Công tác đánh giá được APS thực hiện nhanh, gọn, hiệu quả thông qua quan sát, phỏng vấn và thu thập tài liệu về khách hàng.

Tìm hiểu khách hàng: Công ty có mẫu giấy tờ làm việc cho việc tìm hiểu khách hàng. Mẫu gồm các nội dung như thông tin cơ bản về khách hàng, thông tin về hoạt động kinh doanh chính, sản phẩm/ dịch vụ chủ yếu, ngành hoặc lĩnh vực mà đơn vị đang hoạt động, các yếu tố môi trường và dự báo về thị trường chính có ảnh hưởng tới hoạt động của đơn vị, niên độ kế toán, chế độ kế toán áp dụng, đơn vị tiền tệ trong kế toán, quá trình phát triển... Những thông tin này là căn cứ cho KTV bước đầu đánh giá về trọng yếu và rủi ro, từ đó xây dựng kế hoạch kiểm toán.

Xây dựng kế hoạch kiểm toán: tính thận trọng nghề nghiệp đòi hỏi KTV phải thực hiện đầy đủ các bước công việc trong giai đoạn này làm cơ sở để xây dựng chương trình kiểm toán, đảm bảo tính khoa học và hiệu quả. Trong bước này, APS kết hợp thu thập thông tin về hệ thống KSNB và tình hình kinh doanh của khách hàng từ đó xác định mục tiêu và phương pháp tiếp cận kiểm toán. Nhờ chiến lược kiểm toán và cách tiếp cận phù hợp nên đã tạo được định hướng quan trọng cho bước lập kế hoạch tổng thể và các bước tiếp

[Type text]

theo. Đồng thời việc xác định nhóm kiểm toán, phân chia nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với từng KTV đã giúp cho APS luôn duy trì được sự đánh giá cao từ phía khách hàng.

Việc xây dựng kế hoạch bao gồm kế hoạch kiểm toán tổng thể và chương trình kiểm toán.

- Về kế hoạch kiểm toán tổng thể: công ty cũng xây dựng mẫu sẵn cho KTV thuận tiện trong công việc. Mẫu này bao gồm chi tiết các thông tin về khách hàng mà KTV đã tìm hiểu ở bước “Tìm hiểu khách hàng”, các đánh giá về rủi ro, thời gian kiểm toán, nhân sự kiểm toán, phương pháp kiểm toán...Các nội dung này được xây dựng cụ thể sao cho có thể mô tả phạm vi dự kiến và cách thức tiến hành công việc kiểm toán một cách chi tiết nhất để từ đó lập được chương trình kiểm toán.

- Về chương trình kiểm toán: công ty cũng xây dựng chương trình kiểm toán cụ thể từng nội dung, thủ tục kiểm toán cần thiết để thực hiện kế hoạch kiểm toán tổng thể. Tuy nhiên chương trình kiểm toán này là công ty xây dựng chung có nghĩa là có thể thực hiện chung cho mọi cuộc kiểm toán, phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp. Các bước công việc kiểm toán tại APS được tiến hành theo đúng quy trình này giúp việc kiểm soát được thời gian cũng như tiến độ thực hiện công việc, các công việc được tiến hành độc lập, không chồng chéo, hiệu quả, đưa các thông tin xác thực phục vụ cho mục đích ra báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên, tùy vào từng loại hình doanh nghiệp cũng như mục đích của báo cáo kiểm toán mà ngoài những công việc cần thiết có thể bổ sung một số công việc để đảm bảo tính đầy đủ của bằng chứng kiểm toán. Còn đối với một số khách hàng có tổ chức đơn giản, ít nghiệp vụ thì có thể giảm bớt một số thủ tục không cần thiết nhưng vẫn đảm bảo chất lượng của báo cáo kiểm toán.

[Type text]

Như vậy việc lập kế hoạch kiểm toán tại công ty APS luôn có mẫu công ty xây dựng sẵn, nhưng các mẫu này không phải là cứng nhắc mà kiểm toán viên có thể linh hoạt, thay đổi một số nội dung cho phù hợp với mỗi doanh nghiệp. Hơn thế nữa, công ty cũng thay đổi nội dung mẫu giấy tờ này nếu thấy cần thiết. Chẳng hạn trong năm bắt đầu trong năm 2012, công ty cho áp dụng mẫu giấy tờ làm việc mới theo chương trình kiểm toán mẫu của VACPA (chỉ mới áp dụng cho các khách hàng lớn).

Thực hiện kiểm toán :

Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ : các KTV luôn thận trọng đảm bảo thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng. Việc đưa ra nhận xét chính xác về hệ thống KSNB có thể hỗ trợ rất lớn cho công việc kiểm toán tiếp theo của KTV. Trong “Hồ sơ kiểm toán”, KTV đều lưu giữ bảng câu hỏi tìm hiểu về hệ thống KSNB.

Thực hiện các thử nghiệm cơ bản: KTV luôn thực hiện đúng theo chương trình kiểm toán. Trước hết, KTV thực hiện các thủ tục phân tích bao gồm cả phân tích ngang và phân tích dọc. Các phân tích này sẽ giúp kiểm toán viên xác định phạm vi, khối lượng và định hướng kiểm toán. Điều này đã giúp cho cuộc kiểm toán đi đúng trọng tâm, giảm chi phí, thời gian, khối lượng kiểm toán mà chất lượng cuộc kiểm toán vẫn được đảm bảo. Tiếp đó KTV sẽ thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết nhằm thu thập các bằng chứng cụ thể đối với các NV, số dư đối với nguyên giá và khấu hao TSCĐ. Các KTV luôn thực hiện cẩn thận các thủ tục này, điều này đã giúp cho KTV luôn thu thập được các bằng chứng xác thực nhất cho khoản mục TSCĐ.

Kết thúc kiểm toán :

Đây là giai đoạn cuối cùng của cuộc kiểm toán. Ở giai đoạn này, các KTV của APS luôn tổng hợp một cách cẩn thận công việc đã thực hiện để đưa ra kết luận kiểm toán cho khoản mục. KTV sẽ tổng kết các sai phạm, lập bút

[Type text]

toán điều chỉnh, trao đổi với khách hàng tìm nguyên nhân, thống nhất ý kiến để đưa ra kết luận cuối cùng, nêu ra các hạn chế trong cuộc kiểm toán, các vấn đề cần chú ý trong đợt kiểm toán sau. Không những vậy, các KTV còn nêu ra các ý kiến tư vấn đáng quý cho khách hàng hoàn thiện hơn công tác kế toán, tăng hiệu quả kinh doanh.

Cả quy trình kiểm toán trên, KTV luôn ghi chép và lưu lại các giấy tờ làm việc cẩn thận cũng như lưu lại các căn cứ kiểm toán thu được. Tất cả được lưu trong hồ sơ kiểm toán và được đánh tham chiếu kiểm toán.

3.1.2.2 Hạn chế

Trong quy trình kiểm toán tuy có nhiều ưu điểm song vẫn tồn tại các hạn chế sau:

Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Tìm hiểu khách hàng: Do có nhiều sức ép trong công việc nên công việc này thường bị KTV thu thập một cách sơ sài. Thông thường KTV chỉ chú trọng đến lĩnh vực hoạt động, doanh thu, một số thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ. Đối với khách hàng quen thuộc thì công việc này càng được thực hiện nhanh chóng do KTV lấy thông tin của năm kiểm toán trước. Điều này chỉ phù hợp khi KTV vẫn cập nhật thêm các thay đổi trong năm tài chính mới của khách hàng thì mới có thể đảm bảo tính xác thực của thông tin.

Chương trình kiểm toán: Công ty có chương trình kiểm toán chi tiết với mục tiêu và các thủ tục kiểm toán cho các phân hành nhưng trong mỗi phân hành không nêu các thủ tục kiểm toán nào tương ứng để thu thập bằng chứng cho mục tiêu kiểm toán.

Giai đoạn thực hiện kiểm toán:

Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ : Thông thường KTV thực hiện thu thập bằng câu hỏi còn ít khi thực hiện các thủ tục kiểm soát thêm. Nếu là khách hàng quen thuộc thì KTV thường hay bỏ qua khâu này bởi KTV đã có

[Type text]

sự hiểu biết về khách hàng. Điều này sẽ giúp KTV giảm bớt khối lượng công việc kiểm toán, rút ngắn thời gian nhưng nếu khách hàng có những thay đổi lớn tiêu cực trong hệ thống KSNB thì không thể tránh cho KTV và công ty kiểm toán những rủi ro. Hơn nữa, tại công ty chủ yếu chỉ áp dụng phương pháp bảng câu hỏi, ít sử dụng các phương pháp khác. Các thủ tục kiểm soát ít khi thực hiện. Bên cạnh đó, ý thức về hoạt động kiểm toán của khách hàng chưa đầy đủ. Trong nhiều trường hợp, các bút toán điều chỉnh và các kiến nghị của KTV chưa được khách hàng thực hiện kịp thời mặc dù đã có sự thống nhất giữa hai bên. Điều này gây những cản trở nhất định cho tiến độ phát hành Báo cáo kiểm toán và khó khăn cho kỳ kiểm toán sau của KTV.

Hiện nay việc đánh giá hệ thống KSNB trong hoạt động kiểm toán của APS chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của KTV, bằng việc KTV đặt ra các câu hỏi được thiết kế dưới dạng trả lời “ có” hoặc “ không”. Trên cơ sở các câu trả lời nhận được, KTV sẽ đạt được hiểu biết về hệ thống KSNB của Công ty. Ưu điểm của công cụ này là được lập sẵn nên KTV có thể tiến hành nhanh chóng và không bỏ sót các vấn đề quan trọng. Nhưng do được thiết kế chung nên bảng câu hỏi đó có thể không phù hợp với tất cả các doanh nghiệp mà Công ty kiểm toán, không nên lên được những câu hỏi mang tính đặc thù cho khách hàng. Hơn nữa hệ thống câu hỏi có sẵn của Công ty vẫn còn sơ sài, chưa bao quát hết được hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng. Điều này có thể dẫn đến những kết luận thiếu chính xác về hệ thống KSNB của đơn vị gây ảnh hưởng tới kết quả của cuộc kiểm toán.

Thực hiện các thủ tục phân tích: việc thực hiện thủ tục phân tích thường chỉ tiến hành phân tích ngang, ít khi thực hiện phân tích dọc, nếu có thì các tỉ suất được phân tích cũng rất ít.

Thực hiện các kiểm tra chi tiết : do vào cuối năm dương lịch cũng là cuối năm tài chính của phần lớn các doanh nghiệp, khi này các doanh nghiệp thực hiện kiểm kê TSCĐ để khóa sổ kế toán. Cũng lúc này công ty phải thực hiện

[Type text]

nhiều hợp đồng kiểm toán, do nhân lực có hạn nên cũng có nhiều khách hàng công ty không trực tiếp chứng kiến kiểm kê. Điều này cũng ảnh hưởng đến công việc kiểm toán sau này. Nếu KTV có tính thận trọng cao thì sẽ thực hiện các thủ tục bổ sung để kiểm chứng kết quả kiểm kê của khách hàng nhưng cũng có KTV vì nhiều sức ép trong công việc mà bỏ qua việc này. Điều này có thể gây ra những rủi ro kiểm toán khó lường.

Riêng đối với công ty Haivina Kim Liên, về việc kiểm kê TSCĐ cũng được bỏ qua nên cũng có thể gây sai sót vì số lượng tài sản lớn, đồng thời do công ty mới đi vào hoạt động nên hệ thống KSNB chắc chắn chưa thể hoàn thiện quy trình và cho hiệu quả làm việc tối đa, nên các kết quả lấy từ hệ thống KSNB của công ty Haivina Kim Liên cũng có thể coi là chưa chính xác tuyệt đối.

Giai đoạn kết thúc kiểm toán : KTV ít khi nêu các vấn đề cần chú ý ở cuộc kiểm toán sau mà chỉ chú trọng cuộc kiểm toán hiện tại.

Các vấn đề khác:

- Trong quá trình kiểm toán do có nhiều lý do nên ít khi KTV sử dụng ý kiến của chuyên gia. Điều này làm cho cuộc kiểm toán cũng giảm phần nào chất lượng của nó. Vì để kiểm toán chính xác, KTV cần có sự am hiểu sâu rộng về các loại TSCĐ, đồng thời nắm vững trình độ chuyên môn, đồng thời cập nhật các thông tin và tường tận về mọi TSCĐ ở những lĩnh vực khác nhau thực sự là rất khó. Điều đó khẳng định sử dụng ý kiến chuyên gia là một công cụ đặc lực giúp KTV kiểm toán chính xác về TSCĐ.
- Trong cuộc kiểm toán, nhân lực còn hạn chế về cả số lượng và chất lượng. Điều này thể hiện rõ qua việc do số lượng TSCĐ của doanh nghiệp khá nhiều nên việc kiểm kê chỉ làm trên hình thức giấy tờ chứ không được kiểm kê trực tiếp.
- Vấn đề ghi chép và soát xét của KTV thường được thực hiện cẩn thận, song vấn đề này cũng cần phải chú ý hoàn thiện hơn nữa.

[Type text]

- Bên cạnh đó cũng có thể do trình độ của kế toán công ty còn non kém nên việc hạch toán sai công cụ dụng cụ vào TSCĐ hữu hình hoặc TSCĐ vô hình.

3.2 Hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện quy trình kiểm toán

Kinh tế càng phát triển, các doanh nghiệp mọc lên càng nhiều, hoạt động kinh tế diễn ra đa dạng, phức tạp. Điều này làm cho vai trò kiểm toán càng ngày càng cần thiết cho một môi trường kinh tế lành mạnh, hiệu quả. Chính vì vậy trong những năm nay, các công ty kiểm toán ra đời ngày càng nhiều và tạo nên sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty. Điều này đã tạo cho APS những thách thức, khó khăn mới.

Tuy công ty mới ra đời nhưng đã nhanh chóng gặt hái nhiều thành công, chiếm được vị thế cao trong thị trường kiểm toán nước ta. Nhưng không vì vậy mà công ty không thấy được những thách thức, khó khăn mới đó. Để có thể tồn tại và ngày càng phát triển, công ty luôn không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, uy tín với khách hàng, nâng cao vị thế công ty.

Công ty cũng luôn ý thức được rằng bản thân công ty còn nhiều hạn chế trong hoạt động của mình. Vì vậy việc hoàn thiện các hoạt động của công ty nói chung và hoạt động kiểm toán nói riêng là vấn đề bức thiết của công ty hiện nay.

Đối với hoạt động kiểm toán, công ty đang cố gắng nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ nhân viên, đào tạo cán bộ, hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC.

Kết luận mỗi khoản mục trên BCTC là một phần của kết luận kiểm toán. Mỗi kết luận này đều có tầm quan trọng và ảnh hưởng nhất định. Như chúng ta đã biết, TSCĐ là một khoản mục rất quan trọng trên BCTC. Chính vì vậy, việc đưa ra kết luận đối với khoản mục này có ảnh hưởng lớn đến kết luận của

[Type text]

cuộc kiểm toán khiến các KTV luôn phải đặc biệt quan tâm. Do đó việc hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ là rất cần thiết, nó sẽ góp phần hoàn thiện cả quy trình kiểm toán, giúp cho chất lượng dịch vụ kiểm toán của công ty ngày càng được nâng cao.

3.2.2 Những bài học kinh nghiệm của thực trạng kiểm toán TSCĐ:

3.2.2.1 Việc nắm bắt và vận dụng các chuẩn mực kế toán và Kiểm toán trong quá trình thực hiện Kiểm toán là yếu tố không thể thiếu đối với KTV khi tiến hành kiểm toán.

Việc nắm vững các chuẩn mực kế toán và kiểm toán trong khi tiến hành công việc là yêu cầu bắt buộc đối với các KTV. Điều này các KTV trong công ty đều có ý thức cao. Chỉ khi nắm vững các chuẩn mực kế toán và kiểm toán sẽ đảm bảo cho công việc kiểm toán được tiến hành theo đúng các chuẩn mực quy định. KTV hiểu biết các chuẩn mực kế toán, kiểm toán thì mới có thể phát hiện các sai sót trên BCTC của khách hàng, từ đó đưa ra được ý kiến chính xác về BCTC đã được kiểm toán.

3.2.2.2 Sự linh hoạt, sáng tạo của KTV trong việc lựa chọn các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng khoản mục trong từng doanh nghiệp cụ thể đã tạo hiệu quả cao trong công việc

Để hỗ trợ cho KTV trong công việc lập kế hoạch kiểm tra chi tiết đối với các khoản mục trên BCTC, công ty xây dựng một chương trình kiểm toán mẫu trong đó bao gồm các thủ tục kiểm tra chi tiết cơ bản thường được sử dụng để kiểm tra chi tiết cho các sai sót tiềm tàng của từng tài khoản. Điều này giúp cho KTV định hướng tốt trong mỗi cuộc kiểm toán. Căn cứ vào chương trình kiểm toán mẫu này, KTV sẽ sửa đổi các thủ tục kiểm toán thích hợp và có thể tự thiết kế các thủ tục kiểm toán bổ sung nếu KTV nhận thấy các thủ tục kiểm toán mẫu chưa bao quát hết được.

[Type text]

Điều này cho thấy kiểm toán viên trong công ty phải có một sự năng động, sáng tạo trong công việc khi tiến hành kiểm toán. Muốn làm được điều đó, trước hết kiểm toán viên phải có được sự hiểu biết về đặc điểm kinh doanh của khách hàng, đặc biệt là hiểu rõ về khoản mục mà mình đang kiểm tra để từ đó có các thay đổi cho phù hợp.

3.2.2.3 Thực hiện việc soát xét chặt chẽ trong quá trình kiểm toán giúp đưa ra báo cáo kiểm toán có độ tin cậy cao.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ mà công ty cung cấp, APS luôn tiến hành kiểm soát chất lượng công việc rất cẩn thận và chặt chẽ.

Qua nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán BCTC do APS thực hiện, có thể thấy rằng việc kiểm tra, soát xét được thực hiện trong cả giai đoạn thực hiện lẫn giai đoạn kết thúc và ra báo cáo. Trong giai đoạn thực hiện, việc kiểm tra của trưởng nhóm sẽ đảm bảo cho việc quản lý và kiểm soát tiến độ thực hiện cũng như chất lượng công việc của các nhân viên và so sánh với chương trình kiểm toán nhằm đảm bảo các khoản mục trên BCTC đã được thực hiện đầy đủ. Trước khi phát hành báo cáo chính thức, toàn bộ hồ sơ kiểm toán phải trải qua các quá trình soát xét hết sức nghiêm túc và chặt chẽ của chủ nhiệm kiểm toán và Ban giám đốc.

Thực hiện đánh giá công việc kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán giúp công ty cũng như các KTV nhận ra được những điểm mạnh và điểm yếu của mình để phát huy và khắc phục.

3.2.3 Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán TSCĐ

Giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán

Tìm hiểu khách hàng: trong quá trình kiểm toán, KTV nên cố gắng thu thập nhiều thông tin cơ bản về khách hàng nhằm có nhận xét các vấn đề ban đầu chính xác nhất có thể, từ đó có định hướng kế hoạch kiểm toán đúng đắn

[Type text]

nhất. Sử dụng nhiều phương pháp để tìm hiểu về khách hàng một cách chi tiết nhất có thể:

- Tìm hiểu qua phương tiện thông tin đại chúng
- Tìm hiểu qua đối tác của doanh nghiệp, khách hàng của doanh nghiệp
- Tìm hiểu qua ngân hàng mà doanh nghiệp đó mở tài khoản.....

Xây dựng kế hoạch tổng thể : Như đã nói ở trên, công ty kiểm toán APS chỉ xây dựng mẫu “ Kế hoạch kiểm toán tổng thể “ cho cuộc kiểm toán BCTC mà chưa xây dựng riêng cho các phần hành. Vì vậy để hoàn thiện tốt hơn quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng cũng như các khoản mục khác, thì công ty có thể xây dựng kế hoạch kiểm toán tổng thể cho từng khoản mục. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho KTV khi xây dựng chương trình kiểm toán tương ứng.

Xây dựng chương trình kiểm toán: Chương trình kiểm toán do công ty APS xây dựng chỉ nêu các thủ tục kiểm toán mà chưa nêu các mục tiêu kiểm toán ứng với các thủ tục tương ứng. Chính vì vậy để tạo thuận lợi cho các KTV khi đưa ra nhận xét về các mục tiêu kiểm toán cho khoản mục thì trong chương trình kiểm toán, công ty nên nói rõ các thủ tục kiểm toán nào là nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán cho các mục tiêu kiểm toán tương ứng.

Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Hoàn thiện việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ: Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ là một trong những công việc quan trọng để xác định quy mô, thời gian và các thử nghiệm nào nên được thực hiện trong một cuộc kiểm toán. Có ba phương pháp để kiểm toán viên có thể sử dụng để mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ: phương pháp bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ, phương pháp bảng tường thuật về hệ thống kiểm soát nội bộ và phương pháp lưu đồ. Hiện tại công ty kiểm toán APS chủ yếu sử dụng phương pháp bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế sẵn để thu thập thông tin

[Type text]

về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng. Phương pháp này có nhiều ưu điểm, tuy nhiên không phải đối với mọi loại hình doanh nghiệp thì việc sử dụng bảng câu hỏi về hệ thống nội bộ đều mang lại kết quả tốt nhất. Đối với các khách hàng có quy mô lớn, phức tạp, kiểm toán viên nên sử dụng phương pháp lưu đồ (lưu đồ dọc và lưu đồ ngang). Sử dụng lưu đồ giúp kiểm toán viên nhận xét chính xác hơn về các thủ tục kiểm soát áp dụng đối với các hoạt động và dễ dàng nhận ra các điểm mạnh và các điểm yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty khách hàng, từ đó chỉ ra những thủ tục kiểm soát cần bổ sung. Trong khi đó bảng câu hỏi hoặc bảng tường thuật về kiểm soát nội bộ cung cấp thêm sự phân tích về kiểm soát giúp kiểm toán viên hiểu biết đầy đủ hơn về hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán. Việc sử dụng kết hợp bảng câu hỏi với lưu đồ hoặc với bảng tường thuật sẽ giúp cho KTV nhận xét tốt hơn về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng.

Ngoài ra, tại công ty APS vẫn sử dụng bảng câu hỏi về hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế chung cho mọi khách hàng. Để hoàn thiện việc tìm hiểu hệ thống KSNB, công ty có thể xây dựng bảng câu hỏi cho từng khách hàng đặc trưng bởi vì mỗi đơn vị khách hàng luôn có sự khác nhau trong hoạt động kinh doanh, từ đó có hệ thống KSNB mang đặc trưng riêng. Nếu thiết kế được những thủ tục khảo sát về KSNB phù hợp với từng loại khách hàng thì có thể đưa ra nhận xét xác thực hơn về hệ thống KSNB của khách hàng. Có thể phân ra cho khách hàng là doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp XD/CB. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý để tiến hành kiểm tra hệ thống KSNB:

Câu hỏi tìm hiểu hệ thống KSNB	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Hệ thống thẻ TSCĐ có được duy trì và cập nhật kịp thời không?				
2. Ngoài bộ phận kế toán còn có bộ				

[Type text]

phần nào khác theo dõi và quản lý TSCĐ hay không?				
3. Việc mua sắm TSCĐ có phải lập kế hoạch trước hàng năm không?				
4. Có sự tách biệt trong công tác quyết định mua sắm, ghi chép, quản lý và sử dụng TSCĐ hay không?				
5. TSCĐ khi mua về có bắt buộc phải có bộ phận kiểm tra chất lượng và lập biên bản nghiệm thu trước khi giao cho bộ phận sử dụng và thanh toán không?				
6. TSCĐ khi giao cho bộ phận sử dụng có được lập biên bản bàn giao cho bộ phận chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng không?				
7. TSCĐ có được mô tả đầy đủ thông tin trong thẻ TSCĐ (sổ quản lý) đến mức có thể nhận diện TS ở bên ngoài không?				
8. TSCĐ có được đánh mã quản lý riêng để có thể đối chiếu giữa TS ghi chép trên sổ và trên thực tế không?				
9. Đơn vị có văn bản quy định về trách nhiệm của người sử dụng, quy trình vận hành và sử dụng tài sản đối với những TSCĐ quan trọng, TSCĐ có giá trị lớn hoặc TSCĐ đòi hỏi phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt không?				
10. TSCĐ khi mang ra ngoài công ty				

[Type text]

có bắt buộc phải có sự đồng ý bằng văn bản của cấp lãnh đạo có thẩm quyền hay không?				
11. Có sổ theo dõi, quản lý các tài sản được tạm thời đưa ra khỏi Công ty hoặc đang sử dụng ngoài văn phòng Công ty (như máy tính xách tay hay các tài sản mang đi công tác, cho thuê,.....) không?				
12. Những TSCĐ đang thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay có được ghi chép lại để theo dõi riêng không?				
13. Công ty có giao cho một bộ phận chuyên chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề khi TSCĐ bị hỏng không?				
14. Các nhân viên có buộc phải báo cáo cho bộ phận chuyên trách khi TSCĐ bị hỏng trong quá trình sử dụng không?				
15. Các nhân viên có được phép tự sửa chữa TSCĐ khi có sự cố xảy ra mà không cần xin phép cấp lãnh đạo (hoặc xin phép sau) không?				
16. Tất cả các sự cố hỏng của TSCĐ có được ghi lại thành biên bản và lưu giữ lại không?				
17. Công ty có tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ hàng kỳ hay không?				
18. Các TSCĐ chưa cần dùng có được bảo quản riêng trong kho để đảm bảo				

[Type text]

chúng không bị hư hại không?				
19. Tất cả các tài sản chờ thanh lý, chưa sử dụng có được theo dõi và quản lý riêng không?				
20. Công ty có quy định về thanh lý TSCĐ không?				
21. Các TSCĐ khi thanh lý có được phê duyệt của cấp lãnh đạo hay không?				
22. Có quy định kiểm kê TSCĐ ít nhất 1 lần trong năm hay không?				
23. Kế hoạch kiểm kê hoặc cài tài liệu hướng dẫn có được lập thành văn bản và gửi trước cho các bộ phận, nhân sự tham gia kiểm kê hay không?				
24. Công ty có mua bảo hiểm cho TSCĐ hay không? Nếu có thì tỷ lệ giá trị tài sản đã được bảo hiểm là bao nhiêu %?				
25. Công ty tiến hành theo dõi, ghi chép đối với các TSCĐ không cần dùng chờ thanh lý, tạm thời chưa sử dụng, hoặc đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được tiếp tục sử dụng không?				
26. Các quy định về mua sắm, quản lý, sử dụng và thanh lý TSCĐ có được tập hợp và hệ thống hóa thành 1 văn bản (quy chế) thống nhất không?				
27. Việc ghi nhận nguyên giá TSCĐ có được ghi nhận theo đúng quy định trong				

[Type text]

Thông tư 203 không?				
28. Công ty có đăng ký tỷ lệ khấu hao TSCĐ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không?				
29. Phương pháp tính khấu hao có hợp lý và được áp dụng nhất quán hay không?				

Bảng 3.1: Bảng câu hỏi tìm hiểu hệ thống KSNB

Bên cạnh những câu hỏi chung cho kế toán TSCĐ ở các đơn vị được kiểm toán thì KTV cũng nên đưa ra những câu hỏi mang tính đặc thù đối với mỗi khách hàng riêng biệt tùy vào loại hình kinh doanh, tính chất hoạt động của đơn vị đó. Ví dụ đối với Công ty Haivina Kim Liên, TSCĐ nhiều, chủ yếu là máy móc phục vụ cho sản xuất, KTV có thể đưa ra các câu hỏi đặc thù sau:

Câu hỏi tìm hiểu hệ thống KSNB	Có	Không	Không áp dụng	Ghi chú
1. Có sự phân công trách nhiệm đối với việc quản lý TSCĐ tại các phân xưởng sản xuất hay không?				
2. Có nhà kho để bảo quản, lưu giữ TSCĐ khi mới được nhận về do mua sắm hay nhận góp vốn đầu tư không?				
3. Việc bảo dưỡng TSCĐ tại các phân xưởng sản xuất có được thực hiện định kỳ không?				
4. Có sổ theo dõi, quản lý các tài sản đang được sử dụng tại các phân xưởng (chi tiết cho từng phân xưởng) hay không?				

Bảng 3.2: Bảng câu hỏi tìm hiểu hệ thống KSNB chi tiết đối với doanh nghiệp

Đồng thời, dựa vào những hiểu biết của mình về lĩnh vực hoạt động của khách hàng để đặt ra những câu hỏi mang tính chất đặc thù cho từng khách hàng riêng biệt. KTV cũng nên sử dụng các câu hỏi mở đối với những người được phỏng vấn để có được những câu trả lời chi tiết, đầy đủ và có cái nhìn bao quát hơn về hệ thống KSNB của khách hàng và cũng có thể dễ dàng phát hiện ra những thiếu sót của hệ thống nếu nó không thực hiện theo đúng thiết kế đã đặt ra. Loại câu hỏi này thường có dạng “ thế nào?”, “ cái gì?”, “ tại sao?”.

Đối với những việc kiểm tra hệ thống KSNB về khoản mục TSCĐ, KTV có thể đặt ra những câu hỏi mở như:

- Thủ tục mua mới TSCĐ được thực hiện như thế nào?
- Thủ tục thanh lý TSCĐ được thực hiện như thế nào?
- Công ty tiến hành quản lý TSCĐ cả về mặt hiện vật và mặt giá trị ra sao?
- Chi phí sửa chữa nâng cấp TSCĐ được kế toán hạch toán như thế nào?

Sau khi có đáp án cho hệ thống câu hỏi thì KTV sẽ đưa ra đánh giá của mình về hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán. Căn cứ vào hệ thống đáp án mà KTV đưa ra kết luận về hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán là ở mức Cao, Trung bình hay Thấp. Từ đó, đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát làm cơ sở cho việc xác định phạm vi thực hiện cơ bản trên số dư và một số nghiệp vụ của đơn vị. Tuy nhiên, đánh giá hệ thống chỉ dựa vào phỏng vấn thôi là chưa đủ. KTV cũng có thể thực hiện lại các thủ tục kiểm soát, tham quan thực tế TSCĐ của khách hàng hoặc kiểm tra

[Type text]

chứng từ, sổ sách có liên quan đến TSCĐ để đảm bảo rằng hệ thống KSNB của khách hàng là thực sự hiệu quả.

Trong kiểm toán, nhất là vào mùa kiểm toán thì yếu tố thời gian thường là yếu tố gây sức ép lớn cho các KTV. Chính vì vậy để có thể giảm áp lực thời gian cho cuộc kiểm toán thì công ty và bên khách hàng có thể thỏa thuận với nhau về việc tổ chức một cuộc kiểm toán sơ bộ vào trước mùa kiểm toán mùa kiểm toán (điều này chỉ có thể áp dụng với các khách hàng có kế hoạch kiểm toán từ sớm).

Điều kiện: khách hàng chắc chắn sẽ ký hợp đồng với công ty hoặc đây là khách hàng quen thuộc, khách hàng thường niên. Vì phương pháp này tuy giúp tiết kiệm thời gian kiểm toán và nâng cao tính xác thực cho cuộc kiểm toán trực tiếp nhưng lại liên quan đến chi phí kiểm toán nên cần được cân nhắc và áp dụng cho tùy từng đối tượng khách hàng.

Đây là một cách thức tốt đối với KTV, vì lúc này về mặt thời gian không đòi hỏi gấp gáp như trong mùa kiểm toán. KTV có thể thực hiện việc áp dụng các phương pháp kiểm toán ngoài chứng từ như: KTV tiến hành tìm hiểu hệ thống KSNB của đơn vị khách hàng; tiến hành quan sát các hoạt động liên quan đến KSNB hoặc phỏng vấn nhân viên đơn vị về các thủ tục kiểm soát của những người thực thi công việc KSNB nhằm đánh giá một cách tin cậy về hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty khách hàng.

Thực hiện thủ tục khảo sát kiểm soát: Trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty kiểm toán APS thì thủ tục khảo sát kiểm soát được thực hiện ở giai đoạn thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên trên thực tế công ty ít thực hiện thủ tục khảo sát kiểm soát mà tiến hành ngay các thử nghiệm cơ bản. Để có thể giảm bớt khối lượng công việc mà cụ thể là các thủ tục kiểm tra chi tiết thì công ty nên xem xét việc thực hiện các thủ tục khảo sát kiểm soát đối với

[Type text]

các khách hàng có hệ thống KSNB được đánh giá là có hiệu quả, rủi ro kiểm soát là không cao.

Thực hiện thủ tục phân tích: Tại công ty APS, thủ tục phân tích chủ yếu là thực hiện thủ tục phân tích ngang còn phân tích dọc lại ít áp dụng. Thủ tục phân tích ngang chỉ có thể so sánh các số liệu cùng chỉ tiêu nên nhận xét đưa ra chưa bao quát hết. Do đó để đưa ra các đánh giá xác thực hơn cho khoản mục TSCĐ thì KTV nên tiến hành phân tích thêm các tỷ suất. KTV có thể phân tích các tỷ suất với số liệu là của khách hàng, ngoài ra có thể so sánh thêm với số trung bình của toàn ngành nhằm đánh giá được tình hình hoạt động của khách hàng và phán đoán các rủi ro có thể xảy ra.

Ngoài ra, thủ tục phân tích chỉ áp dụng ở giai đoạn thực hiện kiểm toán. Do đó, để khai thác tối đa tác dụng của thủ tục này thì KTV có thể áp dụng trong cả giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Cụ thể: nếu các thủ tục phân tích được áp dụng ngay trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán thì KTV sẽ có cái nhìn bao quát ngay từ đầu về xu hướng biến động của khoản mục. Từ đó có thể phát hiện ra những biến động bất thường để xây dựng chương trình kiểm toán cho hợp lý.

Thực hiện kiểm tra chi tiết: để có thể đưa ra nhận xét chính xác về khoản mục TSCĐ cũng như giảm khối lượng công việc kiểm toán, giảm chi phí kiểm toán, công ty nên bố trí kế hoạch cho các KTV được chứng kiến kiểm kê vào cuối năm tài chính của khách hàng. Tuy nhiên, phương pháp này nên chỉ áp dụng với các khách hàng thường niên của công ty vì thế khi sử dụng phương pháp này, BGD nên cân nhắc kỹ: tùy thuộc vào đối tượng khách hàng để triển khai các phương án kiểm toán sao cho đạt chất lượng cao nhất, tiết kiệm chi phí và nhân lực nhiều nhất.

Giai đoạn kết thúc kiểm toán:

[Type text]

Khi kết thúc cuộc kiểm toán, KTV nên đề cập đến các vấn đề cần chú ý ở cuộc kiểm toán sau nhằm đạt hiệu quả kiểm toán cao hơn.

3.2.4 Một số điều kiện để tổ chức thực hiện giải pháp hoàn thiện

3.2.4.1 Về phía Nhà nước và các cơ quan chức năng:

Muốn nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động kiểm toán thì công việc đầu tiên là phải đổi mới, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về kế toán, kiểm toán. Các quy định pháp lý, hệ thống chuẩn mực kế toán, kiểm toán như là “kim chỉ nam” cho hoạt động của các công ty kiểm toán. Đặc biệt trước ngưỡng cửa hội nhập kinh tế thế giới, lĩnh vực kiểm toán của Việt Nam còn non trẻ thì việc xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động kiểm toán là vô cùng quan trọng và cần thiết.

Hiện nay hệ thống văn bản pháp luật ở nước ta còn chông chéo, chính sách thường xuyên thay đổi, còn nhiều kẽ hở. Quốc hội mới chỉ ban hành luật kiểm toán Nhà nước còn đối với hoạt động kiểm toán độc lập vẫn chưa có văn bản pháp luật cụ thể nào quy định. Vì vậy đề nghị Nhà nước và các Bộ ngành liên quan trong thời gian tới cần nhanh chóng hoàn thiện và sớm xây dựng những văn bản pháp luật hướng dẫn để các công ty kiểm toán có thể ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động đồng thời còn là cơ sở giải quyết những tranh chấp thương mại xảy ra. Việc ban hành hệ thống văn bản luật và hệ thống văn bản dưới luật có liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập phải được ban hành một cách đồng bộ, đầy đủ, hướng dẫn cụ thể để luật thực sự sát với thực tiễn.

Không những vậy, các cơ quan chức năng cũng cần tăng cường hơn nữa các hoạt động đào tạo để gia tăng về số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ KTV đáp ứng sự thiếu hụt trầm trọng số lượng KTV hiện nay; rút ngắn sự khác biệt giữa Chuẩn mực Kế toán và Kiểm toán của Việt Nam và thế giới, tạo sự hài hoà, thống nhất giữa hai hệ thống văn bản pháp lý này để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; phát huy hơn nữa vai trò của Hội KTV hành nghề Việt Nam (VACPA) trong việc thúc đẩy

[Type text]

ngành kiểm toán độc lập phát triển thông qua việc chuyển giao một số chức năng của Bộ Tài chính cho Hiệp hội.

Khi hệ thống văn bản đó được kiện toàn, đầy đủ cùng với sự quan tâm các cơ quan chức năng chắc chắn hoạt động kiểm toán Việt Nam sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ, phát huy được vai trò của mình và tự chủ trước thêm hội nhập quốc tế.

3.2.4.2 Về phía công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Để hoàn thiện quy trình kiểm toán của công ty, ngoài những yếu tố khách quan thì yếu tố chủ quan-bản thân công ty là yếu tố hết sức quan trọng. Muốn hoàn thiện trước hết bản thân công ty phải tự hoàn thiện. Điều kiện vật chất, nguồn nhân lực, quy trình kiểm toán là những yếu tố mà công ty cần phải hoàn thiện hơn nữa.

Về đội ngũ nhân viên:

Đội ngũ nhân viên đảm bảo về chất không chỉ hướng tới hiệu quả cao của cuộc kiểm toán mà còn tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán chung được thừa nhận (GAAS). Chuẩn mực kiểm toán chung đầu tiên nêu rõ “quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi một hoặc nhiều người đã được đào tạo đầy đủ thành thạo như một KTV”. Ngoài ra việc đảm bảo về số lượng cũng sẽ góp phần tăng hiệu quả công việc.

Mặc dù hiện tại công ty có đội ngũ nhân viên với số lượng không nhỏ và có trình độ chuyên môn tốt song công ty vẫn đang đứng trước nguy cơ của sự thiếu nhân lực đặc biệt là trong mùa kiểm toán. Nhân viên phải làm việc liên tục, nhiều khi trong tuần không có ngày nghỉ. Vì vậy khó có thể tránh được những ảnh hưởng đến chất lượng công việc cũng như sức khỏe của nhân viên. Để giải quyết tình trạng này, công ty nên có các biện pháp tăng thêm số lượng nhân viên cả về trợ lý kiểm toán và kiểm toán viên.

Vì đối với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thì 1 năm có 2 mùa kiểm toán, mỗi mùa diễn ra trong vòng 6 tháng, đồng thời bên cạnh đó công ty còn hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác ví dụ: đào tạo kế

[Type text]

toán, tư vấn kế toán, tư vấn thuế... Điều này cho thấy việc tuyển dụng thêm nhân viên có trình độ và năng lực để đào tạo và làm việc là rất cần thiết.

Hơn nữa, trong giai đoạn hiện nay, với sức hút hấp dẫn từ lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán thì sự thay đổi về nguồn nhân lực tại các công ty kiểm toán đang dần trở thành một vấn đề mà các nhà quản lý tại các công ty kiểm toán quan tâm hàng đầu. Do đó, để tránh tình trạng nhân sự thay đổi và có thể thu hút được nhiều nhân tài thì bên cạnh chế độ lương, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hiện có công ty cần tạo môi trường làm việc tích cực, có những hoạt động, những quy định về khen thưởng phù hợp và cải thiện chế độ lương hấp dẫn nhằm tạo cho đội ngũ nhân viên thấy yên tâm và gắn bó lâu dài với sự phát triển lớn mạnh của công ty.

Công ty cũng cần tăng cường các đợt thi, sát hạch nhằm đánh giá trình độ năng lực của KTV và trợ lý KTV từ đó bồi dưỡng nâng cao thêm và nếu cần thiết thì có thể giảm bớt các nhân viên không đủ điều kiện.

Về điều kiện vật chất:

Việc trang bị một điều kiện làm việc đầy đủ là một yếu tố giúp cho công việc được hoàn thành tốt hơn. Nhận thức được điều đó nên công ty luôn quan tâm việc trang bị cho các phòng nghiệp vụ các điều kiện vật chất tối thiểu phục vụ cho công việc. Công ty trang bị cho các phòng bàn ghế làm việc cho mỗi nhân viên, máy tính, máy in, điều hoà, ngoài ra toàn công ty có 2 máy photo và 1 máy fax ở phòng hành chính. Tuy nhiên để nhân viên yên tâm làm việc và thực hiện công việc hiệu quả hơn, công ty có thể trang bị thêm cho mỗi phòng NV máy fax, trang bị cho các KTV và trợ lý kiểm toán máy tính cá nhân.

Về quy trình kiểm toán:

Với sự phát triển mạnh mẽ của công ty, lượng khách hàng được công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán ngày càng nhiều. Tuy nhiên, với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường kiểm toán, công ty không thể xem nhẹ việc thu hút, hấp dẫn khách hàng hơn nữa. Vì vậy ngoài việc quảng bá dịch vụ của công ty

[Type text]

thì bản thân dịch vụ cũng phải có chất lượng cao. Muốn vậy bản thân quy trình kiểm toán phải hoàn thiện.

Quy trình kiểm toán nói chung và quy trình kiểm toán TSCĐ nói riêng của công ty phải phù hợp với các chuẩn mực kế toán, kiểm toán Việt Nam cũng như chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

Để hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ, ngoài các giải pháp hoàn thiện đã nêu trong phần 3.2.3 thì công ty có thể tham khảo thêm một số đề xuất như sau:

- Công ty kiểm toán APS nên tiến hành thúc đẩy ký hợp đồng kiểm toán trước ngày 31/12 để có thể bố trí được nhân lực tham gia kiểm kê tại đơn vị khách hàng vào thời điểm 31/12.

- Nếu có đủ năng lực về tài chính, chuyên môn và nhân sự APS có thể mua phần mềm kiểm toán về đánh giá rủi ro, trọng yếu để sử dụng cho công tác kiểm toán của mình.

3.2.4.3 Về phía kiểm toán viên của công ty kiểm toán APS:

KTV là người trực tiếp thực hiện quy trình kiểm toán nên yếu tố bản thân KTV sẽ ảnh hưởng trực tiếp nhất đến kết quả công việc hoàn thành.

Thông thường, dựa trên tinh thần chỉ đạo và quy trình kiểm toán đã được xây dựng sẵn, KTV sẽ linh hoạt, sáng tạo áp dụng vào trong công việc của mình, kết hợp với việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hay quốc tế để KTV đưa ra kết luận kiểm toán. Tuy nhiên để thực hiện công việc một cách suất sắc, đưa ra kết luận xác thực, chất lượng nhất, ngoài việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, KTV cũng luôn phải luôn trau dồi kiến thức, kinh nghiệm và tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp.

3.2.4.4 Về phía đơn vị khách hàng:

Khách thể của cuộc kiểm toán là đơn vị khách hàng vì vậy muốn hoàn thiện quy trình kiểm toán thì sự hỗ trợ từ phía đơn vị khách hàng là rất cần thiết. Sự nhiệt tình cộng tác, trung thực từ khách hàng sẽ giúp KTV hoàn

[Type text]

thành công việc nhanh chóng, hiệu quả và ngược lại.

Để có thể đưa ra một kết luận kiểm toán vừa đảm bảo tin cậy, chất lượng vừa giảm thời gian, khối lượng công việc cho KTV, phía khách hàng cần phải:

- Sổ sách, chứng từ kế toán cần ghi chép rõ ràng, khoa học, lưu giữ cẩn thận
- Sẵn sàng hợp tác, cung cấp cho KTV đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan và giải trình những vướng mắc của KTV từ đó giúp KTV có thể nhanh chóng thu thập bằng chứng và tìm ra các sai sót nhằm giảm thiểu rủi ro kiểm toán.
- Nếu có thể, khách hàng nên hoàn thành kế hoạch kiểm toán trước 31/12 để công ty kiểm toán có thể bố trí kế hoạch kiểm toán cũng như tham gia kiểm kê vào cuối niên độ kế toán.

3.2.4.5 Về phía các tổ chức đào tạo

Như chúng ta đã biết hiện nay ở Việt Nam các ngành cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán đang phát triển rất mạnh mẽ, tuy nhiên đội ngũ cán bộ kiểm toán thì còn khá ít, kinh nghiệm chuyên môn chưa cao. Để có thể hội nhập và theo kịp các kỹ thuật kiểm toán tiên tiến của thế giới thì các tổ chức đào tạo nhân lực phải cung cấp cho ngành kiểm toán đội ngũ nhân lực có chất lượng. Muốn vậy các tổ chức đào tạo phải có phương pháp đào tạo khoa học, hiệu quả, luôn ứng dụng và cập nhật các thông tin mới cho các sinh viên của mình.

Ở nước ta, các tổ chức đào tạo nhân lực cho ngành kiểm toán rất nhiều. Hàng năm có một số lượng đáng kể các sinh viên chuyên ngành kế toán - kiểm toán ra trường. Tuy vậy vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của các công ty kiểm toán cũng như chưa theo kịp xu thế thế giới. Vì thế, các nhà trường cần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo cho sinh viên chuyên ngành kiểm toán. Các trường cần phải tự hoàn thiện phương pháp, quy trình giảng dạy của mình, nếu cần thiết có thể áp dụng phương pháp dạy mới, cập nhật các thông tin mới cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên được đi thực tế trong quá trình học nhằm giúp sinh viên sớm định hình được công việc sau này để có

[Type text]

thể có kế hoạch định hướng cho việc học trên trường lớp. Ngoài ra các trường cũng nên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về ngành nghề của mình.

3.2.4.6 Về phía các tổ chức kiểm toán

Để ngày càng phát triển trong khi sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty kiểm toán cũng ngày càng cao thì bản thân công ty kiểm toán APS cũng không thể không cần đến sự hợp tác của các công ty trong nghề. Nếu được các công ty kiểm toán khác cùng hỗ trợ, liên kết, hợp tác với nhau thì hiệu quả kinh doanh sẽ còn cao hơn. Hơn thế nữa, sự hợp tác sẽ tạo ra sức mạnh để tránh sự cạnh tranh của các công ty đối thủ.

Nếu các công ty kiểm toán cũng hoạt động và cạnh tranh nhưng cạnh tranh một cách lành mạnh thì bản thân công ty APS nói riêng và các công ty kiểm toán nói chung mới có thể cùng nhau tồn tại và phát triển.

KẾT LUẬN

Tổng kết những kết quả đạt được của đề tài:

- Lý thuyết:

+ Nắm rõ được cái nhìn tổng quan về kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng.

+ Tìm hiểu một cách cụ thể và chi tiết hơn về tài sản cố định như: khái niệm, tính chất, đặc điểm, phân loại.

+ Các phương pháp tính NG TSCĐ, phương pháp tính khấu hao, phương pháp hạch toán TSCĐ.

+ Nhiệm vụ và quy trình của việc kiểm toán khoản mục TSCĐ từ khâu lập kế hoạch đến bước thực hiện kế hoạch kiểm toán và cuối cùng là kết thúc kiểm toán.

- Thực trạng công tác kiểm toán TSCĐ:

+ Tìm hiểu khái quát về Công ty Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

+ Mô tả lại chi tiết quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát tại Công ty Haivina Kim Liên từ quá trình lập kế hoạch đến thực hiện và kết thúc

Lập kế hoạch kiểm toán:

Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng

Hợp đồng kiểm toán, kế hoạch kiểm toán và nhóm kiểm toán

Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

[Type text]

Tìm hiểu chính sách kế toán và chu trình kinh doanh quan trọng

Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính

Đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro gian lận

Xác định mức trọng yếu

Tổng hợp kế hoạch kiểm toán

Thực hiện kế hoạch kiểm toán:

Kiểm tra hệ thống KSNB đối với khoản mục TSCĐ

Thực hiện thủ tục phân tích

Phân tích tình hình tăng giảm số dư của TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Kiểm tra tính hợp lí của việc xác định thời gian sử dụng của tài sản

So sánh tỷ lệ khấu hao trung bình cho các nhóm tài sản với niên độ trước và yêu cầu giải trình nếu có sự thay đổi

Thực hiện thủ tục kiểm tra chi tiết

Thu thập bảng tổng hợp biến động từng loại TSCĐ theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

Quan sát thực tế TSCĐ

Kiểm tra chi tiết tính khấu hao TSCĐ

Kết thúc quá trình kiểm toán:

Soát xét giấy tờ làm việc của KTV

Soát xét sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC

Tổng hợp kết quả kiểm toán

Chuẩn bị dự thảo Báo cáo kiểm toán và thư quản lý

Gửi các Báo cáo dự thảo và thảo luận kết quả kiểm toán với BGD khách hàng

- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán BCTC

nói chung và quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng đối với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát.

Do còn nhiều hạn chế về kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Em mong

[Type text]

nhận được sự đóng góp ý kiến từ phía thầy cô giáo cũng như từ phía công ty APS để em có thể hoàn thiện hơn đề tài của mình. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô giáo trong khoa cùng Ban Giám đốc và các anh chị tại Phòng nghiệp vụ - công ty Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát đã tận tình hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho em trong thời gian thực tập vừa qua.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Đậu Ngọc Châu và TS. Nguyễn Việt Lợi (2011), Giáo trình kiểm toán Báo cáo tài chính, HVTC, Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội.
2. GS.TS Nguyễn Quang Huynh và TS. Ngô Trí Tuệ (2011), Giáo trình kiểm toán tài chính, ĐHKQTĐ, Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội.
3. PGS.TS Nguyễn Văn Công (2011), Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, ĐHKQTĐ, Nhà xuất bản giáo dục Hà Nội.
4. Thông tư 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
5. Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 20/03/2006
6. Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.